

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
Số: 38/2019

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Ths. ĐINH QUỐC THỊ

Ban biên tập:
Ths. ĐINH QUỐC THỊ
TS. NGUYỄN TRỌNG TỰ
Ths. TRẦN ÁNH DƯƠNG
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Thư ký:
Ths. TRẦN THỊ QUỲNH NGA

Trình bày:
Ths. LÊ ĐÌNH HÙNG

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoaoc.tcttp@gmail.com
Website: <http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn>

Bìa 1: Lãnh đạo Tỉnh ủy Hà Tĩnh, cán bộ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú chụp ảnh lưu niệm với Đoàn cán bộ Lớp Bồi dưỡng công tác Tổ chức của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong chuyến thăm và làm việc tại Hà Tĩnh, tháng 6 năm 2019.

Ảnh: Lê Đình Hùng

In 150 cuốn, khổ 19 x 26,5cm, tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153 - Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy phép xuất bản số: 47/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh cấp ngày 05 tháng 8 năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2019.

MỤC LỤC

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

	<i>Trang</i>
1. Ths. Đinh Quốc Thị:	2
2. TS Nguyễn Quang Ngọc:	10
3. Ths. Nguyễn Mỹ Hạnh:	15
4. Ths. Phan Bá Linh:	19
5. Th.s Lê Đình Hùng:	22
6. Ths. Nguyễn Trọng Vinh:	25
7. Ths. Nguyễn Việt Sơn:	27
8. Ths. Nguyễn Thắng Mỹ:	30
9. Ths. Thái Thị Hiền:	33
10. Ths. Bùi Thị Nhung:	37
11. Ths. Trần Thị Thúy Hương:	41
12. Phan Thị An Phú:	44

THỰC TIỄN – KINH NGHIỆM

13. Ths. Đinh Quốc Thị:	48
14. Ths. Trần Ánh Dương:	51
15. Ths. Trần Thị Quỳnh Nga:	53
16. Ths. Hồ Thanh:	55
17. Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh:	58
18. Ths. Phan Thị Ái Vân:	62
19. Ths. Bùi Thị Nhung:	64

THÔNG TIN

20. Ths. Lê Đình Hùng:	68
21. Ths. Thái Thị Hiền:	70

ĐẢNG BỘ HÀ TĨNH PHÁT HUY TINH THẦN CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN



Ths. ĐINH QUỐC THỊ

TUV, Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

Đồng chí Trần Phú - Người con ưu tú của Đảng và dân tộc ta, đã có những cống hiến to lớn cho Đảng và cách mạng Việt Nam. Trước hết là những đóng góp to lớn trong việc xây dựng lý luận về cách mạng Việt Nam, về xây dựng Đảng, về xây dựng lực lượng cách mạng và đường lối vận động nhân dân.

Từ sự thông minh và nhạy cảm về chính trị của mình, đồng chí đã sớm có nhận thức sâu sắc: muốn làm cách mạng phải có lý luận cách mạng soi đường, mà đó là lý luận Mác - Lênin, từ đó đã trở thành tấm gương tiêu biểu, say mê trong việc học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị. Động cơ học tập là để làm cách mạng, cứu nước, cứu dân; thái độ và phương châm học tập là gắn lý luận với thực tiễn. Khi được Quốc tế cộng sản và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cử về nước để trực tiếp hoạt động, đồng chí đã nhanh chóng xâm nhập thực tiễn phong trào cách mạng, tìm hiểu về tình hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức Đảng và nghiên cứu vận dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và các chỉ dẫn của Nguyễn Ái Quốc (Trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và trong các bài giảng của Bác mà đồng chí được nghe) để phân tích, đánh giá tình hình cách mạng Việt Nam, những đặc điểm riêng của Đảng Cộng sản Việt

Nam, của những yếu kém, của cán bộ, đảng viên trong nhận thức về đảng và những khó khăn trong công tác lãnh đạo của Đảng, để từ đó bổ sung, hoàn thiện đường lối cho cách mạng Việt Nam. Với đồng chí Trần Phú để làm tốt công tác giáo dục chính trị, phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, xây là tổ chức các lớp bồi dưỡng, học tập và phát huy tinh thần tự học để nắm vững lý luận Mác - Lênin, chủ trương, đường lối của Đảng. Chống là phải nhạy cảm, dũng cảm, kiên trì, kiên quyết bác bỏ các luận điệu xuyên tạc, chỉ rõ nhận thức sai trái để khắc phục. Đồng chí Trần Phú đã luôn luôn nêu cao tinh thần đấu tranh chống lại chủ nghĩa cơ hội, tả khuynh, hữu khuynh và những nhận thức mơ hồ, lệch lạc về Đảng, nhất là về bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Niềm tin tuyệt đối vào lý luận Mác - Lênin cũng như tinh thần, phương pháp học tập lý luận, phương pháp đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở đồng chí Trần Phú là những bài học vô cùng quý báu cho chúng ta trong công tác xây dựng Đảng, nhất là trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Quán triệt nhận thức “không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong

trào cách mạng”⁽¹⁾ Cách mạng Việt Nam muốn thành công trước hết phải có Đảng lãnh đạo, mà Đảng ấy là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời là của cả dân tộc, ngay từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, mở ra một kỷ nguyên mới cho đất nước, quê hương, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ Hà Tĩnh đã đặc biệt chú trọng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, mà trước hết là tập trung huấn luyện, giáo dục nâng cao nhận thức lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Đầu tháng 10/1945, Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ Hà Tĩnh được cấp trên chỉ định gồm 05 đồng chí, trong bọn bề công việc kháng chiến, kiến quốc, nhưng để tạo ra sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong toàn Đảng bộ tiến tới đại hội, ngày 20/10 Tỉnh ủy lâm thời đã quyết định mở lớp huấn luyện cán bộ đầu tiên với 30 học viên là những cán bộ Việt Minh và cán bộ của Ủy ban nhân dân cách mạng ở các huyện, giáo viên là các đồng chí cán bộ Tỉnh ủy. Đến ngày 12/12/1945, Đại hội Đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh được tổ chức, để nhanh chóng củng cố các tổ chức Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể, Đại hội đã chủ trương đẩy mạnh công tác huấn luyện cán bộ, mở rộng đối tượng đến cán bộ nòng cốt các xã. Các lớp huấn luyện này được lấy tên là “lớp chính trị Trần Phú” và tên Trường Chính trị Trần Phú có từ đây.

Thực hiện chủ trương của Đại hội Đại biểu Đảng bộ và từ yêu cầu thực tế của địa phương, đây là thời kỳ Hà Tĩnh tập trung phát động các phong trào Bình dân học vụ, tăng gia sản xuất, kháng chiến kiến quốc, do đó công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ đã trở nên hết sức cấp bách, Tỉnh ủy đã phân công 01 đồng chí trực tiếp chuyên trách chăm lo công tác đào tạo huấn luyện

cán bộ (đó là đồng chí Trần Bình), kể từ đó các lớp học được mở liên tục, mỗi năm 4 đến 5 lớp, mỗi lớp có 35 đến 50 học viên, thời gian học là từ 1,5 đến 2 tháng, ngoài ra còn có cả những lớp huấn luyện cấp tốc ngắn ngày (mỗi lớp 20 ngày), do điều kiện cơ sở vật chất rất khó khăn nên miếu, mạo, đình, chùa cũng thành nơi học tập. Để tạo thuận lợi cho cán bộ đi học, Tỉnh ủy chủ trương tổ chức lớp học ở nhiều nơi, tại các huyện, các xã, nhờ vậy đã có hàng ngàn cán bộ được huấn luyện, đào tạo để đảm đương công việc.

Để chấn chỉnh việc tổ chức học tập lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, ngày 30/5/1948 Tỉnh ủy đã ban hành văn bản số 444-VP/TU gửi các huyện ủy, trung đoàn ủy nhắc nhở: “Việc huấn luyện đồng chí mới, đảng viên mới chưa được đặt vấn đề. Trong các chi bộ đã có tinh thần học tập nhưng thiếu phương pháp và thiếu kiểm soát. Đề nghị mở lớp huấn luyện cho cán bộ hành chính xã”.

Sau khi học tập và sửa chữa lẽ lỗi làm việc, để đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, ngày 13/8/1948, Tỉnh ủy đã ban hành chương trình thi đua 5 tháng cuối năm và đã đặt ra yêu cầu rất cụ thể cho công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ: “Nhiệm vụ của chúng ta phải huấn luyện được 80% trong số các đồng chí tính đến 30/12/1948 và huấn luyện tất cả các chi ủy viên chưa được huấn luyện về chương trình 7 ngày của Khu...”. Ngoài việc giao chỉ tiêu cụ thể mỗi huyện phải mở 5 lớp, mỗi lớp 50 đồng chí, Tỉnh ủy còn chỉ đạo mở 3 lớp đào tạo huấn luyện viên cho các huyện để về tự mở các lớp huấn luyện cho cán bộ, đảng viên đến tận chi bộ.

Về quản lý việc học tập, văn bản của Tỉnh ủy đã nêu rõ: “Ngoài việc huấn luyện bằng cách mở lớp, việc cần thiết đáng chú ý nhất là phải tổ chức học tập rất nề nếp, giúp cán bộ tiến kịp phong trào”. Chỉ tiêu

(1) V.I.Lê-nin: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 6, tr. 30, 32.

phần đầu sau 05 tháng thi đua huấn luyện là mỗi huyện phải có ít nhất 60% tổng số chi bộ trong toàn huyện tự động công tác được, kể cả những chi bộ đã tự động công tác từ trước”.

Ngày 19/8/1948, Tỉnh ủy lại tiếp tục có văn bản bổ sung kế hoạch huấn luyện cán bộ, đảng viên trong 5 tháng cuối năm, đặt ra yêu cầu cụ thể về số lượng cán bộ các cấp được huấn luyện, nội dung, chương trình, đồng thời tiếp tục nhắc nhở những hạn chế trong công tác huấn luyện cán bộ đó là “việc huấn luyện cán bộ Đảng có cố gắng, song huấn luyện cán bộ chính quyền lại rất hạn chế”.

Từ những kết quả của công tác huấn luyện cán bộ và những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Hà Tĩnh năm 1949 ghi rõ: “Đảng càng ngày càng mạnh lên, công việc càng ngày càng nhiều, phức tạp cần có một trình độ điều khiển có nghiên cứu, có tổ chức, bao quát mọi ngành, mọi mặt, nhân dân càng ngày càng tiến bộ, đòi hỏi Đảng có một sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt, bởi vậy tất cả các đảng viên phải đặt việc học hỏi về văn hóa và chính trị thành nhiệm vụ tối cần thiết”. Từ đây vị trí, trọng trách lớn lao của Trường Chính trị Trần Phú tiếp tục được khẳng định, đội ngũ cán bộ, giảng viên được tăng cường, các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể về chính trị, văn hóa được mở liên tục tạo thành phong trào học tập sôi nổi, rộng rãi trong toàn Đảng bộ cũng như ngoài nhân dân.

Thực hiện phát động của Trung ương về cuộc vận động đào tạo cán bộ, học tập lý luận chính trị, ngày 04/8/1949 Tỉnh ủy đã tổ chức phát động triển khai đến tận chi bộ với với ba nhiệm vụ chính: Đào tạo cán bộ (cung cấp cho nhu cầu công tác hiện tại; cung cấp cho cuộc tổng phản công sắp tới); học tập lý luận (nâng cao trình độ chính trị, văn hóa cho cán bộ và đảng viên; gây một

phong trào học tập sôi nổi, thường xuyên, bền bỉ và liên tục trong cán bộ và đảng viên); xây dựng chi bộ (để làm cho chi bộ trong toàn tỉnh tiến tới hoàn toàn tự động; làm cho chi bộ có một nề nếp lãnh đạo và vận động quần chúng để thực hiện thi đua, chuẩn bị tổng phản công). Mục tiêu học tập là nhằm ba khẩu hiệu: “cán bộ tốt làm gì cũng được”, “học tập lý luận để chiến thắng”, “Chi bộ lãnh đạo được dân làm gì cũng xong”.

Để việc huấn luyện cán bộ đạt kết quả tốt, Tỉnh ủy đã giao cho các cấp phải chú ý tăng cường Ban Giám đốc các nhà trường, ban phụ trách việc học tập trong lớp, chú ý cung cấp đầy đủ giảng viên để các lớp học khỏi bị gián đoạn. Tỉnh ủy còn xác định cụ thể về yêu cầu đối với việc học tập lý luận là nhằm “nâng cao trình độ lý luận căn bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, trình độ văn hóa, trau dồi tư cách đạo đức cách mạng, sửa chữa tư tưởng cho toàn Đảng bộ, gây một tác phong học tập, tu dưỡng thường xuyên, bền bỉ trong đảng viên, cán bộ”.

Nhờ được chỉ đạo quyết liệt, cụ thể từ việc xây dựng nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phân công cán bộ phụ trách nên công tác đào tạo, huấn luyện về lý luận đạt nhiều kết quả, hàng ngàn lớp học với hàng vạn cán bộ các cấp được đào tạo, bồi dưỡng. Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh mở rộng từ ngày 10 đến ngày 14/12/1950 nhận định: “Phong trào học tập lý luận sôi nổi trong toàn tỉnh, nhất là ở những chi bộ cơ quan, xí nghiệp”.

Hội nghị cũng đã chỉ ra những mặt hạn chế, yếu kém trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và học tập lý luận đó là: “Nhìn chung việc học tập lý luận còn nặng về hình thức và thiếu phối hợp. Chưa vận dụng được việc học tập lý luận vào thực tế để sửa chữa những sai lầm của ta về chủ trương, chính sách để bồi bổ cho trình độ lãnh đạo của Đảng”; “Cán bộ công nông

vẫn còn hiện trạng khinh lý luận, chưa cố gắng học tập nên kém lý luận, cán bộ trí thức và các thành phần khác vẫn còn xa rời thực tế. Tình trạng đó ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng chưa kết hợp được lý luận và thực tế”. Từ đó, hội nghị đã xác định phải tiếp tục “Đẩy mạnh cuộc vận động học tập lý luận, đào tạo cán bộ” với yêu cầu mới: chấn chỉnh việc học tập để đảm bảo phương châm: “Vận dụng lý luận vào thực tế, đối chiếu với tư tưởng để nâng cao trình độ lãnh đạo của cán bộ, đảng viên. Phối hợp học tập trong Đảng với ngoài nhân dân”; “Nắm vững tinh thần học tập thấu đáo để nâng cao lòng tin tưởng của đảng viên với sứ mệnh của Đảng và nâng cao sự giác ngộ về lập trường Đảng”. Về hình thức học tập cần phải phát triển hình thức học tập dân chủ, để cả giảng viên và học viên cùng thảo luận đi đến thống nhất chung về nhận thức.

Bước vào giai đoạn từ 1951 - 1954, để đáp ứng nguồn cần cung cấp cán bộ cho kháng chiến, Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 02/01/1951 đã quyết nghị 8 vấn đề lớn của tỉnh trong đó có vấn đề “chấn chỉnh hai trường văn hóa và chính trị” nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, theo đó Tỉnh ủy đã tăng cường cán bộ và cơ sở vật chất cho Trường Chính trị Trần Phú để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, từ đó công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ đã đạt nhiều kết quả. Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII họp từ 26/6 đến 03/7/1951 đã đánh giá: “Phong trào học tập sôi nổi, rộng rãi trong Đảng cũng như ngoài nhân dân, các lớp huấn luyện chính trị, văn hóa được mở liên tiếp... Việc đào tạo cán bộ mới, bổ túc cán bộ cũ và cán bộ công nông rất được chú ý”. Đại hội cũng đã chỉ ra những yếu kém trong công tác đào tạo, huấn luyện chính trị, đặc biệt đã chỉ ra nguyên nhân yếu kém là do “Chưa kết hợp được việc học tập lý

luận với phong trào thực tế, chưa gắn liền việc học tập chính sách, chủ trương của Đảng với việc kiểm thảo các chủ trương công tác trong địa phương với việc học tập chính trị nói chung với việc sửa chữa sai lầm trong Đảng bộ”. Từ đó, Đại hội đã chủ trương tiếp tục “Đẩy mạnh và gắn liền hai cuộc vận động học tập lý luận, đào tạo cán bộ và phê bình, tự phê bình. Học tập phải gắn liền sửa chữa tư tưởng. Sửa chữa tư tưởng phải gắn với kiểm thảo. Học tập và sửa chữa tư tưởng phải gắn liền với thực tế phong trào”, nhờ vậy từ sau cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp và thực hiện cải cách ruộng đất, trong hoàn cảnh rất nhiều khó khăn, chính quyền còn non trẻ, lực lượng đảng viên, cốt cán của tỉnh còn ít, trong khi nhiệm vụ xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến lại hết sức nặng nề, nhưng Đảng bộ Hà Tĩnh đã luôn luôn tập trung cho công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác huấn luyện, đào tạo nâng cao nhận thức lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ từ đó đã tạo được sự thống nhất cao về chính trị và tinh thần trong toàn Đảng bộ, tạo sự thống nhất giữa Đảng và Nhân dân.

Từ 1954 - 1960, đây là thời kỳ Hà Tĩnh cùng cả nước tập trung khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tiếp tục đấu tranh thống nhất nước nhà. Kết quả to lớn của cuộc vận động cải cách ruộng đất đã làm cho hàng vạn nông dân trong tỉnh được giải phóng khỏi áp bức bóc lột của địa chủ phong kiến; giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, quan hệ sản xuất phong kiến bị xóa bỏ và từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới. Tuy nhiên, cải cách ruộng đất đã phạm phải một số sai lầm lớn cả trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn dẫn đến những tổn thất nặng nề, kéo dài trên nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng đòi hỏi phải tập trung sửa sai. Để thực hiện thắng

lợi những nhiệm vụ mới đang đặt ra, đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng nhằm tạo ra sự thống nhất về chủ trương cũng như những biện pháp chỉ đạo thực hiện.

Công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ tiếp tục phải được đẩy mạnh. Ngày 02/2/1956 thực hiện chủ trương của Liên khu ủy, Tỉnh ủy đã có chỉ thị về việc mở các lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở sau cải cách ruộng đất; tiếp đó ngày 16/4/1956 Tỉnh ủy tiếp tục ra chỉ thị về việc mở lớp bồi dưỡng cấp tốc cho cán bộ cơ sở xã nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ, tư tưởng, lập trường, chính sách, nề nếp lãnh đạo.

Các lớp huấn luyện, bồi dưỡng được mở liên tục và cấp bách nhưng nhà trường đã luôn luôn quán triệt đào tạo lý luận phải gắn với thực tiễn, cùng với việc học tập lý luận học viên còn được tổ chức nghiên cứu tìm hiểu các điển hình về lao động, công tác, lãnh đạo tư tưởng, lề lối làm việc. Từ cuối 1956, thực hiện nghị quyết về công tác tư tưởng của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo tăng cường nhân lực và cơ sở vật chất cho Trường Chính trị Trần Phú để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Từ 1958 -1960, Đảng bộ Hà Tĩnh cùng cả nước tập trung lãnh đạo cải tạo Xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà. Thực hiện Chỉ thị 85-CT/TW về kế hoạch học tập lý luận chính trị Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên, ngày 27/5/1958 Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ra Thông tri số 255-TT/TU “về kế hoạch học tập lý luận Mác - Lênin về thời kỳ quá độ cho cán bộ”, mục đích là nhằm “Tăng thêm đoàn kết trong Đảng và trong hàng ngũ cách mạng trên cơ sở tư tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao tinh thần phấn khởi và ý chí đấu tranh cho công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà”. Kế hoạch của Tỉnh ủy còn quy định cụ thể yêu cầu về nội dung, chương

trình, phương pháp huấn luyện cho từng đối tượng học. Theo đó, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiếp tục bổ sung nhân lực và cơ sở vật chất cho Trường Chính trị Trần Phú, cho xây dựng cơ sở vật chất mới.

Từ 1961 - 1965, bước vào thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, thực hiện quan điểm của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III về nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh (vòng 2) đã đánh giá: “Việc huấn luyện, đào tạo cán bộ về các mặt Đảng, chính quyền, chuyên môn, văn hóa được tiến hành tích cực hơn trước nhiều. Đại đa số là cán bộ thành phần công nông và cơ sở”; “Các ngành, đoàn thể đều đã tiến hành nhiều đợt huấn luyện cho cán bộ các cấp của mình”. Đại hội cũng chỉ ra yếu kém trong công tác huấn luyện lý luận chính trị: “Việc tổ chức lớp ở một số nơi chưa chặt chẽ; việc đôn đốc kiểm tra theo dõi tình hình học tập chưa thực sự được chú ý... Về lãnh đạo của một số cấp ủy chưa có sự quan tâm đúng mức”. Để phát huy những kết quả của phong trào học tập lý luận, ngày 13/2/1961 Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 09-CT/HT bổ sung kế hoạch học tập lý luận tại chức, chỉ thị yêu cầu việc đầu tiên là “Phải khắc phục biểu hiện lệch lạc như coi thường lý luận, chạy theo công tác một cách sự vụ, không đặt vấn đề học tập thành chế độ”. Do điều kiện hiện tại việc học tập trung tại trường khó khăn cho nên Tỉnh ủy đã xác định “Việc tổ chức học tại chức là hình thức chủ yếu”, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy “phải đặt việc học tập lý luận vào chương trình công tác, phải kế hoạch hóa công tác học tập, phải chú ý lãnh đạo nội dung, phương châm, phải tạo điều kiện cho công nhân viên học tập, nhất là các cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo phải gương mẫu trong học tập và trong khi mình theo học ở lớp nào, tổ chức

nào thì phải có nhiệm vụ xây dựng phong trào học tập ở đó được tốt”.

Để đáp ứng yêu cầu không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, khắc phục những yếu kém trong công tác giáo dục lý luận chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Chỉ thị 62-CT/TW về việc cải tiến công tác trường Đảng. Quán triệt tinh thần lãnh đạo của Trung ương và trên cơ sở thực tế của Hà Tĩnh, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh tháng 8/1963 đã khẳng định nhiệm vụ tiếp tục nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và coi công tác này là “nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng”. Đại hội chỉ rõ: “Tiếp tục củng cố việc học tập lý luận tại chức, việc huấn luyện chính trị cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở, củng cố Trường Đảng tỉnh, tiến hành mở các lớp huấn luyện ở huyện, bồi dưỡng giảng viên lý luận cho các cấp ủy Đảng”.

Thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng bộ, hàng ngàn cán bộ thuộc các cấp, các ngành được tham gia các lớp học. Nội dung, phương pháp huấn luyện cũng luôn luôn được cải tiến, bổ sung gắn chặt với yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh. Tuy vậy, việc tổng kết thực tiễn để bổ sung vào chương trình đào tạo vẫn còn yếu, chưa xoáy sâu vào việc giải quyết những mặt yếu, khâu yếu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nhận thức tư tưởng.

Để phát huy các kết quả và tiếp tục khắc phục những mặt yếu kém nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục nâng cao trình độ lý luận, ngày 20/9/1963, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 02 về cải tiến công tác giáo dục lý luận chính trị, nghiệp vụ, kỹ thuật và văn hóa cho cán bộ trung sơ cấp và cơ sở”, đồng thời đã ra chỉ thị 02-CT/TU “về việc cải tiến và tăng cường công tác trường Đảng”, lúc này do điều kiện cụ thể của Hà Tĩnh nên Tỉnh ủy không chủ trương thành lập thêm trường Đảng đào tạo cán bộ

sơ cấp mà giao cho Trường Chính trị Trần Phú phải vươn lên để đảm đương cả việc đào tạo cán bộ cơ sở và bồi dưỡng cán bộ sơ cấp. Thời kỳ này nhu cầu đào tạo cho công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đặt ra ngày càng cao, do đó để đáp ứng yêu cầu, Tỉnh ủy đã tiếp tục tăng cường nhân lực cho Trường Chính trị Trần Phú, đồng thời chỉ đạo tăng cường sử dụng giảng viên kiêm nhiệm là các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, các đoàn thể.

Tỉnh ủy cũng đã ra Nghị quyết số 217-NQ/NS ngày 28/11/1963 về việc thành lập Trường Chính trị tại chức, theo đó các lớp học tại chức trên toàn tỉnh sẽ chuyển về học tại Trường chính trị tại chức. Như vậy, tại thời điểm này ở Hà Tĩnh đã có 2 cơ sở huấn luyện chính trị đó là Trường Đảng Trần Phú và Trường Chính trị tại chức.

Thực hiện âm mưu mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, ngày 05/8/1964 Đế quốc Mỹ đã dựng lên sự kiện Vịnh Bắc bộ và tiến hành bắn phá miền Bắc. Đảng bộ Hà Tĩnh lại cùng cả nước thực hiện nhiệm vụ mới là chống chiến tranh phá hoại miền Bắc, công tác giáo dục chính trị tiếp tục phải tăng cường để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới ngày 18/6/1965 Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 20 trực tiếp chỉ đạo nhiệm vụ huấn luyện, đào tạo cán bộ trong tình hình mới, theo đó Trường Đảng Trần Phú cùng với các ban của Tỉnh ủy có nhiệm vụ dự thảo một chương trình huấn luyện mới và giúp Tỉnh ủy chỉ đạo các lớp học để đáp ứng tình hình nhiệm vụ thời chiến. Như vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên đã có những thay đổi nhằm đảm bảo mục tiêu “làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc tình hình đặc điểm, nhiệm vụ mới. Kiên định lập trường chính trị vững vàng trong mọi tình thế, nâng cao hơn nữa ý chí quyết tâm đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược. Nhận rõ phương hướng

nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu trong thời kỳ mới. Nắm được nội dung chuyển hướng kinh tế, công tác tư tưởng và tổ chức trong hình hình mới”.

Năm 1967, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào gay go, ác liệt, để giữ vững niềm tin và tinh thần chiến đấu cho quân và dân, Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 20-CT/TU “về tăng cường giáo dục cho cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở ở nông thôn, xí nghiệp” đã xác định rõ chỉ tiêu mở lớp huấn luyện cho các huyện, các ngành và trách nhiệm của các cấp ủy, của cán bộ, đảng viên đối với việc học tập nâng cao nhận thức chính trị.

Năm 1968 chiến tranh càng ác liệt, với thủ đoạn ném bom hạn chế để quốc Mỹ đã dồn sức hủy diệt khu vực từ Nghệ An đến Vĩnh Linh, để đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ, ngày 04/11/1968 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Nghị quyết số 58-NQ/TU về mở rộng và tăng cường tổ chức Trường Đảng tỉnh, theo đó, Trường Đảng tỉnh được mở thêm 2 phân hiệu và được tăng cường thêm cán bộ lãnh đạo quản lý và giảng dạy.

Có thể nói, giai đoạn từ 1965 - 1975, nhất là trong những năm 1967 đến 1972, đây là thời kỳ vẻ vang oanh liệt của vùng đất, con người Hà Tĩnh trong trang sử chống giặc ngoại xâm. Thời kỳ mà công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể thành công đã tạo nên sức mạnh to lớn, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Từ 1976, hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh hợp nhất, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị tiếp tục được đặt ra hết sức quan trọng đối với Đảng bộ Nghệ Tĩnh. Đến năm 1991, tỉnh Hà Tĩnh tái lập, thời kỳ đầu trong bộn bề công việc và thiếu thốn khó khăn, nhưng công tác giáo dục

chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên vẫn được đẩy mạnh.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIII khai mạc từ 20 - 22/1/1992 đã xác định: “Tiếp tục bồi dưỡng nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, phong cách đạo đức Hồ Chí Minh, về kiến thức văn hóa, khoa học, công nghệ, kiến thức quản lý, về lòng yêu quê hương, có ý thức phấn đấu cho dân giàu nước mạnh, chống tư tưởng bảo thủ, ỷ lại, tự ti, hẹp hòi. Xây dựng niềm tin và có lập trường kiên định vững vàng vào con đường xã hội chủ nghĩa”, “Các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng phải hết sức coi trọng, kiện toàn đội ngũ làm công tác tư tưởng, lý luận, củng cố các trung tâm giáo dục chính trị và mở rộng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng”.

Trên tinh thần đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Quyết định số 85-QĐ/TU, ngày 4/4/1992 về thành lập và công nhận đội ngũ giảng viên kiêm chức các bộ môn lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Tiếp đó, ngày 08/4/1992, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Quyết định số 60-QĐ/TU về thành lập trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Từ đó các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị sơ cấp, trung cấp được mở liên tục tại các huyện. Ngoài ra để đáp ứng yêu cầu về nguồn cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phối hợp với Trường Nguyễn Ái Quốc I (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) để mở các lớp đào tạo cao cấp lý luận chính trị. Thực hiện Quyết định số 88-QĐ/W ngày 05/9/1994 của Ban Bí thư và để đáp ứng yêu cầu về công tác cán bộ, ngày 18/11/1995 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 95-QĐ/TU về thành lập Trường chính trị tỉnh, từ đó công tác đào tạo bồi dưỡng đã đạt nhiều kết quả, có hàng trăm lớp học và hàng ngàn cán bộ được đào tạo.

Tổng kết công tác tư tưởng 5 năm từ 1992 - 1996, Tỉnh ủy đã khẳng định: “5 năm

qua trong bước thử thách lớn của thế giới và trong nước, chúng ta đã thể hiện được sự trung thành và kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thường xuyên chăm lo việc giáo dục lý luận chính trị, đạo đức cộng sản chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Từ năm 1992 đến 1996 đã có 21.842 lượt đồng chí tham gia học tập, bồi dưỡng qua các trường chính trị Trung ương và địa phương. Chúng ta đã tổ chức 211 lớp lý luận chính trị với 9.844 đồng chí, mở 78 lớp Bồi dưỡng cấp ủy với 6.300 đồng chí. Qua đó góp phần đáng kể vào việc giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị cho cán bộ, đảng viên, quần chúng”.

Từ 1996 đến 2018 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh các khóa XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, công tác đào, bồi dưỡng lý luận chính trị đã được lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn, ngoài việc củng cố, nâng cấp, mở rộng Trường Chính trị Trần Phú, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định thành lập trung tâm Bồi dưỡng các huyện, thành phố, thị xã. Từ đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên được thực hiện liên tục cho tất cả các đối tượng cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể từ cấp tỉnh đến tận chi bộ và chi đoàn, chi hội.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, ngày 20/11/2008 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU “Về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố, thị xã”. Ngày 15/10/2013, Ban Thường vụ Tỉnh khóa XVII đã ban hành Kết luận số 20 về tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố, thị xã. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo rất quyết liệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy cấp huyện, cấp xã, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng đạt

ngày càng nhiều kết quả. Từ năm 1991 - 2019 chỉ tính tại Trường Chính trị Trần Phú đã đào tạo 157 lớp Trung cấp lý luận chính trị và lý luận chính trị - hành chính với 11.951 học viên; phối hợp đào tạo 13 lớp Cao cấp lý luận chính trị với 1.371 học viên; 104 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước từ cán sự đến chuyên viên chính với 7.864 học viên; tổ chức bồi dưỡng chuyên đề lý luận và chính huấn cán bộ 305 lớp với 28.854 học viên. Kết quả đó đã góp phần tích cực nâng cao trình độ lý luận chính trị, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ngày càng vững mạnh.

Có thể khẳng định rằng từ sau cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Trung ương, phát huy tinh thần cách mạng của đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã luôn quan tâm chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhờ đó trải qua nhiều bước thăng trầm trong lịch sử cách mạng của Đảng và của dân tộc, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh vẫn luôn tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, vững bước trước mọi khó khăn thử thách, đoàn kết, chủ động, sáng tạo để không ngừng vươn lên góp phần cùng cả dân tộc thực hiện thành công hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và đang từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên quê hương mình, khu kinh tế Vũng Áng đã trở thành một trong năm khu kinh tế trọng điểm của quốc gia, kinh tế liên tục tăng trưởng, các vấn đề xã hội được giải quyết có hiệu quả, nông thôn mới đang hiện hữu, khát vọng của bao lớp người đi trước đang trở thành hiện thực, Hà Tĩnh trở thành điểm sáng về xây dựng nông thôn mới của cả nước với cách làm sáng tạo, mạnh mẽ, quyết liệt, niềm tin của nhân dân vào đường lối lãnh đạo của Đảng không ngừng được nâng lên./.

NHẬN DIỆN VĂN HÓA ĐẢNG



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Bối cảnh quốc tế và trong nước thời kỳ đổi mới đã và đang đặt Đảng ta đứng trước những vấn đề khó khăn, phức tạp. Không ít vấn đề lý luận và thực tiễn chưa đủ sáng tỏ; đổi mới và phát triển đã làm xuất hiện những mối quan hệ lớn đòi hỏi Đảng phải nắm vững và giải quyết; công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên còn những yếu kém, khuyết điểm; các thế lực thù địch đang tìm mọi cách tiến công phá hoại sự nghiệp cách mạng, ra sức xuyên tạc, vu cáo, kích động chia rẽ nội bộ Đảng, hòng làm tan rã Đảng từ bên trong... Trong tình hình ấy, nếu Đảng không thật sự kiên định, vững vàng về chính trị, tư tưởng; không thống nhất cao về ý chí, hành động; không gương mẫu, trong sạch về đạo đức, lối sống; không khoa học, chặt chẽ về tổ chức; không có cơ sở chính trị - xã hội vững chắc, không được nhân dân tin yêu, ủng hộ thì không thể giữ vững được vai trò lãnh đạo. Nhận thức rõ những vấn đề nêu trên, trong hơn 30 năm lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, cùng với những bước chuyển trong tư duy về đường lối phát triển kinh tế - xã hội, quan điểm của Đảng về công tác xây dựng Đảng cũng đã có những điểm bổ sung, phát triển quan trọng, trong đó, Đảng đặc biệt chú trọng xây dựng văn hoá trong Đảng, xem đây là nền tảng, là sức mạnh nội sinh bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu “xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”.

Văn hoá Đảng được hiểu là văn hoá của Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách một đảng cầm quyền - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đảm trách sứ mệnh lịch sử lãnh đạo giai cấp và dân tộc thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Văn hoá

thuộc về con người, của con người, do con người; là những giá trị Chân, Thiện, Mĩ do con người sáng tạo, gìn giữ, lưu truyền, bồi đắp, phát huy của mỗi cá nhân và xã hội. Đó đó, duy trì, thúc đẩy sự phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực, là sức mạnh nội sinh bảo đảm sự phát triển bền vững của dân tộc. Đảng là bộ phận ưu tú nhất của dân tộc, vì vậy, văn hoá - với những giá trị tự thân của nó, cũng phải trở thành mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh cho sự phát triển của Đảng. Văn hoá Đảng là một bộ phận của văn hoá dân tộc; là nơi hội tụ, kết tinh, biểu hiện tập trung nhất của văn hoá, trí tuệ dân tộc; là thước đo trình độ trưởng thành của Đảng và là nhân tố quan trọng quyết định năng lực lãnh đạo, khả năng cầm quyền của Đảng.

Nhận thức được tầm quan trọng của văn hoá Đảng, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta nhiều lần đề cập đến vấn đề này và xem đây là “nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã khẳng định: Để xây dựng và phát triển văn hoá trong xã hội, trước hết “phải xây dựng văn hoá từ trong đảng, trong bộ máy nhà nước... Văn hoá đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên”⁽¹⁾. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước khẳng định: “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”⁽¹⁾, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân. Nhất quán quan điểm nêu trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khẳng định: “Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”⁽²⁾. Trong đó, cần tập trung xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị; đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng; xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm; xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, cho đến nay, bên cạnh những thành tựu, văn hóa trong Đảng vẫn còn nhiều hạn chế. Đáng chú ý là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, vô trách nhiệm trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang

làm văn đục văn hóa trong Đảng, làm tổn hại uy tín, thanh danh của Đảng, làm suy giảm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, làm phương hại tới năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đó chính là những biểu hiện suy thoái về văn hóa, sự yếu kém và thiếu hụt năng lực văn hóa, sự lệch chuẩn văn hóa của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Đây là vấn đề hệ trọng liên quan trực tiếp đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Vì vậy, định vị giá trị và tiếp tục xây dựng văn hoá trong Đảng là một trong những vấn đề cấp bách, nhằm góp phần xây dựng Đảng thực sự là một Đảng cách mạng chân chính, là đạo đức, là văn minh. Để thực hiện nhiệm vụ này, trước hết cần nhận diện rõ những vấn đề liên quan đến văn hoá Đảng.

1. Định vị chuẩn giá trị văn hoá Đảng

Văn hoá chính trị có thể hiểu là bao gồm văn hoá lãnh đạo của Đảng, văn hoá quản lý của Nhà nước và văn hoá làm chủ của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn bộ xã hội, do đó văn hoá Đảng phải được nhìn nhận với tư cách là trung tâm của văn hoá chính trị, lan toả và tác động đến các mặt của văn hoá chính trị. Sự phát triển của văn hoá Đảng xoay quanh hệ chuẩn giá trị Chân, Thiện, Mĩ. Tuy nhiên, biểu hiện của hệ chuẩn giá trị đó trong từng nội dung như thế nào thì đòi hỏi phải có sự định vị rõ ràng, vì đây là cơ sở để xây dựng văn hoá Đảng.

Để định vị chuẩn giá trị văn hoá Đảng, trước hết phải xác định vị trí của Đảng trong hệ thống chính trị; vai trò, vị trí và mối quan hệ của tổ chức Đảng với các tổ chức trong hệ thống chính trị; các bộ phận hợp thành văn hoá Đảng; vai trò, sứ mệnh của Đảng đối với giai cấp và dân tộc; yêu cầu, mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng tổ chức và đạo đức... Từ

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII

cách tiếp cận trên, văn hóa Đảng được thể hiện trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, với Mặt trận, các đoàn thể và quan hệ giữa Đảng với nhân dân; trong việc hoạch định và lãnh đạo thực hiện đường lối; trong nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của Đảng; trong tác phong, lề lối làm việc, cách ứng xử của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; trong ứng xử giữa cán bộ, đảng viên với nhau và với nhân dân. Như vậy, xây dựng văn hóa trong Đảng là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; hoàn thiện phương pháp, phong cách lãnh đạo; giữ gìn đạo đức cách mạng; giữ vững các nguyên tắc của Đảng...

2. Tính cách mạng, khoa học và nhân văn của đường lối

Biểu hiện tập trung và sinh động nhất của văn hoá Đảng chính là văn hoá trong hoạch định và lãnh đạo tổ chức thực hiện đường lối. Năng lực lãnh đạo của Đảng trước hết thể hiện ở năng lực ban hành Nghị quyết, xác định nhiệm vụ chính trị. Đường lối không chỉ là hiện thân của trí tuệ, lương tâm, danh dự của Đảng, đại diện cho nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động mà còn là sinh mệnh của Đảng, của dân tộc. Đường lối là thước đo năng lực lãnh đạo và trình độ phát triển của Đảng; cùng với những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, nó trở thành động lực trong việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong hoạch định đường lối, Đảng phải luôn xác định rõ mục đích thiêng liêng là phục vụ nhân dân, vì lợi ích chính đáng của nhân dân và Đảng không có lợi ích riêng nào khác. Tính cách mạng, khoa học và nhân văn của đường lối là biểu hiện của văn hoá Đảng, đồng thời là một trong những nhân tố quan trọng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Vì vậy, đường lối, Nghị quyết của Đảng

phải được xây dựng trên quan điểm “vì dân”; phải phát huy dân chủ, tập trung được trí tuệ, sức mạnh tổng hợp của mọi đảng viên và cả hệ thống chính trị để đề ra nghị quyết lãnh đạo đúng đắn, khoa học, hợp lòng dân, có sức thuyết phục và khả thi. Mặt khác, việc hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối phải thể hiện quyết tâm chính trị, thái độ trách nhiệm của Đảng trước nhân dân và dân tộc và tuyệt đối không chấp nhận tác động của chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm, tiêu cực, tha hoá. Tất cả quá trình trên phải được chi phối bởi quan điểm “việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh”⁽¹⁾. Đó là biểu hiện của văn hoá Đảng trong hoạch định chủ trương, chính sách.

3. Tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên

Văn hoá Đảng được thể hiện trong văn hoá của từng cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng. Vì vậy, muốn xây dựng văn hoá Đảng, trước hết phải thực hành văn hoá nêu gương trong mỗi cán bộ, đảng viên. Nêu gương là một trong những giá trị đạo đức của nhân loại, là truyền thống đạo lý của dân tộc. Nêu gương có vai trò thuyết phục lòng người, dẫn dắt mọi người làm theo thông qua những giá trị tốt đẹp mà hành động của mỗi con người tạo ra. Đảng là người lãnh đạo cách mạng, cán bộ, đảng viên là người đầy tớ trung thành của nhân dân, do đó Đảng phải là người đi tiên phong, dẫn dắt dân tộc, nói trước, làm trước. Đảng phải dùng sự gương mẫu để lãnh đạo cách mạng và xem đây là một phương thức lãnh đạo văn minh nhất. Bởi vậy, văn hoá nêu gương của cán bộ, đảng viên là nội dung cốt lõi trong xây dựng văn hoá chính trị nói chung và văn hoá Đảng nói riêng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Đối

(1) Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB CTQG H.2000. Tập 4, tr.56

với các dân tộc phương Đông thì “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁽¹⁾, do đó, cán bộ, đảng viên “muôn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”⁽²⁾. Người cũng đã nhiều lần căn dặn cán bộ, đảng viên: “Tự mình không trong sáng, không gương mẫu, tự mình đã hủ hoá thì không lãnh đạo được ai, không làm nên trò trống gì. Nếu tự mình đã cần kiệm, liêm chính, không tham danh vọng thì bất cứ thủ đoạn nào của kẻ địch cũng không thể mua chuộc và làm mình gục ngã”⁽³⁾. Thực tế cho thấy, trong các phong trào cách mạng, ở đâu cán bộ, đảng viên gương mẫu đi đầu thực hiện đường lối, chính sách, trong lao động và sáng tạo thì ở đó phong trào phát triển mạnh mẽ, đạt hiệu quả cao; ở đâu cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, ở đó phong trào yếu kém, hiệu quả thấp.

Để thực hành văn hoá nêu gương, trước hết bản thân mỗi cán bộ, đảng viên phải rèn luyện nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, ham tiền tài, danh vọng, vô cảm trước khó khăn của quần chúng nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Rèn luyện đạo đức, lối sống đối với cán bộ, đảng viên là một nhiệm vụ cơ bản đảm bảo cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh. Nhân cách, đạo đức, trí tuệ, sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, sẽ là những biểu hiện thực tế sinh động, thuyết phục nhất đối với nhân dân về sự chân chính và năng lực lãnh đạo của Đảng. Đây là một trong những nhân tố quan trọng nhất để củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Bên cạnh đó, nói đi đôi với làm cũng là một biểu hiện của văn hoá nêu gương. Sự

thống nhất giữa lời nói và việc làm là yêu cầu khách quan của phẩm chất người cán bộ, đảng viên; là nguyên tắc cao nhất của phong cách nêu gương. Vì vậy, muốn thực hành văn hoá nêu gương, cán bộ, đảng viên phải luôn thực hiện “nói đi đôi với làm”. Nếu người cán bộ, đảng viên nói nhiều làm ít, nói mà không làm, hoặc “nói một đằng làm một nẻo”, thì nhất định sẽ mất uy tín và vai trò của sự nêu gương sẽ không thể phát huy được. Ngoài ra, để nêu gương, cán bộ, đảng viên phải luôn tận tâm, tận lực, gương mẫu, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, thể hiện rõ tinh thần “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, “làm mực thước cho người ta bắt chước” trong mỗi hành động, việc làm của mình.

4. Văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên

Một trong những biểu hiện của văn hóa Đảng đó là văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên. Trong thực tiễn chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng con người mới, trong đó văn hoá ứng xử giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Trong ứng xử với bản thân mình, mỗi cán bộ, đảng viên “phải: cần, kiệm; cả quyết sửa lỗi mình...; vị công vong tư; không hiểu danh, không kiêu ngạo; nói thì phải làm; giữ chủ nghĩa cho vững...”. Có thể nói đây là bài học vỡ lòng về văn hoá ứng xử đối với bản thân của mỗi cán bộ, đảng viên. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bồi dưỡng phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư sẽ làm cho con người vững vàng trước mọi thử thách, để “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”, nhưng cũng có thể “cúi đầu làm ngựa đấm nhi đồng”.

Trong mối quan hệ ứng xử với người, những người đảng viên cần xây dựng mối quan hệ phải thật sự là đồng chí, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, trên cơ sở tình yêu thương giúp đỡ lẫn

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd., tập 1, tr.263.

(2) Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, tập 5, tr.552.

(3) Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, t5, tr.362

nhau, qua đó góp phần củng cố, phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống với nhau không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin”. Đó là phép ứng xử của tình yêu thương trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình chân thành, nghiêm túc giữa những người cùng lý tưởng, nó hoàn toàn xa lạ với thái độ “đĩ hoà vi quý”, “yêu nên tốt, ghét nên xấu”, bao che sai lầm khuyết điểm, càng xa lạ với tranh giành địa vị, quyền lợi hay sự phục thù một chiều của cấp dưới đối với cấp trên.

Trong ứng xử với công việc, cán bộ, đảng viên phải tận tâm, tận lực, “lời nói đi đôi với việc làm”, phải thực sự “chí công vô tư”, đặt công việc nước lên trên, lên trước việc tư, việc nhà; được giao nhiệm vụ thì phải quyết tâm làm cho kỳ được, không sợ khó nhọc, không sợ nguy hiểm...; việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm; việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh; việc gì dù lợi cho mình, phải xét nó có lợi cho nước không, nếu không có lợi, mà có hại cho nước thì quyết không làm. Bên cạnh đó, trong ứng xử với công việc, mỗi cán bộ, đảng viên phải xây dựng cho được tác phong quần chúng, mọi công việc đều từ nhân dân, vì nhân dân; phải sâu sát quần chúng, chú ý tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, quan tâm đến mọi mặt đời sống của quần chúng, chú ý lắng nghe ý kiến và giải quyết những kiến nghị chính đáng của quần chúng, sẵn sàng tiếp thu phê bình của quần chúng và sửa chữa khuyết điểm của mình.

5. Mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân

Văn hoá Đảng còn được thể hiện ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân. Trong mối quan hệ đặc biệt này, Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người phục vụ

nhân dân, còn nhân là chủ nhân của đất nước nhưng tự giác đồng tình với sự lãnh đạo của Đảng. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Để tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân, bản thân Đảng phải thực sự văn hoá; mọi đường lối, chủ trương của Đảng đều phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến và hướng tới chăm lo đời sống, lợi ích của nhân dân; phải tiếp tục thực hiện phương châm “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”, kịp thời loại bỏ những cán bộ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Đảng... Làm được những điều đó là thể hiện Đảng có trách nhiệm với dân, dân tin Đảng và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân vì thế sẽ được củng cố, tăng cường. Đó cũng chính là xây dựng dựng văn hoá Đảng.

Đảng là danh dự và lương tâm của dân tộc. Văn hóa đảng là lương tâm và danh dự của mỗi tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên trước dân tộc và nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, hôm qua là vĩ đại có sức hấp dẫn lớn, không nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Chính vì vậy, xây dựng văn hoá Đảng, để Đảng thực sự là đạo đức, là văn minh, là danh dự và lương tâm của dân tộc là trách nhiệm của mỗi tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên./.

BẢY MƯƠI NĂM TÁC PHẨM DÂN VẬN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH



Ths. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Trưởng Khoa Dân vận

Thấm nhuần sâu sắc quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc về vai trò của quần chúng nhân dân và sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, trong quá trình hoạt động cách mạng Bác Hồ luôn luôn đề cao vai trò của nhân dân và công tác dân vận. Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và cho toàn dân về vai trò của nhân dân và công tác dân vận Bác Hồ đã có rất nhiều bài nói, bài viết. Đặc biệt năm 1949, với bút danh X.Y.Z, Người viết bài báo “Dân vận” đăng trên Báo Sự Thật số 120 ra ngày 15-10.

Tác phẩm “Dân vận” đã đặt vấn đề và trả lời cho các câu hỏi: Dân vận là gì? ai làm công tác dân vận? Mục tiêu của dân vận? Nội dung của dân vận? Phương pháp cơ bản trong công tác dân vận? Như vậy, đối tượng công tác dân vận theo Bác Hồ không phải là một cá nhân hay một nhóm xã hội nào mà là toàn thể nhân dân. Hoạt động dân vận chính là nhằm thực hiện mục tiêu chung của cách mạng. Nội dung cơ bản của công tác dân vận là tổ chức lực lượng nhân dân, đại đoàn kết toàn dân để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Vì vậy, mọi tổ chức đảng, cấp chính quyền, cơ quan nhà nước, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, viên chức của hệ thống chính trị đều phải phụ trách công tác dân vận. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình mà có nội dung cụ thể về công tác dân vận. Trong quá trình thực hiện, phải luôn nêu cao tinh thần trách

nhiệm, tích cực chủ động, sáng tạo để có biện pháp vận động nhân dân cho phù hợp, thiết thực.

Bài viết của Bác ngắn gọn và giản dị về văn phong nhưng chứa đựng những tư tưởng, quan điểm khoa học lớn, đã giúp nâng cao nhận thức, giáo dục sửa đổi tác phong, lề lối làm việc, rèn luyện kỹ năng, phương pháp cho đội ngũ cán bộ đặc biệt là về công tác dân vận ngay từ những ngày đầu vận hành của chính quyền cách mạng.

Trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng Bác Hồ luôn luôn là tấm gương triết để thực hành dân vận trong lãnh đạo Đảng, Nhà nước, trong nắm bắt tâm tư nguyện vọng nhân dân và tháo gỡ những vấn đề đang đặt ra với công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng đất nước.

Công tác dân vận dưới sự lãnh đạo của Đảng chính là nhân tố hết sức quan trọng để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc trong thế kỷ XX với những mốc son chói lọi như thắng lợi của Cách mạng tháng 8/1945; chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954; Đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ Quốc, cả nước đi lên CNXH; những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

Để tiếp tục phát huy sức mạnh toàn dân tộc xây dựng, phát triển đất nước trong

điều kiện mới, từ thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”. Nghị quyết Trung ương Đảng đã chỉ ra rất cụ thể từ vấn đề nhận thức, nội dung, lực lượng, phương pháp làm công tác dân vận, trên tinh thần đó, các tổ chức trong hệ thống chính trị đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức thực hiện công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Việc quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và các cơ quan chính quyền về công tác dân vận đã mang lại những kết quả to lớn trong công cuộc đổi mới ngày nay. Đời sống của mọi tầng lớp nhân dân được nâng lên rõ rệt (2010: 1160 \$/ người⁽¹⁾; 2018 : thu nhập bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD⁽²⁾, tăng trên 2,23 lần sau 8 năm). Các chính sách xã hội đã quan tâm toàn diện đến các vấn đề xã hội đang đặt ra như đói nghèo, lao động - việc làm; y tế, giáo dục, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, cứu trợ, bảo đảm an toàn, trật tự và phòng chống tệ nạn xã hội...

Công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam được tiến hành từ đầu những năm 1990 của thế kỷ trước và trở thành Chương trình tổng thể cải cách nền hành chính Nhà nước gồm hai giai đoạn hiện nay (giai đoạn 1 từ 2001 đến 2010 và giai đoạn 2 từ 2011 đến 2020)⁽³⁾ đã tạo thuận lợi rất lớn trong

việc cung cấp các dịch vụ công cho người dân, ngăn ngừa hiện tượng quan liêu, tham nhũng. Việc thực thi dân chủ trong đời sống xã hội được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Việc đổi mới, xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đẩy mạnh học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cùng với quyết tâm chống tham nhũng đã thể hiện rất rõ vai trò đại biểu trung thành lợi ích cho nhân dân của Đảng và nhà nước ta. Nông thôn mới, đô thị văn minh đang hiện hữu, chính trị - xã hội ổn định, Việt Nam ngày càng có vị thế cao hơn trên trường quốc tế, mơ ước của bao lớp người đi trước đang trở thành hiện thực, mang lại nhiều điều kiện thuận lợi đảm bảo cho sự phát triển bền vững của mỗi con người và đất nước, quê hương trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập.

Tuy vậy, trên thực tế đang còn hiện tượng một số cán bộ, đảng viên vẫn chưa có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về nội dung lý luận cũng như thực tiễn về công tác dân vận; chưa thật sự nắm vững các quan điểm của Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận, vẫn còn cho rằng công tác dân vận chỉ là việc đi tuyên truyền phổ biến đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; là vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện nhiệm vụ nào đó. Thậm chí còn cho rằng dân vận là nhiệm vụ chuyên môn của Ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân. Một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức việc bố trí cán bộ phụ trách công tác dân vận và đoàn thể. Những nhận thức chưa đầy đủ, phiến diện như vậy dẫn đến nhiều nơi hiệu quả công tác dân vận thấp, chỉ dừng lại ở việc phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách một cách cứng nhắc, qua loa, đại khái. Những việc quan trọng như chăm lo lợi ích

(1) Nguồn: trang tài chính điện tử: <http://taichinhdientu.vn/>

(2) Nguồn VnEconomy, báo điện tử thuộc nhóm Thời báo Kinh tế Việt Nam

(3) Báo điện tử Chính phủ - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ

cho người dân thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách, các kế hoạch kinh tế - xã hội thiết thực chưa được quan tâm sâu sát, thậm chí nhiều cán bộ chưa hiểu được quan hệ gắn bó hữu cơ của việc hoạch định chính sách kinh tế - xã hội với công tác dân vận. Nhiều nơi, quy chế dân chủ cơ sở chưa được thực hiện nghiêm túc. Nhiều vấn đề đang đặt ra trong đời sống của nhân dân chưa được giải quyết kịp thời như vấn đề đời sống - việc làm; vấn đề môi trường; bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; vấn đề sức khỏe, vấn đề an toàn - an ninh trật tự; vấn đề công bằng, dân chủ... Những vấn đề nêu trên đang tạo ra nhiều áp lực lên đời sống nhân dân, ảnh hưởng nhiều chiều đến chất lượng cuộc sống và có khi tạo ra những tình huống chính trị - xã hội gay gắt ở một số địa phương. Trước những vấn đề nhân dân bức xúc, một số cán bộ có quyền hạn, trách nhiệm ở một số địa phương, các cấp các ngành chưa trăn trở, tìm giải pháp tháo gỡ, cá biệt còn có người đứng đầu một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước chưa thực hiện đúng quy định của Đảng, nhà nước về nêu gương, về công tác tiếp dân, chưa thực hiện đúng những lời cam kết của mình trước nhân dân. Sự trăn trở của người cán bộ thể hiện cái tâm, cái mà Bác Hồ gọi một cách hình ảnh là “hồng” của người cán bộ khi thực hiện nhiệm vụ. Thiếu sự trăn trở đó, người cán bộ vừa thiếu tâm, chưa “hồng”; vừa chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình và biểu thị sự nhận thức không đầy đủ về lý luận chính trị. Và thực trạng đó phản ánh rằng nhiều cán bộ đảng viên vẫn còn chưa thực hành đúng bản chất công tác dân vận như Hồ Chí Minh đã dạy ở tác phẩm nêu trên, đó là phải “Ôc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”.

Sự thiếu hiểu biết về nhiệm vụ của cán

bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc thực hành dân vận còn dẫn đến tình trạng không trau dồi nâng cao năng lực chuyên môn để có thể phục vụ nhân dân một cách tốt nhất, cao nhất. Nhiều công chức, viên chức được tuyển dụng, được đề bạt, bổ nhiệm cứ yên vị với vị trí việc làm rồi rơi vào trạng thái làm việc cầm chừng, thụ động, chạy theo sự vụ, theo sự chỉ đạo của cấp trên; tự thỏa mãn, bằng lòng mà không có sự phấn đấu nghiên cứu, sáng tạo, vươn lên về kỹ năng, về chuyên môn nghiệp vụ. Họ không hiểu rằng việc mang lại cho người dân những dịch vụ tốt nhất, nhanh chóng, thuận lợi nhất chính là đang làm dân vận theo chức trách nhiệm vụ theo quy định của Đảng, Nhà nước. Thực tế cho thấy một bộ phận còn chưa ý thức được rằng mỗi vị trí việc làm được hưởng lương từ ngân sách nhà nước - tiền của nhân dân và để phục vụ nhân dân. Từ những nhận thức đó dẫn đến một số cán bộ, đảng viên quan liêu, hách dịch, tham ô, hối lộ, xa dân, không lắng nghe ý kiến, kiến nghị của người dân, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; thiếu khả năng tuyên truyền, thuyết phục nhân dân; ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công tác dân vận...

Bên cạnh những nội dung trên, việc giữ gìn đạo đức, lối sống, việc nêu gương của cán bộ, đảng viên trong cộng đồng dân cư cũng hết sức quan trọng; thể hiện sự nhất quán giữa quan điểm, chủ trương của Đảng với hành động của tổ chức đảng và đảng viên; là biểu thị “lời nói đi đôi với việc làm”; là chữ “tín”, cơ sở của niềm tin và tín nhiệm. Nhưng nhiều cán bộ, đảng viên chủ quan hoặc yếu về nhận thức đã thể hiện một cuộc sống với mức sống cao, vị thế cao; lối sinh hoạt bẽ bề, tiện nghi vượt xa lên trên

mức sống, mức sinh hoạt chung của cộng đồng là hình ảnh mâu thuẫn với yêu cầu về tác phong quần chúng, tác phong gương mẫu. Hệ quả là nó ảnh hưởng đến những gì mà Đảng ta, Ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể đang truyền bá, vận động; dẫn đến sự thiếu phù hợp giữa lời nói và việc làm, ảnh hưởng sâu sắc tới niềm tin của người dân.

Có thể thấy nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên là do:

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong đó có cả người đứng đầu một số tổ chức đảng, cơ quan nhà nước về công tác dân vận chưa đầy đủ; Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát tốt về công tác dân vận.

- Một số cán bộ làm công tác dân vận còn hạn chế về trình độ, năng lực, chuyên môn nghiệp vụ, chưa có sự chủ động trong công tác tham mưu, nghiên cứu việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân vận.

- Cơ chế phối hợp hoạt động của một số cơ quan trong hệ thống chính trị về công tác dân vận chưa đồng bộ. Sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong nắm bắt tình hình nhân dân chưa có sự đổi mới, chưa sâu, sát, nhịp nhàng.

- Công tác giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân đối với hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước nói chung còn lúng túng, hiệu quả chưa cao, nhất là giám sát, phản biện đối với việc ban hành các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xã hội. Chính quyền địa phương một số nơi chưa phối hợp, tạo điều kiện cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; chưa thấy được việc nâng

cao hiệu quả giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể là giải pháp quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch vững mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thực chất, công tác dân vận là quá trình giác ngộ, tổ chức nhân dân thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của mỗi địa phương, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan đơn vị, hướng đến thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của đất nước vì độc lập của Tổ Quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Quá trình ấy chỉ thực sự đạt hiệu quả cao khi nhân dân hiểu biết được chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; nhiệm vụ của mỗi cấp, mỗi ngành, những thuận lợi khó khăn, và trách nhiệm của mỗi một người dân; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước, vào lời nói, việc làm của người cán bộ, đảng viên; quyền làm chủ của người dân phát huy đầy đủ để góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Vì vậy, để công tác dân vận đạt kết quả cao trước hết phải tập trung thực hiện tốt công tác xây dựng chính đồn đảng; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động; tăng cường cải cách hành chính, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, đảm bảo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, tâm huyết với công việc, tôn trọng nhân dân, lắng nghe ý kiến nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trước hết là tổ chức thực hiện tốt pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH, ngày 20/4/2007 về dân chủ ở xã phường, thị trấn,

Xem tiếp trang 32

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU - MUỐN NÊU GƯƠNG TRƯỚC HẾT PHẢI NÓI ĐI ĐÔI VỚI LÀM



Ths. PHAN BÁ LINH

*Phó trưởng khoa Lý luận Mác - Lênin,
tư tưởng Hồ Chí Minh*

Nêu gương là trách nhiệm, là đạo làm người cán bộ, người đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu. “Cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu”⁽¹⁾.

Nêu gương, theo Hồ Chí Minh: Thì trước hết phải làm gương cho mọi công việc từ nhỏ đến lớn, thể hiện thường xuyên, về mọi mặt, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, nói phải đi đôi với làm. Người dạy: “Nói miệng, ai cũng nói được. Ta cần phải thực hành”, “Trước hết, mình phải làm gương... Làm gương cả về ba mặt: tinh thần, vật chất và văn hoá... Ta phải: quyết tâm, trí tâm và đồng tâm. Ta nhớ ba chữ ấy, thực hành làm gương nêu ba chữ ấy lên, tất là các đồng chí phải thành công”⁽²⁾.

Theo Hồ Chí Minh, thực hành làm gương là đạo đức của người cán bộ, đảng viên nói chung, nằm trong vốn văn hóa phương Đông nói riêng. Người viết: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài văn truyền truyền”⁽³⁾. Sỡ dĩ nhân dân ta đi theo Đảng tin tưởng ở Đảng, yêu mến Đảng trước hết vì Đảng ta bao gồm những con người có đủ tư cách, có đạo đức, hết lòng vì họ chứ không vì chữ “cộng sản” viết trên trán

người cán bộ, đảng viên. Do vậy, “muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”. Tự mình phải chính trước mới giúp người khác chính. Mình không chính, mà muốn người khác chính là vô lý. Từ đó, Người yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu phải thực hành đạo làm gương. Với mình, với người, với việc đều phải làm gương, làm gương trên tất cả các lĩnh vực.

Cán bộ lãnh đạo, nhất là những người đứng đầu, là người có trọng trách trong một tập thể, vừa phải thực hành dân chủ, đồng thời phải quyết đoán; vừa là người ra quyết định lãnh đạo, quản lý, đồng thời tổ chức chỉ đạo thực hiện những quyết định ấy có hiệu quả, cụ thể, thiết thực. Do vậy, muốn nêu gương, người đứng đầu trước hết phải nói được, làm được, nói phải đi đôi với làm. Đây chính là “mệnh lệnh” đầy sức thuyết phục của người đứng đầu cho cán bộ cấp dưới và cho quần chúng tin theo. Uy tín của người đứng đầu chỉ thực sự “sâu rễ, bền gốc” trong lòng cán bộ cấp dưới quyền và quần chúng chỉ khi họ thực sự tiêu biểu cho trí tuệ, thống nhất giữa lời nói và việc làm, thực sự mẫu mực trong công tác và đạo đức lối sống.

Trong tính thống nhất biện chứng giữa nói và làm, trước hết, người đứng đầu phải nêu gương nói, nói ít, nói trúng, nói đúng; trước khi nói phải nghiên cứu thấu đáo, phải nắm rõ tình hình để nói có căn cứ khoa học. Không sát thực tiễn, ra quyết định lãnh đạo, chỉ đạo theo kiểu ngồi bàn giấy thì không bao giờ nói đúng, nói trúng cả.

(1) Ban Bí thư : *Quy định số 101- QĐ/TW*, ngày 07-6-2012, về quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG – ST, H.2011, tập 4, tr.171

(3) Hồ Chí Minh: Sdd, tập 1, tr.284

Nói là để làm, do vậy nêu gương nói phải vì mục đích đạt tới là nêu gương làm. Tức là, người lãnh đạo phải nêu gương bằng việc chứ không chỉ bằng lời, bằng hành động chứ không chỉ dừng lại ở nhận thức. Nghĩa là phải giám nghĩ, giám làm, trách nhiệm công việc cao, hiệu quả công việc lớn. Không hành động trong thực tiễn hoặc làm mãi mà không có hiệu quả thì nói đến đạo đức làm gương chỉ là lời nói suông. Mà như thế thì không thể là người lãnh đạo được. Hồ Chí Minh từng nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất”⁽¹⁾. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo nói riêng, nhất là người đứng đầu phải luôn làm “kiểu mẫu” trong công tác và lối sống; trong mọi lúc mọi nơi. Cán bộ cấp dưới, quần chúng nhân dân luôn trông đợi ở những việc làm thiết thực, cụ thể mắt thấy, tai nghe của người lãnh đạo. Do vậy, ở người đứng đầu, sự thống nhất chặt chẽ giữa nói và làm, giữa đạo đức và nêu gương đạo đức cần đạt tới sự nhất quán trong công việc, trong đời sống riêng và trong mối quan hệ với người khác, giữa đạo đức người lãnh đạo và đạo đức đời thường. Địa vị càng cao, uy tín càng lớn. Uy tín lớn mà nêu gương được đạo đức nói đi đôi với làm thì càng là người cao thượng.

Lòng tin và sự tôn trọng của cấp dưới dành cho cấp trên, của quần chúng dành cho lãnh đạo luôn bắt đầu từ chữ Tín. Khi có được lòng tin và sự tôn trọng, người lãnh đạo dễ dàng thực thi quyền lãnh đạo, quản lý của mình, không bao giờ thất bại. Hồ Chí Minh phê phán những cán bộ “Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết

thực cũng không làm được”⁽²⁾. Cấp dưới, quần chúng nhân dân không bao giờ tin cậy những cán bộ lãnh đạo nói mà không làm, hứa mà không làm, nói nhiều làm ít, nói hay làm dở, nói một đằng làm một nẻo. Đó là bằng chứng của giả dối, dối trá, trước hết là thói vô trách nhiệm và thiếu vắng lòng tự trọng. Nếu chính mình tham ô mà bảo người khác liêm khiết, mình không làm việc nhưng hô hào người khác làm việc thì không được. Nếu nói rằng phải cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, mà bản thân lại lười biếng, không hoàn thành những công việc được giao, luôn tìm cách tham ô tiền của Nhà nước và nhân dân; sống xa hoa, lãng phí trong khi cuộc sống của đại đa số nhân dân còn nhiều thiếu thốn,... thì những lời nói đó sẽ không có tác dụng giáo dục.

Trên thực tế hiện nay, trong các cơ quan, đơn vị của Đảng và Nhà nước, bên cạnh những cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu miêng nói tay làm, xông xáo, lăn lộn với công việc, mẫu mực trong lối sống, nêu tấm gương trong sạch thu phục, cuốn hút quần chúng vẫn tồn tại những cán bộ có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, nói hay nhưng làm dở, nói nhiều nhưng làm ít, hoặc nói một đằng làm một nẻo, “nói không nhất quán”. Những người đó đã làm phai mờ niềm tin của cán bộ cấp dưới, của quần chúng nhân dân, gieo rắc sự bất mãn và hoài nghi về thanh danh và uy tín của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII của Đảng từng chỉ ra một trong các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đó là: “Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói không đi đôi với làm; hứa nhiều làm ít; nói một đằng, làm một nẻo; nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội

(1) Hồ Chí Minh: Sđd, tập 13, tr.68

(2) Hồ Chí Minh: Sđd, tập 5, tr.327.

ngiht khác; nói và làm không nhất quán giữa khi đương chức với lúc về nghỉ hưu”.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là tác phong nêu gương, người cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu nhất quyết phải rèn luyện phong cách nói phải đi đôi với làm, nói ít làm nhiều. Muốn vậy, mỗi người phải hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân; thực hiện phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát trong thực tiễn, hiệu quả; thực sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; sẵn sàng nhận và nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ khi được phân công; tâm huyết, tận tụy với công việc; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm; tìm tòi, đổi mới, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, ngành, lĩnh vực do mình phụ trách... Mỗi cá nhân tự mình không tự cao tự đại, tự mãn, kiêu ngạo; biết phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân, phải tự phê bình mình như rửa mặt hằng ngày; phải thường xuyên khuyến khích cấp dưới và quần chúng nhận xét, phê bình, góp ý cho mình, nhắc nhở mình về những điều mình đã hứa; phải biết tránh những căn bệnh hình thức, bệnh “hữu danh, vô thực”, chạy theo những thứ hào nhoáng, hình thức bên ngoài. Đặc biệt, để đạt đến sự thống nhất giữa nói và làm, nói đi đôi với làm, nói thì phải làm, người đứng đầu phải nêu gương học tập không ngừng, học để làm việc, làm người, làm cán bộ, học để nâng cao hiểu biết, lý luận gắn liền với thực tiễn, đồng thời phải rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, suốt đời chống chủ nghĩa cá nhân, không vụ lợi, vị kỷ, để toàn tâm, toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Với các tổ chức Đảng, phải thực hiện đúng nguyên tắc “tập trung dân chủ”, “tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách”, vừa phát huy dân chủ vừa tăng cường trách nhiệm

của người đứng đầu, nhất là phải xây dựng được quy định về trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu trong thực thi công vụ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực thi. Hằng năm hoặc khi chuẩn bị đề bạt, luân chuyển, điều động công tác đối với cán bộ, tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên phải là kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; kết quả thực hiện cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; tự phê bình và phê bình; sự nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý... Tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện nghiêm Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07-6-2012 của Ban Bí thư về quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19-12-2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, và đặc biệt gần đây nhất là Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương...

Nêu gương, nói đi đôi với làm là con đường ngắn nhất để người đứng đầu thu phục nhân tâm, truyền dẫn cảm hứng cho cấp dưới, cho nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng trên con đường đó. Người trở thành một điển hình cao đẹp về sự nhất quán tuyệt vời nói đi đôi với làm. Những lời dạy của Hồ Chí Minh về thống nhất giữa nói và làm, nói đi đôi với làm chính là bài học làm người, là lựa chọn phong cách, lối sống, lẽ sống cao thượng nhất như tấm gương đạo đức, vĩ đại của Người soi sáng cho các thế hệ cán bộ lãnh đạo học tập và làm theo./.

NHỮNG NHÂN TỐ GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG



Ths. LÊ ĐÌNH HÙNG

Phó Trưởng phòng NCKH – TT - TL

Đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí ngời sáng một nhân cách lớn, một tấm gương chiến đấu và hy sinh trọn đời cho đất nước và nhân dân. Nhân cách ấy được hình thành và hun đúc nên từ một gia đình yêu nước, một quê hương giàu truyền thống cách mạng, một dân tộc anh hùng. Chính từ truyền thống của quê hương, gia đình và thời đại lịch sử đã tạo nên Trần Phú - Người chiến sỹ cách mạng, lãnh tụ vẻ vang của Đảng và dân tộc.

Quê hương của đồng chí Trần Phú là Hà Tĩnh - Vùng đất “địa linh nhân kiệt”- Nơi tụ khí núi sông. Mạch nguồn đó đã tạo nên những con người thông minh, đôn hậu, trọng lễ tiết, sống có nghĩa, có tình. Quá trình chống thiên tai và giặc ngoại xâm cũng hun đúc cho con người nơi đây truyền thống yêu quê hương đất nước, kiên cường dũng cảm, bất khuất trước kẻ thù xâm lược. Quê hương là nơi nuôi dưỡng, hun đúc nên cốt cách, tâm hồn người Việt để đi đâu cũng nhớ và hướng về nguồn cội. Vốn mang trong mình truyền thống quê hương anh hùng, bất khuất của con người xứ Nghệ khi bắt gặp, kết hợp được với Chủ nghĩa Mác - Lê nin đã hình thành nên phẩm

chất cộng sản của người chiến sỹ cộng sản Trần Phú.

Đồng chí Trần Phú được sinh ra trong một gia đình trí thức phong kiến, có truyền thống nho học, khoa bảng. Đây chính là nhân tố rất quan trọng, là môi trường giáo dục tác động tới việc hình thành nhân cách đồng chí Trần Phú từ khi còn nhỏ và trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng. Quãng đời thơ ấu của đồng chí Trần Phú đã sớm phải gánh chịu những nỗi đau mất mát quá lớn của gia đình. Cùng với nỗi đau thân phận của người dân mất nước, nhất là hình ảnh người cha yêu thương đã quyên sinh để phản đối chế độ hà khắc lúc bấy giờ của Thực dân Pháp đã khơi dậy và làm lớn lên ý chí tự lập, lòng căm thù giặc sâu sắc và khát vọng giải phóng dân tộc, quê hương, đất nước đã thôi thúc đồng chí quyết tâm đi theo con đường cách mạng để cứu nước cứu dân.

Xem xét quá trình hình thành quan điểm, tư tưởng, nhân cách của một nhà chính trị hay nhân vật lịch sử, thì điều không thể không nói tới đó là yếu tố thời đại. Thời đại đồng chí Trần Phú sinh ra và lớn lên khi mà chủ nghĩa tư bản đã chuyển thành chủ nghĩa Đế quốc và cách mạng vô sản được mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga

đã nhanh chóng lan tỏa trên toàn thế giới, trở thành nhân tố cốt lõi cho phong trào tranh đấu chống áp bức, bóc lột cường quyền, đòi tự do độc lập. Dòng chảy cách mạng mạnh mẽ đó đã cuốn hút những con người như Trần Phú sôi nổi, hăm hở đi theo tìm ra chân lý đấu tranh để giải phóng dân tộc mình.

Những nhân tố khách quan như quê hương, gia đình, thời đại để hình thành nên nhân cách của một con người lịch sử là rất quan trọng, đó là môi trường để cho những nhân tố nội sinh - nhân tố quyết định hình thành nhân cách người cộng sản Trần Phú được ươm mầm và vươn lên. Trước hết đồng chí Trần Phú có tư chất thông minh, ham học hỏi, có ý chí rèn luyện kiên trì, không quản ngại khó khăn dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng vượt qua để học tập và hoạt động cách mạng.

Hai là, có tinh thần khát khao giải phóng dân tộc và kiên trì thực hiện mục tiêu ấy. Từ khi còn hoạt động trong tổ chức Hội Phục Việt rồi Hưng Nam, đồng chí đã khát khao mong muốn vươn ra tìm chân lý cách mạng. Từ khi được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người giác ngộ cách mạng, được truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin, được kết nạp vào Đảng, từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, rồi được cử đi học ở Trường Đại học Phương Đông. Đây chính là sự thỏa nguyện đỉnh cao ước mơ hoài bão tìm đến chân lý của Đồng chí Trần Phú. Từ đây, giống như cánh chim băng được sỏi cánh trên đại dương bao la, tầm mình trong biển cả mênh mông trong tình hữu ái của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân loại trên toàn thế giới. Trước khi lên đường đi học, Trần Phú đã bày tỏ với người anh trai một điều hệ trọng: “Em đi

tìm “vàng” khi nào có kết quả sẽ trở về thăm anh chị”.

Ba là, Đồng chí Trần Phú có tố chất của một nhà hoạt động cách mạng có tư duy khoa học độc lập. Với trí tuệ và bộ óc thông minh, có khả năng nắm bắt, tổng hợp, khái quát những vấn đề lớn của thực tiễn thành lý luận để dẫn dắt lý luận và đường lối đi đúng với quy luật, với vốn tri thức lý luận đã học được, đồng chí đã lăn lộn với thực tiễn, vận dụng những kiến thức đã học được ở trường học lý luận để giải quyết, tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng đang diễn ra sôi nổi ở nước mình và với tác phong làm việc khoa học độc lập, đồng chí đã hoàn thành bản Luận cương chính trị của Đảng. Luận cương Tháng 10 - 1930 đã thể hiện rõ ràng những vấn đề cơ bản của Cách mạng Việt Nam và những nhiệm vụ chiến lược quan trọng nhất của Đảng vào lúc đó, bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh “*Chánh cương vắn tắt*” và “*Sách lược vắn tắt*” trong Hội nghị thành lập Đảng tháng 2.1930. Đây là thành quả của sự nghiên cứu khoa học nghiêm túc và đầy tinh thần trách nhiệm của đồng chí Trần Phú.

Bốn là, đồng chí Trần Phú có nhân cách, tư chất và khả năng của một nhà lãnh đạo - Lãnh tụ của Đảng.

Trong thời gian từ khóa học ở Quảng Châu đến Trường đại học Phương Đông, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đặc biệt chú ý đào tạo, bồi dưỡng Trần Phú vì nhận thấy rõ ở Trần Phú phẩm chất và khả năng của một nhà lãnh đạo. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhận thấy Trần Phú là một thanh niên thông minh, giàu nhiệt tình và tinh thần cách mạng lại thông thạo tiếng

Pháp, nên quyết định cử Trần Phú đi học Trường đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova (Liên Xô). Đây là trường đại học đào tạo những cán bộ lãnh đạo cho các nước Phương Đông.

Sau khi tốt nghiệp Trường đại học Phương Đông (11-1929), Trần Phú về nước theo quyết định của Quốc tế Cộng sản vào tháng 2-1930, được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giới thiệu với Ban Chấp ủy lâm thời của Đảng. Trần Phú về nước tháng 4-1930 ở Hải Phòng rồi đi vùng mỏ Hòn Gai. Tháng 7-1930 tới Nam Định và tìm hiểu phong trào nông dân Thái Bình. Tháng 7-1930 được bổ sung vào Ban Chấp ủy lâm thời và được giao nhiệm vụ dự thảo Luận cương chính trị của Đảng.

Vừa mới trở về nước hoạt động, đồng chí đã phải đảm đương một nhiệm vụ rất nặng nề với nhiều công việc bộn bề ở một giai đoạn hết sức cam go, thử thách, khắc nghiệt của Đảng khi vừa mới được thành lập: Bắt tay vào nghiên cứu thực tế, viết Luận cương chính trị của Đảng, chuẩn bị và tổ chức Hội Nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương. Thời điểm cao trào nhất là lúc đồng chí được bầu là Tổng Bí thư của Đảng, khi đó đồng chí mới 26 tuổi, mọi công việc của Đảng đều dồn lên đôi vai gầy của đồng chí. Đồng chí đã lăn lộn cùng với Trung ương Đảng ra sức xây dựng các tổ chức cơ sở của Đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng, và lãnh đạo làm nên một cao trào cách mạng rộng rãi trong khắp cả nước với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh. Mặc dù thời gian giữ cương vị Tổng Bí thư của Đảng rất ngắn nhưng đồng chí đã đảm trách một khối lượng công việc rất lớn của Đảng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đánh giá công lao của Trần Phú trong giai đoạn cách mạng

này đã nói: “Đồng chí Trần Phú đã làm được nhiều công việc cho Đảng”.

“Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” - câu nói bất hủ, lời nhắn nhủ cuối cùng trước khi đi xa, thể hiện đã thể hiện khí phách hiên ngang của người cộng sản, của vị lãnh tụ - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, thể hiện niềm tin bất diệt ở tương lai tất thắng của cách mạng, là tấm gương cổ vũ, khích lệ, động viên tinh thần của các đồng chí anh em noi theo, tiếp tục đấu tranh cho ngày toàn thắng. Đó không chỉ là lời nhắn nhủ những người cộng sản trong nhà lao đề quốc hay trên máy chém giữa pháp trường trong cuộc chiến đấu sinh tử với kẻ thù, vì độc lập tự do của Tổ quốc mà còn là lời nhắn nhủ mỗi đảng viên của Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hôm nay.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Trần Phú tỏa sáng một nhân cách lớn, một tấm gương của người chiến sỹ cộng sản, cống hiến và hy sinh trọn đời vì đất nước và nhân dân với ý chí cách mạng kiên cường, kiên trì bền bỉ chịu đựng gian khổ, không hề nao núng, vượt qua mọi khó khăn để đảm đương nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng vô cùng khó khăn, thử thách. Đồng chí đã để lại nhiều bài học cho cán bộ, đảng viên chúng ta hiện nay học tập như: Tinh thần học tập, rèn luyện không mệt mỏi, ý chí tự lập, kiên trì, chịu khó, không quản ngại khó khăn dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng vượt qua để đảm đương tốt mọi công việc được giao; kiên quyết theo đuổi mục tiêu cách mạng đến cùng dù phải hy sinh; đối với kẻ thù thì phải kiên quyết, không khoan nhượng, dũng cảm đấu tranh tới cùng. Tấm gương đó mãi mãi xứng đáng để các thế hệ cán bộ cách mạng sau này, hiện nay và mai sau học tập./.

NÂNG CAO KỸ NĂNG TIẾP CÔNG DÂN GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT CÓ HIỆU QUẢ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO



Ths. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Tiếp công dân là giai đoạn đầu của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là một khâu then chốt góp phần giải quyết có hiệu quả việc khiếu nại, tố cáo của công dân, qua đó bảo vệ lợi ích của nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thông qua công tác tiếp công dân, cơ quan nhà nước nắm được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để kịp thời chấn chỉnh, bổ sung, sửa đổi hoặc hủy bỏ các nội dung không còn phù hợp. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân sẽ góp phần khơi dậy tiềm năng, tranh thủ trí tuệ của nhân dân, huy động được sự tham gia rộng rãi của nhân dân vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội; đảm bảo việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, quyền giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức nhà nước góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. Thông qua công tác tiếp công dân tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thiện công tác quản lý nhà nước, giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan tổ chức, đơn vị có điều kiện kiểm tra, đánh giá lại cơ chế chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của mình, từ đó có những điều chỉnh thích hợp, kịp thời. Làm tốt công tác tiếp công dân sẽ hạn chế việc khiếu nại, tố cáo tràn lan, vượt cấp, cũng như nhiều bất cập khác của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Do vậy, cấp ủy, chính quyền các cấp không thể xem nhẹ hoạt động tiếp công dân.

Để thực hiện tốt công tác tiếp công dân trước hết người cán bộ tiếp dân phải nắm

vững chủ trương, nghị quyết và các quy định của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và tình hình địa phương; có phẩm chất đạo đức tốt và phải nắm vững các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tiếp công dân: Đảm bảo đúng pháp luật về tiếp công dân, giữ vững nguyên tắc trong đối thoại giao tiếp không để cái tôi lấn át công việc; đảm bảo sự hài hòa về mặt lợi ích giữa nhà nước và công dân hay các bên tham gia giao tiếp; đảm bảo nguyên tắc bình đẳng trong giao tiếp, ứng xử trong giao tiếp phải mang tính dân tộc và phản ánh truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Đặc biệt phải có kỹ năng tiếp dân. Các kỹ năng tiếp, giải quyết công việc với công dân của người cán bộ được hình thành trên nền tảng kiến thức, kinh nghiệm, phẩm chất đạo đức, phong cách công tác của người cán bộ. Do đó phải rèn luyện, tích lũy mới có được.

Trước hết, là kỹ năng giao tiếp, đây là kỹ năng đóng vai trò vô cùng quan trọng, quyết định bước đầu sự thành công hay thất bại của việc tiếp công dân. Có kỹ năng giao tiếp tốt, sẽ tạo được mối quan hệ tốt đẹp, sự tin tưởng và cơ hội để người dân cùng chính quyền giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn từ khi mới phát sinh. Kỹ năng giao tiếp đòi hỏi, cán bộ tiếp công dân cần phải tự tin vào bản thân, điều này thể hiện bằng những hiểu biết của mình về chủ đề, về đối tượng tiếp. Khi gặp gỡ người dân đến trụ sở tiếp công dân, cán bộ tiếp công dân phải chào hỏi, tự giới thiệu về mình, sau đó ân cần hỏi họ tên và công việc người dân cần giải quyết, không để dân phải chờ đợi lâu. Trong khi tiếp công dân, người tiếp công dân phải ngồi ngay ngắn, nghiêm

túc. Với ánh mắt, nụ cười, nét mặt, cử chỉ thân thiện... phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp lắng nghe người dân trình bày, ghi chép những nội dung cần thiết. Bắt tay là hình thức biểu đạt sự thân thiện, nồng nhiệt, kính trọng lúc gặp; sự lưu luyến, gửi gắm niềm tin khi chia tay đối với người dân. Do đó khi tiếp công dân người cán bộ không được đề sơ suất trong động tác này.

Thứ hai, kỹ năng nói có vị trí rất quan trọng trong hoạt động tiếp công dân, có tính chất quyết định kết quả của buổi tiếp công dân. Khi giao tiếp với công dân, cán bộ tiếp công dân phải sử dụng lời nói theo chuẩn mực, theo ngôn từ hành chính đồng thời phải nói chính xác, rõ ràng, không mập mờ, lơ lửng, phải sát với nội dung công dân nêu ra. Không nên trình bày dài dòng, nói thiếu mạch lạc, không rõ ràng, không quan tâm đến thái độ của người dân. Đảm bảo chừng mực, chừng mực tạo sự kính trọng người nghe. Tác phong, thái độ cởi mở, tế nhị và chu đáo, tinh thần hiếu khách, phong cách lịch sự và nghiêm túc là những chuẩn mực giao tiếp quan trọng và cần thiết.

Thứ ba, kỹ năng nghe người dân trình bày. Để trả lời, giải đáp và hướng dẫn người dân phải hiểu được họ đang muốn điều gì, đang bức xúc vấn đề gì, do đó phải lắng nghe người dân trình bày và hướng dẫn họ trình bày. Điều đó đòi hỏi cán bộ phải được rèn luyện kỹ năng nghe. Kỹ năng này đòi hỏi, khi nghe người dân trình bày ý kiến cán bộ tiếp dân phải có ánh mắt, nụ cười, nét mặt, cử chỉ... phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Xác định đâu là điểm mấu chốt, quan trọng và cần được ghi chép lại để ghi nhớ các điểm đó; quan tâm đến điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, khuynh hướng tư duy của người dân; suy nghĩ khách quan và cố gắng phân tích; thể hiện tư thế cởi mở, sẵn sàng lắng nghe, bày tỏ sự quan tâm, cảm thông với người dân, trong mọi trường hợp không được tỏ thái độ nóng nảy, bức xúc.

Không cắt ngang lời người đang nói. Nếu không thống nhất quan điểm, cách làm việc, nên trao đổi từ tốn, thuyết phục với thái độ nhẹ nhàng, lịch sự, lạc quan, tích cực, chân tình, cởi mở, thể hiện sự sẵn sàng, hợp tác và có thể làm được.

Việc nâng cao trình độ, năng lực và kỹ năng cho cán bộ tiếp công dân sẽ góp phần bước đầu trong việc tạo lập môi trường thân thiện cởi mở và sẵn sàng hợp tác gây dựng niềm tin của người đến khiếu kiện. Đây là tiền đề để thực hiện tốt các bước tiếp theo trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của người dân góp phần hạn chế việc khiếu kiện vòng vo, đông người trái pháp luật, lập lại công bằng, giải tỏa được bức xúc, mang lại niềm tin cho người dân là rất cần thiết. Vì vậy, cấp ủy, chính quyền các cấp cần nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của hoạt động tiếp công dân để từ đó thực hiện tốt công tác tiếp công dân theo quy định của Đảng, nhà nước, chọn cử những người có đủ năng lực, trình độ, tâm huyết để làm tốt công tác tiếp công dân. Cần tăng cường bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, bởi trên thực tế phần lớn cán bộ tiếp công dân khi được bố trí công tác tiếp công dân đều tự mình mày mò học hỏi, vừa học, vừa làm chính vì vậy sẽ không tránh khỏi những sai sót trong thực hành tiếp công dân.

Cấp ủy chính quyền cấp trên cần tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với hoạt động tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân của cấp dưới, từ đó sàng lọc loại trừ dần những cán bộ yếu kém về năng lực, trình độ và kỹ năng trong tiếp công dân, đồng thời cần có hình thức xử lý nghiêm khắc đối với người đứng đầu các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước trong việc không thực hiện đúng các quy định của Đảng, nhà nước đối với công tác tiếp công dân./

HỌC TẬP, RÈN LUYỆN PHONG CÁCH, ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH, GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHỐNG SUY THOÁI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN



Ths. NGUYỄN VIỆT SƠN

Phó trưởng khoa Dân Vận

Trong các văn kiện, nhất là Báo cáo chính trị trình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, chống suy thoái tư tưởng chính trị đã được Đảng ta đánh giá và xác định những nhiệm vụ phải làm khá toàn diện và rất sát, đúng.

Học tập, rèn luyện phong cách làm việc dân chủ khoa học, đạo đức, lối sống cao đẹp, trong sáng; ngăn chặn, khắc phục, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị trong một bộ phận cán bộ, đảng viên là hai mặt thống nhất biện chứng của một trong những nội dung trọng yếu của công tác xây dựng Đảng, cần phải được quán triệt, triển khai trong nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị, tại tất cả các tổ chức cơ sở đảng theo đúng tinh thần các văn kiện được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII.

Các văn kiện khẳng định, đã nhận dạng rõ hơn, cảnh báo và bước đầu ngăn chặn những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Đồng thời cũng đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém như: Việc triển khai thực hiện nội dung các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng về rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ, đảng viên chưa thực sự tích cực, đồng bộ, thường xuyên, một số nơi thực hiện chưa nghiêm túc. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chưa đều, chưa đi vào chiều sâu ở nhiều

ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; một số nơi thực hiện còn mang tính hình thức.

Từ đó, Đảng ta xác định những nhiệm vụ cần tiến hành trong thời gian tới và đặc biệt nhấn mạnh: Đưa việc thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách làm việc, ứng xử, sinh hoạt thành một nội dung quan trọng trong mục tiêu xây dựng Đảng: “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*”.

Đảng ta yêu cầu: Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị, gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bẽ phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm.

Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm chế độ kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức đảng, giám sát và phản biện của xã hội, của Mặt trận Tổ quốc,

các tổ chức chính trị xã hội và của nhân dân về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

So với các nhiệm kỳ Đại hội trước, lần này, việc bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên có những nội dung rất mới, đúng tầm đòi hỏi của cuộc sống đương đại. Thể hiện rõ nhất trên một số nét:

- Lần đầu tiên, trong Văn kiện Đại hội đại biểu, Đảng ta chính thức xác định rõ mục tiêu công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trên cả 4 mặt chứ không phải 3 mặt: Chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức;

- Học tập và làm theo di sản Hồ Chí Minh toàn diện trên các mặt: Tư tưởng, đạo đức và phong cách;

- Gắn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức với đấu tranh loại trừ những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “lợi ích nhóm”;

- Xác định việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên không chỉ là việc riêng của Đảng mà phải trở thành sự nghiệp của toàn dân, phải được đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của toàn xã hội.

Để xây dựng, chỉnh đốn Đảng có nhiều giải pháp, nhưng một giải pháp rất quan trọng là phải tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên theo phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh.

Để học tập và làm theo phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh đạt hiệu quả cao, mỗi cán bộ, đảng viên cần chú ý một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, trong mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý, cán bộ phải luôn luôn phát huy vai trò độc lập, tự chủ sáng tạo dám nghĩ, dám làm, lấy lợi ích của Đảng, của nhân dân làm cơ sở cho hoạt động của mình.

Đây là một yêu cầu rất quan trọng đối với người cán bộ, đảng viên, thể hiện vai trò tiên phong gương mẫu của mình đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”,

người đảng viên không sợ khó, không sợ khổ mà phải đi tiên phong trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, phải làm gương trong mọi công việc từ nhỏ đến lớn, thể hiện thường xuyên, về mọi mặt, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nói phải đi đôi với làm. Trong đó, chủ yếu trên ba mối quan hệ đối với mình, đối với người, đối với việc.

Hai là, cán bộ phải luôn gần dân, sâu sát với dân, nắm bắt được nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Đảng ta là đảng cầm quyền, vì vậy, cán bộ, đảng viên phải luôn luôn giữ gìn tư cách đạo đức và rèn luyện nâng cao năng lực công tác. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ thì phương pháp lãnh đạo, phong cách quản lý, cách tổ chức, cách đặt kế hoạch phải phù hợp với quần chúng. “Bất kỳ việc to, việc nhỏ, chúng ta phải xét rõ và làm cho hợp trình độ văn hoá, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng. Do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức. Có như thế, mới có thể kéo được quần chúng”. “Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng. Vì vậy, cách tổ chức và cách làm việc nào không phù hợp với quần chúng thì phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc”. Trong chế độ xã hội mới, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, do vậy, đội ngũ cán bộ phải luôn sâu sát quần chúng, xuất phát từ quần chúng để rèn luyện, điều chỉnh tác phong, phương pháp làm việc. Bên cạnh đó, phải luôn luôn chống thói làm việc tùy tiện, chủ quan, coi thường quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo rằng: “Nếu cứ làm theo ý muốn, theo tư tưởng, theo chủ quan của mình, rồi

đem cột vào cho quần chúng, thì khác nào “khoét chân cho vừa giày”.

Ba là, cán bộ phải rèn luyện, điều chỉnh cách nói, cách viết, cách làm việc, cách lãnh đạo cho phù hợp, biết phát huy vai trò của dân để làm lợi cho dân.

Cán bộ, đảng viên là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, là người đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng đến với quần chúng, là người tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đối với đội ngũ cán bộ, hiểu sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách là điều quan trọng, nhưng quan trọng hơn là phải làm cho đông đảo quần chúng hiểu đúng, tổ chức cho quần chúng thực hiện đúng và hiệu quả. Muốn vậy, cán bộ phải luôn sâu sát quần chúng, để học cách nói, cách viết sao cho hợp với quần chúng.

Bốn là, quá trình xây dựng và thực hiện mọi kế hoạch công tác, cán bộ phải điều tra, nghiên cứu cụ thể, tỉ mỉ, phải động viên và phát huy được mọi tiềm năng, sức mạnh của quần chúng.

Cán bộ là người tổ chức quần chúng thực hiện mọi kế hoạch. Hiệu quả của các quá trình tùy thuộc vào phương pháp, cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của họ. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu: “Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng, của Nhà nước”⁽¹⁾. Thực tế đã chứng tỏ, trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, nếu không sâu sát thực tế, hiểu dân, bám dân, đội ngũ cán bộ sẽ không thể hiểu hết được tình hình mọi mặt của địa phương, cơ quan, đơn vị mình phụ trách; từ đó tất yếu dẫn đến việc đánh giá thiếu chính xác, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động không phù hợp, không khả thi, không hiệu quả.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB CTQG, Hà Nội 2011, tập 10, tr.315.

Năm là, cán bộ phải luôn luôn gương mẫu trong công tác cũng như trong đời sống sinh hoạt hằng ngày

Cán bộ, đảng viên với tư cách là những người lãnh đạo, quản lý, ví như “cái đầu”, “bộ óc” của quần chúng nhân dân, do vậy, cán bộ, đảng viên phải là người tiên phong gương mẫu trong mọi hoàn cảnh. Tiên phong, gương mẫu đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải miệng nói, tay làm, thống nhất lời nói với hành động, thực hiện lý luận gắn với thực tiễn. Đây là những biểu hiện không thể thiếu của tác phong sâu sát thực tế, là yếu tố tạo nên niềm tin của quần chúng, cơ sở tạo nên sự bền vững của mối quan hệ cán bộ - nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở, trước dân chúng, không phải chúng ta cứ viết lên trán hai chữ “cộng sản” là được người ta tôn trọng, mà muốn lãnh đạo nhân dân “phải làm mực thước cho nhân dân bắt chước”.

Phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn của Đảng, dân tộc ta, mãi mãi là nguồn sáng bất tận soi rọi vào mỗi tâm hồn con người Việt Nam, hướng cho mọi người đến với chân, thiện, mỹ của cuộc sống. Học tập và làm theo phong cách, đạo đức của Người có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay. Sẽ giúp cán bộ, đảng viên phải luôn luôn tự tu dưỡng, rèn luyện để trở thành những người có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống giản dị trong sáng, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, luôn lấy lợi ích của nhân dân làm mục đích hoạt động của mình. Đồng thời, không ngừng củng cố lòng tin của nhân dân với cán bộ, đảng viên, cũng như củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Do vậy, học tập và làm theo phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh nói chung và phong cách làm việc của Người nói riêng là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài đối với mọi cán bộ, đảng viên./.

XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ NƠI CÔNG SỞ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị

Công sở là nơi cán bộ, công chức, viên chức làm việc, là nơi thực hiện các vai trò nghề nghiệp của các cá nhân; ở đó mỗi cá nhân là một khâu thực hiện một nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Do vậy, công sở luôn có những quy chế, quy định riêng nhằm để mọi người tuân thủ, thực hiện, tạo nên sự thống nhất trong công việc, trong ý chí và hành động để đạt được những mục tiêu mà cơ quan, đơn vị đã đề ra. Để đạt được điều đó mỗi cán bộ, công chức, viên chức cần có nếp sống văn minh, ý thức và bản lĩnh, có lòng tự trọng, ý thức tự giác, phục tùng kỷ luật, tôn trọng lẫn nhau để sao cho mỗi cá nhân phát huy năng lực sáng tạo, tính độc lập, tự chủ trong công việc, chấp hành quy định của cơ quan, sống có văn hóa, có kỷ cương, tôn trọng pháp luật và ứng xử có lý, có tình. Từ những hành vi ứng xử của các cá nhân hình thành nên văn hóa ứng xử nơi công sở. Văn hóa ứng xử thể hiện triết lý sống, lối sống, suy nghĩ, hành động, tình cảm của con người trong giao tiếp đời sống với những người xung quanh.

Trong công sở hiện nay, việc ứng xử có những cách thức khác nhau để biểu đạt vốn văn hóa và thái độ sống của mình. Tuy nhiên, dù lựa chọn cách thức nào để giao tiếp, mỗi cá nhân cũng cần phải tuân theo những chuẩn mực văn hóa ứng xử nhất định nơi công sở. Đó là thái độ tôn trọng, sự quan tâm đến đồng nghiệp một cách hài hòa, tránh khai thác quá sâu vào cuộc sống riêng tư của mỗi người, là sự từ tốn, khiêm nhường trong cách nói chuyện,

là tác phong đĩnh đạc, nhất quán, văn minh trong từng hành vi, cử chỉ...

Ai cũng trọng lời chào, vì “*lời chào cao hơn mâm cỗ*” nhưng có không ít cán bộ, công chức, viên chức còn ngại chào khi gặp gỡ nhau, chưa quen với bắt tay, hoặc bắt tay chưa đúng cách. Đặc biệt, phát ngôn cũng là một nội dung còn có những vấn đề cần được trao đổi nhiều hơn như kỹ năng trả lời điện thoại, kỹ năng trao đổi thông tin. Một người có kỹ năng phát ngôn tốt, chuẩn mực càng làm nổi bật tính chuyên nghiệp và cách ứng xử thanh lịch của công chức, viên chức đó ở nơi công sở. Ở đây, việc trao đổi, giao tiếp không chỉ được hiểu là giọng nói mà còn là cách nói, kiểu nói, cung cách trò chuyện; là sự ứng xử tình huống, nghệ thuật giải quyết xung đột. Thực tế cuộc sống cho thấy chính văn hóa hành vi trong giao tiếp sẽ nói lên thật nhiều sự thanh lịch đích thực của một con người. Lời nói trong cuộc sống hằng ngày là những gì rất giản dị như cơm ăn áo mặc. Nhưng nói làm sao cho đẹp, có nghi lễ là điều cần có sự rèn luyện và tu dưỡng của mỗi cá nhân. Sự dễ dãi trong lời ăn tiếng nói có thể dẫn đến sự buông thả trong lối sống, tùy tiện trong công việc.

Tuy nhiên, hiện nay trong công sở của chúng ta vẫn còn một số hạn chế trong thực hiện văn hóa công sở như trong việc chấp hành kỷ luật lao động; đến công sở gặp đồng nghiệp, gặp lãnh đạo nhưng không chào hỏi nhau; ý thức giữ gìn vệ sinh chung, ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng điện nước còn chưa tốt; ý thức, thái độ làm việc,

cách làm việc, trách nhiệm với công việc được giao chưa cao... đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc, đến đồng nghiệp, đến bộ mặt của cả cơ quan, đơn vị. Cá biệt, có lúc, có nơi còn có hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm trong công tác, thiếu nhiệt tình trong công việc, tâm lý làm cho có, làm cho xong việc... Nhưng cũng có những trường hợp chưa biết nhận thức phải làm như thế nào để có những hành vi, ứng xử văn minh, lịch sự nơi công sở. Môi trường công sở ở một số cơ quan, đơn vị hiện nay đang tạo cho người ta nhiều khoảng thời gian ngồi chơi xơi nước dẫn đến tình trạng “buôn chuyện”, dòm ngó lẫn nhau “tạo bè, kéo cánh”, cuốn hút người lao động vào vòng xoáy của những việc thiếu lành mạnh, tích cực mà quên đi cả nhiệm vụ chuyên môn của mình. Ở nhiều nơi vẫn xảy ra tình trạng khách cứ phải chờ đợi lâu, còn cán bộ đang bận... trà nước, tán gẫu, buôn chuyện. Nhiều cán bộ, công chức vẫn uống rượu, bia vào buổi sáng, buổi trưa hoặc có cán bộ, nhân viên đến cơ quan, đơn vị rồi mới rủ nhau đi ăn sáng, ngồi trước máy vi tính nhưng là để chơi games hay theo dõi chứng khoán. Vẫn còn hiện tượng cán bộ, công chức, viên chức đi muộn về sớm.

Thực trạng đó đã làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Chính vì vậy, việc thực hiện văn hóa ứng xử nơi công sở trở nên vô cùng cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, là thước đo sự văn minh của mỗi cán bộ, công nhân viên, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả khi xử lý, giải quyết công việc, xây dựng nề nếp làm việc khoa học của đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động, thúc đẩy quá trình cải cách hành chính mà nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 01/8/2007 của Ban chấp

hành Trung ương (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý bộ máy nhà nước; Nghị quyết 30c /NQ-CP, ngày 08/01/2011 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 đã đề ra. Xây dựng văn hóa ứng xử nơi công sở phải gắn liền với quá trình đào tạo, rèn luyện, xây dựng nhân cách con người từ khi còn nhỏ đến khi trưởng thành và mãi về sau. Trước mắt, cần phải tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Hoàn thiện khung pháp luật về văn hóa ứng xử công sở trên cơ sở tiếp tục rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành gắn với văn hóa ứng xử công sở. Ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp tới việc xây dựng văn hóa ứng xử công sở; bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và Quy chế văn hóa ứng xử công sở của tất cả các cơ quan, tổ chức.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng quy chế thực hiện văn hóa công sở theo các văn bản hướng dẫn của cấp trên, trong đó phải đảm bảo các giá trị văn hóa, như:

Thái độ lịch sự, sự tôn trọng, tính trung thực và thân thiện nơi công sở, những giá trị văn hóa này được biểu hiện thông qua trang phục, cách bắt tay, cách cười, cách nói, cách sử dụng điện thoại, cách viết một tờ trình, một báo cáo, cách thể hiện cảm xúc, cách tạo phong cách hấp dẫn của cá nhân, cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể, việc ủng hộ, khích lệ, động viên người khác, sự đồng cảm, sự lắng nghe, không nói dối, không bịa đặt, không thêm thắt sự kiện, hay bẻ cong sự việc theo chiều hướng có lợi cho mình, ghi chép lại công việc để kiểm chứng.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về văn hóa ứng xử nơi công sở nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về tầm quan trọng của

việc thực hiện văn hóa ứng xử nơi công sở trong môi trường làm việc hiện nay; về ý nghĩa của việc đẩy mạnh thực hiện văn hóa ứng xử nơi công sở trong việc hoàn thiện nhân cách của người cán bộ, khắc phục sự bảo thủ của những tư tưởng ích kỷ và cục bộ, kích thích các hành vi tự giác và xây dựng.

- Bên cạnh việc tuyển chọn, sắp xếp công việc phù hợp còn phải tạo ra môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả; quan tâm đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi ốm đau, hiếu, hỷ tạo động lực và môi trường cho những nét đẹp về ứng xử văn hóa được nhân rộng trong cơ quan, đơn vị.

- Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa công sở, mời báo cáo viên về tập huấn cho toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan về kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở. Tăng cường vai trò người đứng đầu, vai trò kiểm tra, giám sát của các bộ phận chức năng trong cơ quan, đơn vị.

Thực hiện văn hóa ứng xử nơi công sở thúc đẩy, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, tạo bầu không khí làm việc cởi mở, hài hòa, giúp mỗi cá nhân có điều kiện tốt nhất để phát huy năng lực và đạt hiệu quả cao trong công việc. Cán bộ, công chức, viên chức chính là hạt nhân quan trọng của cơ quan, đơn vị. Một khi mỗi cá nhân thực hiện tốt văn hóa ứng xử của mình ở nơi làm việc cũng chính là giúp tăng cường sự đoàn kết nhất trí và sự thấu hiểu giữa các thành viên trong một tập thể. Xây dựng văn hóa ứng xử nơi công sở phù hợp, tiến bộ là cách thức đúng đắn để hướng tới một môi trường làm việc thực sự văn minh, lịch sự và hài hòa./.

BẢY MƯƠI NĂM...

Xem tiếp trang 18

các nghị định chính phủ về thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm quyền làm chủ của nhân dân; dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để chống phá cách mạng hoặc tiếp tay cho các thế lực thù địch chống phá cách mạng. Việc ban hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước, các chương trình kinh tế - xã hội của đất nước và mỗi địa phương phải xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn; giải quyết kịp thời các yêu cầu nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Trong bối cảnh mới của đất nước và của mỗi địa phương đang phát huy sức mạnh toàn dân tộc nhằm tận dụng tối đa thời cơ và những thuận lợi đang có, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực từ bên trong và bên ngoài nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, hơn lúc nào hết công tác dân vận càng phải tiếp tục được đẩy mạnh. Do đó, việc học tập nắm vững và tổ chức thực hiện tốt tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về công tác dân vận, nhất là những chỉ dẫn cụ thể của Người trong tác phẩm “Dân vận” là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Bài báo “Dân vận” của Bác Hồ đến nay đã 70 năm nhưng khi thời gian càng lùi xa về phía sau thì những lời căn dặn, chỉ dẫn của Bác lại càng rực sáng, tiếp tục soi đường cho chúng ta tiến lên!./.

THỰC HIỆN TỐT TRÁCH NHIỆM NÊU GUƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN, NHẤT LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU GÓP PHẦN NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG



Ths. THÁI THỊ HIỀN

Chuyên viên Phòng Đào tạo

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên”. Như vậy, sự nêu gương của cán bộ, đảng viên là một nội dung trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Thực tiễn đã chỉ ra, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước chỉ thực sự có tác dụng khi được nhân dân nhận thức một cách đầy đủ, đúng đắn và tự giác thực hiện. Nhưng sự nhận thức của nhân dân trước một chủ trương, chính sách là không đồng đều, do đó đối với những người đã hiểu, đã tin thì họ tự giác chấp hành và tích cực thực hiện, còn những người chưa hiểu đầy đủ thì sẽ do dự, ái ngại, thực hiện nửa vời hoặc không thực hiện. Vì vậy, để đưa một chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống thì phải làm cho họ hiểu và tin. Chính sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, trong thực hiện nhiệm vụ và rèn luyện giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng là cách tốt nhất để củng cố niềm tin

của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và cổ vũ họ noi theo, vì như cha ông ta đã nói “Trăm nghe không bằng một thấy”.

Sự nêu gương đi đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ không chỉ có giá trị củng cố niềm tin mà còn có tác dụng như một sự “trình diễn”, “chuyển giao mô hình” cách thức thực hiện nhiệm vụ cho nhân dân theo tinh thần “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”⁽¹⁾ như Bác Hồ đã dạy. Người cán bộ, đảng viên gương mẫu làm việc tốt và giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sáng chắc chắn sẽ nhận được sự cổ vũ và ủng hộ của cộng đồng, từ đó nó sẽ có tác động kích thích lòng tự trọng trong mỗi con người và thôi thúc họ nỗ lực hơn trong công việc, trong lao động, học tập để nhận được nhiều hơn tình cảm mà cộng đồng dành cho. Sự nêu gương còn có tác dụng tạo ra sự giác ngộ, lấn át đối với những nhận thức và hành động sai trái. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”⁽²⁾. Với những ý nghĩa quan trọng đó, nêu gương của cán bộ, đảng viên đã trở thành một thành tố trong việc tạo thành phương thức lãnh đạo của Đảng và được quy định

(1) Hồ Chí Minh: Sđd, t.12, tr.438

(2) Hồ Chí Minh: Sđd, t.15, tr.672

trong Cương lĩnh. Do đó, việc cán bộ, đảng viên phát huy vai trò nêu gương và Trung ương Đảng đưa ra các quy định cụ thể về nêu gương chính là sự chấp hành cương lĩnh của Đảng. Với Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, Ban Bí thư đã quy định rõ bảy nội dung nêu gương: về tư tưởng chính trị; về đạo đức lối sống, tác phong; về tự phê bình, phê bình; về quan hệ với nhân dân; về trách nhiệm trong công tác; về ý thức tổ chức kỷ luật; về đoàn kết nội bộ. Tiếp đó, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện những Quy định này bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực, phát biểu tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Nhờ có những chủ trương, quy định đúng đắn và kịp thời đó, ý thức trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên đã từng bước được nâng lên, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ. Việc thực hiện các chủ trương, quy định của Đảng đã góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; góp phần ngăn chặn đẩy lùi suy thoái, tham nhũng, tiêu cực, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng”. Tuy nhiên, đồng chí Tổng Bí thư cũng thẳng thắn chỉ rõ: “Kết quả thu được còn hạn chế, chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện vẫn còn bất cập, hiệu quả chưa cao, chưa tạo được sức lan tỏa lớn. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp

chưa xác định rõ trách nhiệm và chưa thật sự gương mẫu trong rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, tác phong với những biểu hiện như nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, có cán bộ còn trục lợi, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đặc biệt có cán bộ lãnh đạo cấp cao, cả đương chức và nghỉ hưu, đã vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân”.

Để khắc phục được tình trạng nêu trên và tiếp tục đẩy mạnh việc đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 về quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên ban chấp hành Trung ương. Quy định này được xem như là một bản cam kết chính trị của Trung ương đối với chính mình và đối với toàn Đảng, toàn dân. Việc thực hiện có hiệu quả quy định này sẽ tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nhất là đối với Ban Chấp hành Trung ương. Từ đó càng củng cố thêm vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó, các cấp ủy Đảng và mỗi cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu các tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và hành động cho mỗi cán bộ, đảng viên về trách nhiệm nêu gương.

Nêu gương có vai trò to lớn và là một giá trị nhân văn trong chuẩn mực đạo đức của người cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, dù ở hoàn cảnh nào, Đảng ta cũng luôn quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên nêu cao tính tiên phong gương mẫu phần

đầu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích của cá nhân. Trên thực tế trách nhiệm nêu gương chỉ thực sự đạt hiệu quả khi nó được chuyên hóa thành ý thức, tinh thần tự giác trong mỗi con người. Vì vậy, để đảm bảo trách nhiệm nêu gương, các cấp ủy Đảng cần phải hết sức coi trọng giáo dục tinh thần nêu gương gắn với giáo dục ý thức liêm chính, xem đây là một nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, xuyên suốt quá trình xây dựng Đảng. Phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc quán triệt, học tập nâng cao nhận thức trong toàn Đảng về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết của Quy định nêu gương, để từ đó làm thay đổi nhận thức, nâng cao lòng tự trọng cho cán bộ, đảng viên, giúp họ thấy được trách nhiệm nêu gương phải được thực hiện bắt đầu từ ai, từ những việc làm như thế nào, qua đó mỗi cán bộ, đảng viên tự vận dụng, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức và thực hiện Quy định đạt hiệu quả tối ưu.

Trên cơ sở tinh thần của Chỉ thị 03, Chỉ thị 05, Nghị quyết trung ương 4 (khóa XI, XII) và Quy định 101, Quy định 55, Quy định 08, tất cả cán bộ, đảng viên, người đứng đầu cấp ủy và cơ quan, đơn vị phải nâng cao nhận thức, nêu cao tinh thần, trách nhiệm nêu gương thông qua những việc làm cụ thể, thiết thực đúng với chức trách nhiệm vụ được giao của cá nhân; phải gương mẫu, đi đầu trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, tự giác, gương mẫu trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; phải kiên quyết chống lại căn

bệnh kinh niên “nói nhiều làm ít”, “nói mà không làm”, “nói một đằng làm một nẻo”.

Thứ hai, phát huy vai trò đầu tàu, tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị.

Trên thực tế hiện nay, người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị là những người có tầm ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp đến cán bộ, đảng viên và nhân dân ở địa phương, cơ quan, đơn vị đó. Chính vì vậy, cấp ủy các cấp cần phải phát huy vai trò đầu tàu, tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu để thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, phải quán triệt theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “nói đi đôi với làm”, cấp ủy nêu gương cho đảng viên, đảng viên nêu gương cho quần chúng; cán bộ cấp trên nêu gương cho cán bộ cấp dưới; người đứng đầu cơ quan, đơn vị nêu gương cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu; phải nêu gương về đức khiêm tốn, giản dị, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; phải có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng để thấu hiểu, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng chính đáng của quần chúng, mà trước hết là trong từng tổ chức, cơ quan, đơn vị công tác và nơi cư trú.

Trách nhiệm gương mẫu, tự giác đi đầu của người đứng đầu phải được thể hiện toàn diện trên các mặt từ tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đến tác phong, lề lối làm việc; phải thể hiện rõ trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật. Nội dung nêu gương phải được thể hiện ở tinh thần tận tụy, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm; nói đi đôi với làm, làm việc có nguyên tắc, có kỷ cương, kỷ luật, có tình, có lý, không lạm dụng chức vụ, quyền hạn khi giải quyết công việc; kiên quyết chống tư tưởng cục bộ, bè phái, chia rẽ gây mất đoàn kết nội bộ

và các biểu hiện cơ hội, thực dụng vì lợi ích cá nhân. Thực hiện đúng theo lời Bác dạy: "...Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"⁽¹⁾.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng để đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã khẳng định: "Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng, là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng...". Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng: "Có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời"⁽²⁾. Như vậy, có thể thấy rằng, kiểm tra, giám sát đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và cũng là một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng. Thời gian qua, nhờ thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, Đảng ta đã phát hiện và xử lý kịp thời một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, thoái hóa, biến chất. Để tiếp tục phát huy những kết quả ấy và nhằm đảm bảo Quy định nêu gương được đi vào cuộc sống, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng cần phải được tăng cường hơn nữa. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó, mỗi tổ chức cơ sở Đảng phải xây dựng được chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát về trách nhiệm nêu gương một cách cụ thể, thiết thực đối với cán bộ, đảng viên, trong đó ngoài kiểm tra, giám sát thường xuyên việc nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ

thị, quy định, quy chế của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước; kiểm tra, giám sát việc gương mẫu thực hiện Quy định 101, Quy định 55, Quy định 08; kiểm tra, giám sát vai trò nêu gương trong đấu tranh chống các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"..., thì cần chú trọng tập trung làm tốt công tác nắm bắt tình hình, phát hiện và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; nhắc nhở, xử lý kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng. Phải gắn công tác kiểm tra Đảng với sự giám sát của nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội để chủ động phòng ngừa, hạn chế những sai phạm và loại trừ những hành vi vụ lợi của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải không ngừng học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi mọi mặt để thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, có trí tuệ, nhân cách trong sáng, thực sự là người mẫu mực.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy chúng ta: Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Có thể thấy rằng đối với con người, "đức" được ví như gốc, còn "tài" là ngọn cành và theo Bác, yêu cầu người cách mạng phải hội đủ hai yếu tố là "đức" và "tài" (hồng và chuyên) để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà nhân dân giao phó. Là người cán bộ, đảng viên muốn làm tốt nhiệm vụ được giao thì đạo đức phải gắn liền với năng lực. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập để trau dồi năng lực chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ, đạt trí tuệ ngang tầm để đảm nhận trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân. Bên cạnh đó cũng phải thường xuyên tự rèn luyện đạo đức, lối sống, hoàn thiện bản thân để thực sự là một tấm gương tiêu biểu về mọi mặt.

(1) Hồ Chí Minh: Sđd, t.6, tr.16.

(2) Hồ Chí Minh: Sđd, t.5, tr.636.

Xem tiếp trang 50

TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG



Ths. BÙI THỊ NHUNG

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân là một tất yếu, là điều kiện tồn tại và phát triển của một chính Đảng. Khi đánh về vị trí, vai trò của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁽¹⁾ và một khi “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên”⁽²⁾.

Có thể nói mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân là mối quan hệ gắn bó tự thân bởi cán bộ, đảng viên của Đảng là xuất thân từ nhân dân lao động. Sự gắn bó trong quan hệ giữa cán bộ, đảng viên và nhân dân được Bác ví như quan hệ giữa người “chèo” với người “cầm lái” trên con thuyền cách mạng. Cán bộ, đảng viên là người “cầm lái”, còn nhân dân là người “chèo”. Nếu người “chèo” ủng hộ người “cầm lái” là thành công. Ngược lại, người “chèo” không ủng hộ người “cầm lái”, không tuân thủ người “cầm lái”, hoặc mỗi người chèo một ngả, như vậy là cán bộ, đảng viên thất bại. Do đó, cán bộ, đảng viên phải là người lãnh đạo và tổ chức quần chúng, còn quần chúng là lực lượng vật chất tiến hành cách mạng. Sự lãnh đạo của cán bộ, đảng viên kết hợp với tính tích cực

và sáng tạo của quần chúng tạo ra một sức mạnh vô địch. Đảng phải dựa vào nhân dân để lãnh đạo nhân dân, làm cho nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, nhưng nhân dân phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng cách mạng thật sự. Có như vậy mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân mới thực sự góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đó chính là nguồn gốc chủ yếu tạo nên sức mạnh của Đảng cộng sản Việt Nam.

Thấm nhuần tư tưởng toàn bộ sức mạnh của Đảng không chỉ ở bản thân Đảng mà còn phải trải qua 85 năm xây dựng và phát triển bắt nguồn từ mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân Đảng đã khẳng định: “Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân”⁽³⁾, “Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”⁽⁴⁾. Nhờ

(1) CD ROM Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.8, tr.276.

(2) CD ROM Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.5, tr.293

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.65

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 89.

đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giành lại độc lập, tự do, thống nhất cho Tổ quốc, tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Tuy nhiên, hiện nay bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng, những thành tựu của công cuộc đổi mới thì dưới những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập, cùng với những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan của chúng ta trong lãnh đạo, quản lý cũng như trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, nên thời gian qua trong Đảng đang xảy ra những nguy cơ làm giảm đi nguồn sức mạnh nội lực của Đảng, làm ảnh hưởng mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân. Đó là “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”⁽¹⁾; thực tế đó đang đặt ra cho Đảng ta những nhiệm vụ cực kỳ nặng nề, to lớn cần phải giải quyết.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta phải củng cố và tăng cường quan hệ máu thịt với nhân dân, phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình đối với đất nước. Để làm được điều đó thiết nghĩ chúng ta cần:

Thứ nhất: Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đây là một trong

những nguyên tắc quan trọng nhất, để tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Trong công tác xây dựng Đảng phải tiến hành đồng thời công cuộc đổi mới Đảng và chỉnh đốn Đảng, đây là hai nhiệm vụ có quan hệ chặt chẽ với nhau, không tách rời nhau. Từ Đại hội lần thứ VII của Đảng đã chính thức đặt ra vấn đề đổi mới Đảng gắn liền với chỉnh đốn Đảng, cũng từ đó đến nay Đảng ta thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn và ngày càng lớn mạnh. Tuy nhiên, quá trình tự đổi mới, tự chỉnh đốn của Đảng cần lưu ý: Đổi mới, chỉnh đốn Đảng không phải để Đảng thay đổi hay xa rời mục tiêu, lý tưởng chủ nghĩa xã hội của mình, mà là càng khẳng định mục tiêu, lý tưởng ấy và kiên định với những nguyên tắc xây dựng một Đảng mác xít; không phải để phủ định sạch trơn quá khứ, mà là kế thừa biện chứng tất cả những thành tựu mà Đảng đã đạt được, qua đó để làm rõ hơn bản chất của “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”⁽²⁾

Đặc biệt trong tình hình hiện nay, để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và mỗi chi bộ phải thực sự là hạt nhân lãnh đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước.

(1) Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”

(2) Quốc hội, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, ngày 28 tháng 11 năm 2013

Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và mỗi cán bộ, đảng viên cần phải tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị.

Thứ hai: Tập trung nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, rèn luyện mỗi cán bộ đảng viên không được phai nhạt lý tưởng, kiên định thực hiện mục tiêu mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn; phải thực sự là tấm gương sáng và chỗ dựa tinh thần cho nhân dân. Có như vậy chúng ta mới xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực và phẩm chất, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 10 khóa XI.

Thứ ba: Trong mối quan hệ với nhân dân, mỗi cán bộ, đảng viên phải liên hệ mật thiết với nhân dân, tôn trọng nhân dân và hướng dẫn, tổ chức nhân dân thành lực lượng, phong trào hành động cách mạng. Đặc biệt, nêu cao tinh thần trách nhiệm, nói đi đôi với làm, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải kính yêu nhân dân. Phải tôn trọng thật sự quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được “kiêu ngạo, công thần, tự cao, tự đại”. “Việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh”. Nếu trong quá trình thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà tổ chức Đảng, chính quyền hay cá nhân cán bộ, đảng viên phụ trách mắc khuyết điểm, có việc làm không đúng, tổn

hại tới lợi ích chính đáng và cuộc sống của nhân dân thì công khai tự phê bình, nhận lỗi trước dân và cùng với nhân dân tìm cách sửa chữa.

Thứ tư: Tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tầng lớp nhân dân.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta nêu rõ: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”⁽¹⁾. Trong công tác xây dựng Đảng, điều này phải được thể hiện ở việc Đảng và Nhà nước thực hành dân chủ rộng rãi, đưa mọi vấn đề ra bàn bạc với dân, hỏi ý kiến nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp tới lợi ích và cuộc sống nhân dân, trước khi đưa ra quyết định trong chính sách, pháp luật và những chủ trương, biện pháp cụ thể; Cán bộ, đảng viên thường xuyên tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe ý kiến nhân dân, để giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tầng lớp nhân dân.

Tổ chức để nhân dân phát biểu ý kiến rộng rãi, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng; tiếp thu và thực hiện những ý kiến đúng, uốn nắn những ý kiến thiếu xây dựng; Trong quá trình phát huy dân chủ vừa phải đấu tranh khắc phục sự vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, vừa phải đấu tranh chống quan điểm dân chủ tư sản, dân chủ cực đoan; kiên quyết trấn áp đối với các hoạt động thù địch chống nhân dân, lợi dụng dân chủ để chia rẽ và phá hoại.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011

Thứ năm: Toàn Đảng và cả hệ thống chính trị chăm lo công tác dân vận, tạo nên sự gắn bó đoàn kết, đồng thuận trong xã hội.

Đánh giá cao vai trò của nhân dân và tầm quan trọng của công tác dân vận, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “lực lượng của dân rất to, việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”⁽¹⁾.

Công tác dân vận của Đảng là toàn bộ hoạt động của Đảng nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, được thể hiện bằng việc vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, và vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, để làm tốt công tác dân vận trong tình hình hiện nay, Đảng ta cần chú trọng các nội dung: tuyên truyền, phổ biến mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương đơn vị đến mỗi người dân; vận động và tổ chức nhân dân thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đi sâu, đi sát nắm bắt tình hình và giải quyết kịp thời những bức xúc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; tổ chức và động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần cho nhân dân bao gồm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, phát huy dân chủ, những vấn đề liên quan đến việc ăn, ở, học hành, công ăn, việc làm, thu nhập, hưởng thụ văn hóa và quyền làm chủ; tổ chức nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phong trào nhân đạo, từ thiện, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ

môi trường, an ninh trật tự, sản xuất, kinh doanh, ... do chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động.

Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập cho đến nay, đã lãnh đạo nhân dân ta đoàn kết thực hiện thành công sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu vĩ đại đó có được đều bắt nguồn từ chỗ Đảng ta có đường lối chính trị đúng đắn được nhân dân ủng hộ, có đội ngũ cán bộ và đảng viên tiên phong chiến đấu, gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Chính quan hệ mật thiết, gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân đã trở thành nguồn sức mạnh và truyền thống vô cùng quý báu của cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện nay “năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức Đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu”⁽²⁾, đã làm cho mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân có lúc, có nơi đã bị giảm sút, thậm chí có khi khá nghiêm trọng, dẫn đến hậu quả là làm giảm nhiệt tình cách mạng và hạn chế việc phát huy khả năng to lớn của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng Đảng, bộ máy Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Vì vậy, trước những vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay, để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta, thì việc tăng cường hơn nữa mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân chính là nguồn gốc chủ yếu tạo nên sức mạnh của Đảng, của dân tộc, là một trong những điều kiện quan trọng làm cho Đảng ta giữ vững được vai trò lãnh đạo. /

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr700.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011

VAI TRÒ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM



Ths. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG

Giảng viên khoa Dân vận

Cách đây vừa tròn 90 năm, vào ngày 28/7/1929, Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ được thành lập, đây được xem là tổ chức tiền thân của Công đoàn Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức Công hội (sau này gọi là Công đoàn) và phong trào công nhân Việt Nam gắn liền với những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, người đặt nền móng, cơ sở lý luận cho sự ra đời của các tổ chức quần chúng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Một năm sau ngày ra đi tìm đường cứu nước, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã trở thành hội viên của Công đoàn Hải ngoại nước Anh. Đến năm 1918, Người tham gia Đảng Xã hội Pháp, đóng góp trong việc xây dựng các tổ chức công đoàn trong công nhân Pháp và Người đã trở thành một đoàn viên công đoàn chính thức của Công đoàn kim khí, quận 17, thành phố Pari (Pháp). Năm 1920, sau khi tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam, Người đã tích cực yêu cầu Tổng Liên đoàn Lao động Pháp tìm mọi cách giúp đỡ công nhân các nước thuộc địa thành lập tổ chức Công hội. Đến năm 1925, sau khi ra đời tờ báo Thanh Niên - cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã viết một số bài về tổ chức Công hội Đỏ quốc tế. Ở đây, Người đã đề cập đến việc thành lập một tổ chức công hội ở Việt Nam. Người nhận định: Ở nước ta, công nhân có ba thứ: một là thủ công (nghĩa là làm bằng tay, nước ta phần nhiều làm bằng tay); hai là công xưởng (nghĩa là dùng máy

làm công) như máy cưa, máy dệt, xe lửa ...; ba là bán công (nghĩa là khi thì buôn bán, khi thì làm công). Mỗi thứ công nhân một khác, cho nên cách tổ chức cũng không giống nhau được. “Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp. Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn. Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy; tất cả nhập vào một công hội xe lửa”⁽¹⁾. Và kết luận rằng cách tổ chức nào cũng có cái lợi và cũng có cái hại, phải tùy thời, tùy địa mà dùng, nghĩa là về công xưởng thì theo cách sản nghiệp, về các nghề vật thì theo cách thức chức nghiệp tổ chức.

Đặc biệt trong tác phẩm Đường Kách mệnh được xuất bản năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã xác định: “Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình, hai là để nghiên cứu với nhau, ba là để sửa sang cách sinh hoạt cho khá hơn bây giờ, bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân, năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới”⁽²⁾. Như vậy, ngay từ rất sớm, chủ tịch Hồ Chí Minh đã chú ý đến vai trò bảo vệ quyền lợi cho người lao động của tổ chức công đoàn, nếu không thực hiện được chức năng quan trọng đó, tổ chức công đoàn sẽ mất đi tính đại diện cho người lao động.

(1) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 331

(2) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 330.

Với những hoạt động của các cơ sở công hội đầu tiên trên các tàu buôn hàng hải Pháp về Việt Nam như Hải viên công hội, hội Tương tế, hội Ái hữu được công nhân thành lập ra với mục đích tương trợ giúp đỡ nhau khi làm việc xa quê. Và cuộc vận động thành lập Công hội đỏ Ba Son của đồng chí Tôn Đức Thắng ở Sài Gòn - Chợ Lớn với mục đích đấu tranh bênh vực quyền lợi của công nhân, đấu tranh chống đế quốc tư bản, cùng với sự xâm nhập của tư tưởng xã hội chủ nghĩa vào nước ta qua Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, từ những năm 1926 phong trào công nhân phát triển, đặc biệt theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc nêu ra ở Quảng Châu, những học trò ưu tú của Người như Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự đã phát động phong trào vô sản, làm cho tổ chức Công hội ở Bắc và Trung Kỳ thực sự lan rộng, phát triển mạnh mẽ. Đây cũng chính là bối cảnh để Đông Dương Cộng sản Đảng giao trọng trách cho đồng chí Nguyễn Đức Cảnh triệu tập Hội nghị thành lập Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ vào ngày 28/7/1929 của Ban chấp hành trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng tại số nhà 15 hàng Nón - Hà Nội.

Việc thành lập Tổng công hội đỏ Bắc kỳ có ý nghĩa hết sức to lớn đối với phong trào công nhân Việt Nam. Đó vừa là kết quả tất yếu của sự trưởng thành về chất lượng của phong trào công nhân nước ta, vừa là thắng lợi của đường lối công vận của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng Sản Đông Dương, đồng thời cũng đáp ứng nhu cầu cấp thiết về tổ chức của phong trào công nhân Việt Nam. Việc thành lập tổ chức công đoàn đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam góp phần vào sự lớn mạnh của phong trào cộng sản công nhân quốc tế. Mỗi quan hệ giữa phong trào công nhân Việt Nam với phong trào công nhân thế giới, đặc biệt là với công nhân và công đoàn Pháp đã được công hội đỏ thiết lập. Lần đầu tiên giai cấp công nhân Việt Nam có một đoàn thể cách mạng rộng

lớn, hoạt động có tôn chỉ mục đích, phản ánh ý chí, nguyện vọng của đông đảo công nhân lao động.

Trải qua các giai đoạn cách mạng Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến hoạt động của tổ chức công đoàn và phong trào công nhân, dành nhiều thời gian để đi thăm, nói chuyện và chỉ đạo công tác công đoàn tại các nhà máy, xí nghiệp, lâm trường,... làm cho tổ chức công đoàn ngày càng lớn mạnh, trở thành chỗ dựa tin cậy của Đảng, của chính quyền.

Tại Hội nghị Trung ương lần 8 (năm 1941), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có sáng kiến lập ra Mặt trận Việt Minh và từ đó Hội Công nhân cứu quốc cũng đã ra đời, các tổ chức Công đoàn phát triển mạnh trong cả nước. Bên cạnh sự quan tâm về xây dựng, củng cố tổ chức, Người cũng luôn luôn nhắc nhở kêu gọi giai cấp công nhân vận động các phong trào Thi đua ái quốc. Nhiều phong trào thi đua được công đoàn phát động và đạt được những kết quả vô cùng to lớn như: Phong trào “Thi đua ái quốc”, “Tăng gia sản xuất vũ khí”, “Tất cả cho tiền tuyến”, “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, “Năng suất - chất lượng - hiệu quả”, “Lao động giỏi”, “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Thi đua 2 tốt”... đã để lại nhiều dấu ấn trong lịch sử phong trào công nhân và lịch sử Công đoàn nước ta.

Khi nhắc nhở công nhân về mối quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ chính đáng của người lao động, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Lợi ích của công nhân đi đôi với lợi ích chung của nhà máy. Nếu đời sống được cải thiện và mọi người được khoẻ mạnh thì sẽ phấn khởi thi đua sản xuất, làm cho nhà máy thu được nhiều kết quả. Nếu nhà máy phát triển thì có khả năng để cải thiện đời sống của công nhân và nhân viên”⁽¹⁾.

(1) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 408.

Đối với nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ 6 nhiệm vụ cơ bản là:

“1. Công đoàn phải tuyên truyền đường lối, chính sách chung của Đảng,...

2. Công đoàn phải giáo dục cho công nhân về đạo đức vô sản, đạo đức cách mạng...

3. Công đoàn và cán bộ công đoàn phải học trước để hiểu biết khoa học...

4. Nội bộ công nhân phải đoàn kết, nhà máy này đoàn kết với nhà máy khác, cán bộ công nhân miền Nam và miền Bắc phải đoàn kết... Ta đoàn kết nội bộ công nhân đồng thời củng cố sự liên minh của công nhân và nông nhân là hai giai cấp lớn nhất, mạnh nhất.

5. Công đoàn và cán bộ công đoàn phải tìm cách này hay cách khác giải thích cho công nhân hiểu rõ tình hình trong nước và ngoài nước... Do hiểu được tình hình mà nâng cao tinh thần yêu nước của công nhân.

6. Công đoàn phải lãnh đạo, hướng dẫn công nhân. Lãnh đạo phải cụ thể, không quan liêu. Phải dân chủ bàn bạc với anh em công nhân. Phải kiểm tra. Làm mà không kiểm tra thì không biết kết quả ra sao, không hiểu sai lệch thế nào để kịp thời sửa chữa.”⁽¹⁾

Với lịch sử 90 năm hình thành và phát triển tổ chức Công đoàn Việt Nam, để có được những đóng góp không nhỏ vào công cuộc đổi mới đất nước và quá độ đi lên xây dựng CNXH, các cấp công đoàn, mỗi cán bộ công đoàn, đoàn viên, công nhân lao động đã không ngừng nỗ lực phấn đấu và luôn thấm nhuần những lời căn dặn của Bác: “Muốn tổ chức và phát triển lực lượng xây dựng to lớn của giai cấp công nhân thì cần có công đoàn mạnh và cán bộ công đoàn tốt”.⁽²⁾

Công đoàn muốn mạnh thì các cấp phải chủ động xây dựng quan hệ đoàn kết và phối hợp giúp đỡ nhau giữa các tổ chức và

các ngành nghề; phải chống tư tưởng chờ đợi, ỷ lại và cục bộ; phải có kế hoạch bồi dưỡng các anh hùng và chiến sĩ thi đua để phát huy vai trò kiểu mẫu và tác dụng đầu tàu của họ; đối với anh em lao động trí óc và cán bộ khoa học kỹ thuật, phải có kế hoạch giúp đỡ họ không ngừng tiến bộ và đoàn kết; phải làm tốt công tác bảo hộ lao động, phải thực sự chăm nom nơi ăn, nhà ở của công nhân viên chức. Công đoàn các cấp cần phải cải tiến lề lối làm việc, sâu sát và thiết thực. Tại Đại hội Công đoàn toàn quốc lần thứ II, tháng 2-1961, Người nhấn mạnh “Công đoàn phải có biện pháp thiết thực để nâng cao trình độ văn hóa và kỹ thuật của công nhân, phải tùy khả năng cộng với cố gắng mà nâng cao đời sống vật chất của họ; phải chú ý bảo vệ sức khỏe, bảo vệ an toàn lao động và tăng cường công tác vệ sinh...”⁽³⁾.

Cán bộ công đoàn tốt phải: “là người hiểu biết sản xuất, đời sống, nguyện vọng của công nhân, viên chức, phải hiểu chính sách của Đảng, phải hiểu về quản lý kinh tế, khoa học, kỹ thuật”⁽⁴⁾.

Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách của chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức công đoàn Việt Nam đang ngày càng phát triển và trở thành điểm tựa vững chắc cho công nhân, viên chức và người lao động Việt Nam. Với khẩu hiệu được đưa ra tại Đại hội Công đoàn lần thứ XII (2018): “Đổi mới, dân chủ, đoàn kết, trách nhiệm” nhằm hướng đến xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh để xứng đáng là tổ chức chính trị xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động Việt Nam./.

(1) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 477.

(2) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 432

(3) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 53

(4) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 682

NẮM VỮNG LỊCH SỬ TRIẾT HỌC GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN



PHAN THỊ AN PHÚ

*Giảng viên khoa Lý luận Mác Lênin;
Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Triết học Mác - Lênin là một giai đoạn của lịch sử triết học. Vì thế giữa lịch sử triết học và hoạt động giảng dạy triết học Mác - Lênin có mối quan hệ biện chứng với nhau. Việc nắm vững kiến thức, vận dụng linh hoạt những nội dung cơ bản của lịch sử triết học vào bài giảng triết học Mác - Lênin là một trong những cách thức tạo nên sự hiệu quả, sức hấp dẫn, lôi cuốn của môn học này.

Lịch sử triết học và triết học Mác - Lênin có sự tác động qua lại, chuyển hóa và thâm nhập với nhau. Triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng do đó nó được quy định bởi cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó. Sự hình thành, phát triển của các trường phái triết học, các học thuyết triết học cũng chịu sự ảnh hưởng từ sự phát triển của chính đời sống sản xuất vật chất của xã hội. Tuy nhiên, giữa triết học Mác - Lênin và lịch sử triết học cũng có sự độc lập tương đối. Triết học Mác - Lênin và lịch sử triết học có nguồn gốc xã hội nguồn gốc nhận thức cùng các mối quan hệ nội tại nhất định. Theo quan điểm mác xít thì lịch sử triết học là lịch sử phát sinh, hình thành và phát triển của triết học nói chung của các khuynh hướng, hệ thống triết học khác nhau nói riêng trong sự phụ thuộc và sự phát triển của tồn tại xã

hội. Nội dung trọng tâm, xuyên suốt của lịch sử triết học là cuộc đấu tranh của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Thực chất của cuộc đấu tranh này là một phần cuộc đấu tranh tư tưởng của những giai cấp đối kháng trong xã hội. Đây chính là nội dung xuyên suốt cả toàn bộ quá trình phát triển của triết học. Cuộc đấu tranh này thể hiện qua các học thuyết khác nhau của các trường phái, các tư tưởng của các nhà triết học ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì thế, muốn thực hiện tốt việc giảng dạy những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin thì đòi hỏi người giảng viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản của lịch sử triết học.

Lịch sử triết học là một môn khoa học, là một bộ môn của các khoa học triết học. Vai trò của lịch sử triết học thể hiện qua những điểm như sau:

Thứ nhất, môn khoa học này có nhiệm vụ chỉ ra bản chất của các học thuyết triết học, các trường phái triết học; xác định vị trí của các học thuyết triết học, các trường phái triết học đó bằng cách dựa trên những di sản tinh thần của các nhà tư tưởng cụ thể theo từng thời kỳ nhất định. Khi bàn về triết học cổ điển Đức, về thế giới quan của các nhà triết học cổ điển Đức là ta đang nói đến thế giới quan, ý thức hệ của giai cấp tư sản Đức cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX. Với các đại

diện như Kant, Heghen...đều có xuất thân từ những tầng lớp thượng lưu trong xã hội vì thế những nội dung tư tưởng của các ông đưa ra nhằm thể hiện nguyện vọng của giai cấp tư sản Đức muốn đấu tranh vì một trật tự xã hội mới nhằm đưa vị trí độc tôn cho đất nước mình. Đó là lí do vì sao Heghen tham vọng đưa triết học mình lên vị trí độc tôn và ông đề cao trí tuệ, sức sáng tạo của con người đến mức cực đoan. Trong khi đó C.Mác, Ăngghen và Lênin là những con người mẫu mực trong nghiên cứu, đánh giá, phê phán các trào lưu triết học ngoài mác xít khi đặt các học thuyết triết học trong mối quan hệ phụ thuộc với đời sống vật chất; nhận thức học thuyết như chính bản thân học thuyết đã tồn tại mà không chịu sự chi phối từ lợi ích giai cấp hay mục đích nào khác. Vì thế, quan điểm đó đã giúp các ông có thể tiếp thu, kế thừa và phát triển được tất cả những giá trị tiến bộ trong lịch sử phát triển của triết học để đưa ra được học thuyết của mình.

Thứ hai, thông qua quá trình phát triển của các học thuyết triết học, các trường phái triết học, các phương pháp triết học để chỉ ra các mối liên hệ giữa các hình thức, các khuynh hướng biểu hiện khác nhau của chúng. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình không phải là làm nghèo nàn tư tưởng triết học mà ngược lại chúng càng làm cho triết học thêm phong phú, đa dạng thêm bởi sự đan xen lẫn nhau, thâm nhập lẫn nhau giữa các trào lưu triết học. Xuất phát điểm của các nhà triết học, các học thuyết triết học đều từ việc giải quyết hai mặt của vấn đề cơ bản triết học tức là trả lời câu hỏi giữa vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào và con người có nhận thức

được thế giới hay không? Dù là triết học thời kỳ cổ đại hay thời kỳ cận đại thì cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của triết học đó để xây dựng nên toàn bộ hệ thống triết học của mình trên cơ sở giải quyết vấn đề ấy.

Thứ ba, bằng các dẫn chứng cụ thể nhất của lịch sử triết học, người giảng chỉ ra sự giao lưu, thâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau tạo thành hiện tượng chọn lọc, loại bỏ những tư tưởng đã lỗi thời, kế thừa và phát triển những tư tưởng tiến bộ những yếu tố hợp lý giữa các quốc gia, các vùng, các thời kỳ lịch sử khác nhau của triết học Triết học phương Đông và triết học phương Tây có những đặc điểm, phong cách khác nhau. Tuy vậy, sự ra đời đồng thời của triết học cùng lúc ở những cái nôi lớn của nền văn minh thế giới như Ấn Độ cổ đại, Trung Hoa cổ đại và Hy Lạp cổ đại đã cho thấy triết học ở mỗi miền đất có một giá trị nhất định trong bức tranh triết học. Cũng giống như ở phương Tây, lịch sử triết học phương Đông lại biểu hiện ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc dưới những sắc thái khác nhau nhưng lại hòa quyện vào những đặc điểm văn hóa dân tộc. Lịch sử triết học đã chỉ ra những đặc điểm dân tộc của sự phát triển của các học thuyết, các trường phái triết học của mỗi nước cụ thể lại có mối liên hệ nhất định với những học thuyết, trường phái triết học ở các nước khác, chịu ảnh hưởng của những học thuyết ấy và đồng thời ảnh hưởng trở lại những học thuyết đó. Có thể thấy, triết học Trung Quốc cổ - trung đại là một nền triết học lớn ở phương Đông. Nền triết học ra đời vào thời kỳ quá độ từ chế độ chiếm hữu nô lệ lên xã hội phong kiến. Trong bối cảnh đấy, mỗi quan tâm hàng đầu của các nhà triết học Trung Quốc thời cổ đại là những vấn đề thuộc về đời sống

thực tiễn chính trị - đạo đức xã hội. Ngoài ra, triết học Trung Quốc giai đoạn ấy là những công hiến cho lịch sử triết học triết học thế giới những tư tưởng sâu sắc về biến dịch vũ trụ. Chính những kết quả đạt được từ quá trình phát sinh, phát triển của mình mà triết học Trung Quốc cổ - trung đại đã tạo nên sự đa dạng với sự kế tiếp nhau giữa Kinh học, Huyền học và Phật học và Nho, Đạo Phật cứ thế luân phiên làm chủ hệ tư tưởng của xã hội. Khi soi chiếu vào Việt Nam do những đặc điểm về hoàn cảnh địa lý về sản xuất và tổ chức xã hội, tư tưởng triết học của các hệ thống Nho gia, Đạo gia, Phật giáo, Âm Dương Ngũ hành có sự gia nhập vào nước ta dưới nhiều con đường khác nhau nhưng đều chịu sự quy định, sự chọn lọc của nhu cầu tiếp nhận của bản địa. Và vì thế so với Nho gia, Phật giáo, Đạo gia thì chỉ có những yếu tố phù hợp của Nho gia được kết hợp truyền thống tư tưởng dân tộc trở thành hệ tư tưởng thời kỳ phong kiến.

Thứ tư, mỗi khi một học thuyết, một trường phái ra đời đều có sự gắn bó chặt chẽ với hoạt động thực tiễn của con người, với lợi ích và mục đích của những lực lượng xã hội nhất định. Xét trong lịch sử hình thành của phép biện chứng để thấy phép biện chứng thời cổ đại chưa đưa ra được nguyên lý, phạm trù, quy luật tiêu biểu ở quan niệm của Heraclit, “đạo” của Lão Tử hay luật nhân quả của nhà Phật. Sở dĩ như vậy vì lúc bấy giờ khoa học kỹ thuật chưa phát triển và trình độ tư duy con người mới chỉ dừng lại ở sự mô tả giản đơn, nặng tính trực quan, cảm tính. Đến nửa đầu thế kỷ XIX với một biến động lớn về mặt kinh tế - xã hội cũng như hàng loạt tiến bộ mới của khoa học tự nhiên ra đời tạo nên tầng tư tưởng, xã hội cho sự ra đời của triết học cổ điển Đức. Lần đầu

tiên trong lịch sử tư duy nhân loại, nhà triết học Heghen đã trình bày một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của phép biện chứng nhưng phép biện chứng đó là phép biện chứng của “ý niệm”, của “thế giới tinh thần”. Chỉ khi C.Mác và Ăngghen gạt bỏ tính chất thần bí, kế thừa những yếu tố hợp lý trong phép biện chứng duy tâm của Heghen xây dựng nên phép biện chứng duy vật.

Thứ năm, lịch sử triết học là khoa học đưa lại những kiến thức giúp người học có thể đánh giá một cách khách quan, toàn diện về những công hiến, những hạn chế của các học thuyết triết học, các phương pháp triết học trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể. Để hiểu được vật chất với tư cách là phạm trù triết học thì cần phải nắm được những quan niệm cơ bản của các nhà triết học trước triết học mác xít đã bàn về vật chất. Vì ngay từ khi ra đời, xung quanh phạm trù vật chất đã diễn ra cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Theo chủ nghĩa duy tâm thì cơ sở của mọi tồn tại là bản nguyên tinh thần nào đó có thể là “ý chí của Thượng đế” hay “ý niệm tuyệt đối” tiêu biểu như Platon - nhà triết học duy tâm khách quan cho vật chất bắt nguồn từ “ý niệm”, sự vật cảm tính là cái bóng của “ý niệm”... Trong quan niệm của các nhà chủ nghĩa duy vật thì thực thể thế giới là vật chất, cái tạo ra các sự vật, hiện tượng cùng những thuộc tính của chúng. Thời cổ đại, người ta quy vật chất về các dạng cụ thể, cảm tính như là nước, lửa, khí... mà đỉnh cao là thuyết nguyên tử của Lơxip và Đêmôcrit. Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX với sự xuất hiện nhiều phát minh mới đưa khoa học tự nhiên từ trình độ thực nghiệm lên trình độ lý luận, đã đưa lại cho con người những hiểu biết sâu sắc về

nguyên tử. Đó là năm 1895, Ronghen phát hiện tia X rồi Becquerel tìm ra hiện tượng phóng xạ; Tômxơn phát hiện ra điện tử mà điện tử là một trong những thành phần cấu tạo nên nguyên tử. Đến năm 1901, Kaufman chứng minh khối lượng điện tử thay đổi theo tốc độ vận động của điện tử. Những thành tựu về khoa học đó đã gạt bỏ quan niệm siêu hình về vật chất cùng với nó là sự sụp đổ những quan niệm đương thời về giới hạn cuối cùng của vật chất. Và chủ nghĩa duy tâm lợi dụng điều đó để cho rằng “vật chất” của chủ nghĩa duy vật đã biến mất, nền tảng của chủ nghĩa duy vật đã sụp đổ. Chính hoàn cảnh đó V.I.Lênin đã khái quát những thành tựu của khoa học tự nhiên, chỉ rõ sự biến mất giới hạn hiểu biết về vật chất trước đây để đi đến khẳng định vật chất không biến mất, chủ nghĩa duy vật không tiêu tan. Khi nắm rõ hoàn cảnh cụ thể ra đời định nghĩa về vật chất của V.I.Lênin chúng ta mới thấy rõ hơn vai trò, vị trí của định nghĩa đó.

Như vậy, qua việc truyền đạt những nội dung của lịch sử triết học sẽ giúp cho người học nắm được quy luật hình thành, phát sinh, phát triển của những hệ thống triết học khác nhau và chỉ ra được vai trò, vị trí của chúng đối với sự phát triển tư duy triết học cũng như với đời sống xã hội, với lịch sử nhân loại. Sự phân kỳ lịch sử triết học là cách xác định những mốc lớn phản ánh trung thực những chặng đường phát triển của triết học. Mỗi cột mốc lớn lao của triết học được đánh dấu bởi sự ra đời của các học thuyết triết học. Nếu giảng dạy, học tập triết học Mác - Lênin mà thiếu đi kiến thức lịch sử triết học thì sẽ làm cách nhìn nhận các nội dung thiếu toàn diện, có phần lệch lạc. Và lịch sử triết

học cũng không thể trở thành môn khoa học chân chính khi thiếu đi cơ sở vững chắc của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Vì lẽ đó, để giảng dạy tốt các nội dung triết học Mác - Lênin thì không thể tách rời các nội dung của lịch sử triết học. Trong cuốn sách “Nhập môn lịch sử triết học” của nhà nghiên cứu lịch sử triết học nổi tiếng, Giáo sư, Tiến sĩ Khoa Triết học, Đại học Tổng hợp Quốc gia Mátxcơva mang tên M.V.Lômônôxốp - V.V. Xôcôlốp có nói rằng “lịch sử triết học chính là triết học trong cả quá trình phát triển của nó”. Mỗi người giảng dạy triết học Mác - Lênin dùng những kiến thức thuộc về lịch sử triết học đưa vào làm rõ những nội dung bài giảng triết học thật linh hoạt thì sẽ đem lại sức hấp dẫn với bài giảng, thu hút sự chú ý của người học. Cần phải hiểu là muốn dùng kiến thức lịch sử triết học để giải thích, làm rõ vấn đề triết học Mác - Lênin khác với việc trình bày các dữ liệu thuộc lịch sử triết học vì như vậy lại càng làm vấn đề đưa ra thêm “khô khan” và rối rắm, mất nhiều thời gian. Muốn làm được như vậy đòi hỏi khi giảng người giảng viên phải sử dụng thuần thục phương pháp lịch sử và phương pháp so sánh. Trước hết là trình bày cô đọng, khái lược những quan điểm của các nhà triết học đã giải quyết vấn đề đó như thế nào tiếp theo là so sánh những quan niệm đó với quan điểm của triết học Mác - Lênin về vấn đề đã trình bày để làm rõ cho người học thấy sự khác biệt, sự kế thừa, điểm tiến bộ về vấn đề đã nêu dưới góc độ triết học Mác - Lênin. Thực hiện được điều này đòi hỏi người giảng viên phải nắm chắc kiến thức lịch sử triết học và kiến thức chuyên môn vững vàng./.

ĐỀ PHONG TRÀO THI ĐUA ĐI VÀO THỰC CHẤT - KINH NGHIỆM TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



Ths. ĐINH QUỐC THỊ

TUV. Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ và quán triệt sâu sắc các chỉ thị của Trung ương về công tác thi đua khen thưởng, trong những năm qua Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đã lãnh đạo, chỉ đạo, phát động các phong trào thi đua với nhiều nội dung đa dạng, phong phú và thiết thực. Các khoa, phòng, đoàn thể và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã hưởng ứng và tham gia tích cực, lập nhiều thành tích xuất sắc trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, góp phần vào sự phát triển của tỉnh nhà, qua đó bài học được rút ra là:

Trước hết, để thực hành tốt phong trào thi đua yêu nước, mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu phải nhận thức đúng đắn bản chất, vai trò, tầm quan trọng của phong trào thi đua. Thi đua là khơi dậy khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, mỗi tập thể đánh thức những năng lực đang tiềm ẩn trong mỗi con người, tổ chức để động viên tinh thần, động viên vật chất, động viên sức người sức của thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ đã đề ra. Nói tóm lại là nhằm “Vận động tất cả lực lượng của mỗi người dân, không để sót một người nào,

góp thành lực lượng toàn dân để thực hành những công việc nên làm, những công việc mà Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho”⁽¹⁾. Xét đến cùng, thi đua được xem như việc rót dầu vào chiếc đèn cuộc sống, còn tư tưởng của thi đua là thấp sáng nó lên.

Thứ hai, phải xác định công tác thi đua, khen thưởng là một nội dung quan trọng của công tác đảng, công tác chính trị, phải được duy trì ở tất cả các hoạt động trong mọi tổ chức và của mỗi cá nhân từ việc tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất đạo đức, lối sống, việc chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua. Bác Hồ đã dạy chúng ta: “Bản phận của người dân Việt Nam, bất kỳ việc gì, đều cần phải thi đua nhau: làm cho mau, làm cho tốt, làm cho nhiều...đều cần phải trở nên một chiến sĩ tranh đấu trên mặt trận: Quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa”⁽²⁾

Thứ ba, trong phong trào thi đua, phải xác định đúng động cơ của thi đua. Bản

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia H.2002, t.5, tr.698;

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, t.5, tr.556.

chất của thi đua, khen thưởng không phải là sự cạnh tranh, ganh đua mà là hình thành động cơ thi đua trong sáng, lành mạnh, vì lợi ích của mọi người, của tập thể; là để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị, trong đó có quyền lợi của mỗi cá nhân. Động cơ trong sáng, đúng đắn sẽ thúc đẩy thái độ, hành vi của mỗi cán bộ giảng viên trong hiện nhiệm vụ chính trị. Nếu phong trào thi đua chỉ hướng đến việc giải quyết lợi ích cá nhân hoặc lợi ích cho một nhóm người thì giá trị và hiệu quả của phong trào thi đua sẽ không tạo thành làn sóng lan tỏa đến mọi tầng lớp nhân dân. Ngược lại, nó có thể trở thành lực cản và là mầm mống cho chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm và gây mất đoàn kết nội bộ. Chính vì vậy, trong thi đua phải đặt lợi ích tập thể lên trên hết, thi đua xét đến cùng nhằm mục đích huy động năng lực sáng tạo của từng cá nhân, tập thể hướng đến thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của mỗi khoa, phòng và toàn trường.

Trong những năm qua, nhờ lãnh đạo thực hiện tốt công tác tư tưởng, xác định đúng đắn động cơ thi đua, do đó thông qua các phong trào thi đua yêu nước Nhà trường đã quy tụ được sự đoàn kết thống nhất trong đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ tư, phải xác định thật cụ thể nội dung thi đua trong cả nhiệm kỳ, từng năm, hàng quý, hàng tháng. Đây là yêu cầu rất quan trọng để việc tổ chức phong trào thi đua thành công. Trên cơ sở các nội dung thi đua, mốc thời gian thi đua, và các chỉ tiêu do BGH đề ra, tất cả các khoa, phòng, đoàn thể và mỗi người đều phải xây dựng kế hoạch với tiêu chí cụ thể của đơn vị mình để thực hiện. Trong các nội dung thi đua cũng phải xác định nội dung nào có tác động mạnh mẽ, thường xuyên đến hiệu quả thực hiện các nội dung khác thì phải tiến hành ngay

và liên tục. Ví dụ: Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên là nhân tố quyết định nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng và các mặt hoạt động khác của nhà trường thì phải chú trọng đề ra các nội dung thi đua xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên vững mạnh như: thi đua học tập nâng cao trình độ, rèn luyện nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tổ chức dự giờ, góp ý bài giảng, tổ chức thi giảng viên giỏi, tổ chức đi nghiên cứu thực tế, phát động đăng ký các đề tài nghiên cứu... Nhờ làm tốt nội dung này, đến nay trong tổng số 34 giảng viên của nhà trường đã có 02 tiến sĩ, 01 nghiên cứu sinh, 28 thạc sĩ; 02 giảng viên là chuyên viên cao cấp, 21 giảng viên chính; 25 đồng chí có trình độ cao cấp lý luận chính trị, 09 đồng chí có trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Từ 2011 đến nay, có 40 lượt giảng viên đạt danh hiệu giảng viên giỏi cấp trường, 10 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên giỏi toàn quốc.

Sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường đã góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Trường. Về đào tạo, từ năm 2011 - 2019 đã mở 90 lớp Trung cấp lý luận chính trị và lý luận chính trị - hành chính với 6663 học viên; phối hợp đào tạo 9 lớp Cao cấp lý luận chính trị với 924 học viên; 66 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước với 4616 học viên; 192 lớp bồi dưỡng chuyên đề lý luận và chính huấn cán bộ với 18992 học viên... Kết quả đó đã góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ngày càng vững mạnh.

Thứ năm, thực hiện tốt việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, bình công, báo công và khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua. Đây là biện pháp rất quan trọng,

không thể thiếu trong tổ chức thi đua nhằm đánh giá đúng thành tích, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phong trào thi đua. Việc đánh giá, bình xét thi đua phải được tiến hành liên tục trong từng tuần, từng tháng, từng quý, 6 tháng và tổng hợp lại thành cả năm; phải được thực hiện công khai, dân chủ, kịp thời trên cơ sở các nội dung và tiêu chí đã đưa ra từ đầu. Việc đánh giá thi đua không chỉ dựa vào kết quả đã thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể mà còn phải đánh giá cả tinh thần phối hợp, hợp tác giữa các cá nhân với nhau và giữa các tập thể với nhau. Phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, cùng với việc phát hiện, biểu dương nhân rộng điển hình tiên tiến thì cần phải nêu cao tính tự phê bình và phê bình để kịp thời khắc phục những yếu kém trong nhận thức cũng như việc triển khai phong trào thi đua nhằm đảm bảo cho phong trào thi đua luôn luôn đạt hiệu quả.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lời kêu gọi thi đua ái quốc đến nay đã 71 năm (6/1948), khi thời gian càng lùi về phía sau thì những tư tưởng của Người càng rực sáng để tiếp tục soi đường, khơi dậy lương tâm, trách nhiệm, ý chí quyết tâm của mọi tầng lớp nhân dân ra sức lao động, sáng tạo để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước, là một người dân yêu nước, trên mỗi cương vị và lĩnh vực công tác khác nhau, mỗi chúng ta phải luôn luôn thấm nhuần sâu sắc lời căn dặn của Người, gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước./.

THỰC HIỆN TỐT...

Xem tiếp trang 36

Muốn làm được điều đó, đòi hỏi mỗi cán bộ đảng viên phải không ngừng nỗ lực học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết, của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, thông qua đó giúp mỗi người rèn luyện và giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định lý tưởng cách mạng, luôn biết đặt lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết, đồng thời chỉ đạo và tổ chức quần chúng nhân dân đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống. Việc học tập, rèn luyện, tu dưỡng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, suốt đời, được tiến hành ở mọi lúc mọi nơi. Quá trình học tập, rèn luyện phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi mối quan hệ với tổ chức, cá nhân, trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng, phải được sự theo dõi, kiểm tra, giám sát thường xuyên của cấp ủy và nhân dân.

Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, sự nêu gương của cán bộ đảng viên có vai trò hết sức quan trọng và có sức lan tỏa rất lớn, sẽ tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong Đảng và trong toàn hệ thống chính trị, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, việc triển khai và thực hiện có hiệu quả trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu sẽ góp phần thiết thực vào việc hoàn thành sứ mệnh cao cả của Đảng, lãnh đạo nhà nước và nhân dân, xây dựng đất nước theo mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.

KẾT QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở XÃ NAM HƯƠNG, HUYỆN THẠCH HÀ



Ths. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

Nam Hương là một trong tám xã của huyện Thạch Hà về đích nông thôn mới năm 2018. Là một xã khó khăn, điểm xuất phát thấp nhưng với sự quyết tâm của cấp ủy, chính quyền, sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Nhân dân, với cách làm linh hoạt sáng tạo, xã Nam Hương đã về đích nông thôn mới trước 02 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2015 - 2020 đề ra.

Nam Hương là một xã miền núi nằm phía Tây Nam của huyện Thạch Hà, diện tích tự nhiên 2.105,16 ha, dân số 2.112 người, có 529 hộ và có 6 thôn; Đảng bộ có 127 đảng viên, sinh hoạt tại 8 chi bộ (6 chi bộ nông thôn, 2 chi bộ trường học, trạm y tế). Những năm trước 2016, Nam Hương là xã miền núi đặc biệt khó khăn (xã 135), tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên 30%, cơ sở hạ tầng vừa thiếu, vừa yếu. Nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp; vườn hộ chủ yếu là cây không có thu nhập, kinh tế phát triển chậm, điểm xuất phát rất thấp, khó khăn cả về nhân lực và vật lực; giá trị kinh tế thấp, người dân không mặn mà với phát triển kinh tế hộ. Dịch vụ thương mại không phát triển, người dân ở đây chủ yếu tự cung, tự cấp; tư tưởng của đa số nhân dân trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước (chương trình 135 hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ bảo hiểm y tế 100%, hỗ trợ các chương trình dự án)...

Cuối năm 2015, xã Nam Hương rà soát mới đạt 7 tiêu chí nông thôn mới; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa VIII đề ra mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020, sau hai năm phấn đấu xây dựng, đầu năm 2018, đạt 12 tiêu chí; các tiêu chí khó đạt như: Tiêu chí Trường học, hệ thống giao thông trục xã phải làm mới 3,8 km, hệ thống kênh mương thủy lợi, điện; nhà văn hóa thôn, thiết chế, khuôn viên văn hóa còn tạm bợ... Đặc biệt là khu dân cư mẫu, vườn mẫu; tuyến đường hàng rào xanh còn rất ít.

Ngay từ đầu năm 2018, Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã đã xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, ban hành Nghị quyết phấn đấu đến cuối năm 2018 về đích. Sau khi ban hành Nghị quyết, cấp ủy, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp, huy động tối đa các nguồn lực, đến tháng 6 năm 2018 rà soát lại các nhiệm vụ, cơ bản đạt từ 50-60%, từ đó UBND xã có văn bản đăng ký và được đoàn kiểm tra của tỉnh, huyện thống nhất cho đưa vào danh sách xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018. Từ kết quả này đã khơi dậy quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân phấn đấu đưa xã Nam Hương đạt chuẩn 20 tiêu chí trong năm 2018.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chỉ đạo nông thôn mới huyện, sự giúp đỡ của các ngành, đoàn thể cấp huyện;

Ban chỉ đạo nông thôn mới xã xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức lấy ý kiến một cách sâu rộng đến từng cán bộ, đảng viên và nhân dân. Xác định công tác cán bộ là cái gốc, là nhân tố quyết định, Ban Thường vụ Đảng ủy thành lập 6 tổ công tác trực tiếp chỉ đạo 6 thôn, Tổ công tác xã phối hợp Ban cán sự thôn xây dựng khung kế hoạch cụ thể, lộ trình thực hiện từng tiêu chí, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của tổ, cán bộ của thôn và tổ trưởng tổ liên gia để tổ chức thực hiện.

Xác định công tác tuyên truyền, vận động là một trong những yếu tố rất quan trọng trong xây dựng nông thôn mới. Tổ chức cho cán bộ xã, thôn, phụ nữ đi tham quan mô hình xây dựng nông thôn mới ở một số xã. Các tổ công tác chỉ đạo thôn cùng cán bộ thôn phân thành các tổ nhóm phụ trách các cụm dân cư, tổ liên gia và đi đến từng gia đình để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động; khảo sát, tư vấn và giúp đỡ từng gia đình thực hiện các chỉ tiêu của nông thôn mới. Mặt trận Tổ Quốc và các đoàn thể nhân dân xã xây dựng và triển khai Kế hoạch xây dựng nông thôn mới đến tận hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân.

Nhận thức được đầy đủ, ý nghĩa của xây dựng nông thôn mới nên cán bộ nhân dân tích cực hưởng ứng. Chỉ trong một thời gian ngắn, chưa đầy một năm toàn xã đã làm mới 6,3 km đường giao thông, 8km kênh mương nội đồng, hàng chục km bờ hàng rào bằng cây xanh, xây mới 02 dãy trường học; sửa chữa trụ sở làm việc của xã, cải tạo 120 vườn tạp, xây dựng 30 vườn mẫu, 12 mô hình sản xuất có doanh thu trên 100 triệu đồng, trong đó có 02 mô hình trên 1 tỷ đồng, thành lập 6 HTX, 13 tổ hợp tác, hình thành 03 khu du lịch sinh thái. Để có được thành quả này, toàn xã đã phải huy

động đóng góp hàng ngàn ngày công, vận động nhân dân hiến 6.500 m² đất, phá dỡ hàng chục bờ rào kiên cố, hàng chục ngôi nhà kiên cố. Ước tính tổng giá trị kinh phí đạt gần 80 tỷ đồng (bao gồm cả ngân sách nhà nước hỗ trợ).

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cũng càng thêm vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức gắn bó với nhân dân, khối đoàn kết toàn dân được củng cố. Đến tháng 12 năm 2018 xã Nam Hương được Đoàn liên ngành của tỉnh kiểm tra công nhận xã hoàn thành các tiêu chí, đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, đạt chuẩn trước 2 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2015 - 2020 đề ra.

Từ những kết quả đạt được trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở xã Nam Hương, bài học kinh nghiệm được rút ra là:

Một là: Công tác tổ chức bộ máy, sắp xếp bố trí đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, sở trường; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên cụ thể, rõ ràng, đánh giá mức độ hoàn thành công việc chính xác. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt với phương châm “dễ làm trước, khó làm sau”, “làm đến đâu chắc đến đó”; không rập khuôn, nóng vội, chủ quan; không để mất thời cơ và tạo lòng tin trong Đảng bộ và nhân dân.

Hai là: Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên; khơi dậy truyền thống thi đua yêu nước của mảnh đất con người Nam Hương (Thi đua giữa các thôn, các hộ) làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã xác định rõ trách nhiệm xây dựng nông thôn mới là của người dân, người dân là chủ thể, trực tiếp làm, không ai bao biện làm thay, làm hộ.

Xem tiếp trang 67

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG THAO GIẢNG, DỰ GIỜ - GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ TỈNH HÀ TĨNH



Ths. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

Trưởng phòng NCKH- TT - TL

Thao giảng, dự giờ là hoạt động chuyên môn của quá trình giảng dạy và có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị. Thông qua thao giảng, dự giờ giảng viên sẽ tự đánh giá khả năng, năng lực chuyên môn của mình, đồng thời tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên hội đồng giảng viên, nhận biết những ưu điểm và hạn chế của mình từ đó nâng cao nhận thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm, tinh thần trách nhiệm để có thể hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất.

Hoạt động thao giảng, dự giờ không chỉ giúp cho giảng viên giảng dạy nâng cao trình độ, kiến thức mà còn giúp cho giảng viên dự giờ, học tập những cái hay, rút kinh nghiệm những thiếu sót của đồng nghiệp về kiến thức, phong cách, phương pháp sư phạm và cách ứng xử các tình huống xảy ra trong quá trình lên lớp để áp dụng vào quá trình giảng dạy của mình, giúp đội ngũ giảng viên xây dựng thói quen nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhất là trong giảng dạy.

Hoạt động dự giờ, thao giảng về thực chất cũng là một hình thức giám sát của cộng đồng đối với việc rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên và tinh thần học tập của học viên. Thông qua đánh giá chất lượng giờ giảng giúp cho các khoa chuyên môn, lãnh đạo nhà trường có căn cứ để thực hiện tốt đánh giá chất lượng đội ngũ

cán bộ, giảng viên, từ đó có kế hoạch để nhân rộng, phát triển điển hình tiên tiến, tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện để khắc phục yếu kém của đội ngũ giảng viên.

Khi thực hiện việc dự giờ, thao giảng không phải chỉ có người giảng lo lắng chuẩn bị bài giảng chu đáo mà người dự giờ cũng phải vận động tư duy, nghiên cứu tài liệu để có điều kiện đưa ra ý kiến nhận xét đánh giá xác đáng bài giảng của đồng nghiệp và tham gia thảo luận đối với các vấn đề về kiến thức, phương pháp, do đó việc tổ chức tốt dự giờ, thao giảng, đánh giá bài giảng cũng sẽ có ý nghĩa như một “hội thảo” thu nhỏ để cùng tạo ra thống nhất nhận thức về một vấn đề kiến thức hoặc phương pháp, có tác dụng nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của cả đội ngũ giảng viên đồng thời có tác dụng thúc đẩy phong trào thi đua giảng dạy, học tập.

Với ý nghĩa đó, trong nhiều năm qua, hoạt động thao giảng, dự giờ ở Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đã được quán triệt, triển khai và trở thành hoạt động chuyên môn thường xuyên của nhà trường. Năm 2017, Ban Giám hiệu tổ chức dự giờ cấp trường với 100% giảng viên (kể cả giảng viên kiêm nhiệm) tham gia. Trong năm 2018 Công đoàn đã phát động và tổ chức dự giờ trong toàn thể đoàn viên công đoàn là giảng viên, các bài giảng đều được đánh giá từ loại khá trở lên, nhiều giáo viên được hội đồng chuyên môn đánh giá đạt loại giỏi và xuất sắc. Trên cơ sở

đó, nhà trường đã lựa chọn tham gia cuộc thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức. Qua các đợt thi từ năm 2013 đến nay, trường đã có 06 giảng viên được công nhận giảng viên dạy giỏi cấp quốc gia trong đó có 02 giảng viên dạy giỏi xuất sắc và được tặng bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Kết quả đó đã góp phần quan trọng xây dựng đội ngũ giảng viên ngày càng vững vàng, nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường.

Trên cơ sở quán triệt chủ trương, kế hoạch của nhà trường và kế hoạch của khoa, cần tăng cường, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra đối với giáo viên về giáo án và việc chấp hành kỷ luật chuyên môn, quy chế đào tạo. Phải tổ chức thực hiện thường xuyên, nghiêm túc việc dự giờ và đánh giá giờ dạy của giáo viên. Việc đánh giá, rút kinh nghiệm bài giảng phải kịp thời, dân chủ, thoải mái và thẳng thắn, nhằm giúp giảng viên có bài giảng cũng như giáo viên dự giờ đều rút được kinh nghiệm.

Ngoài việc tổ chức cho tập thể dự giờ thì lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo khoa cần chủ động dự giờ đột xuất để qua đó kiểm tra việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học viên.

Từ những kết quả đạt được của hoạt động dự giờ, thao giảng kinh nghiệm được rút ra là:

Thứ nhất, hằng năm, ngay từ đầu năm Ban Giám hiệu cần chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thao giảng, dự giờ cho phù hợp, trên cơ sở đó các khoa, phòng chủ động triển khai thực hiện. Thường xuyên đưa hoạt động này vào tiêu chí đánh giá, phân loại giảng viên.

Thứ hai, phải thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức cho các giảng viên tham gia giảng dạy về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động thao giảng, dự giờ; cũng như mục đích, yêu cầu cần đạt được thông qua hoạt động này.

Thứ ba, Đối với mỗi giảng viên cần nhận thức rõ dự giờ, thao giảng là một hoạt động

thường xuyên, là một yêu cầu bắt buộc đối với giảng viên, cũng là cơ hội để nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng. Do đó, cần phải tự giác, tích cực nghiên cứu bài giảng, lựa chọn nội dung bài giảng phong phú ở các phần học nhằm tranh thủ sự đóng góp ý kiến của đồng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường. Phải tích cực dự giờ các giảng viên trong khoa và các khoa khác để học hỏi, rút kinh nghiệm.

Thứ tư, các tổ chức trong trường như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên.. cần phối hợp chặt chẽ với Ban Giám hiệu, các khoa để phát động và tổ chức các hoạt động dự giờ, thao giảng vào các ngày lễ như: Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3), ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7), ngày thành lập Trường (20/10) và ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11).. và đưa hoạt động này vào tiêu chí đánh giá, phân loại đoàn viên, hội viên.

Thứ năm, sau mỗi hoạt động thao giảng, dự giờ, cần đánh giá, rút kinh nghiệm để có cái nhìn tổng quan về công tác này trên mọi phương diện, từ đó có những biện pháp chấn chỉnh kịp thời; đồng thời căn cứ vào kết quả đánh giá để khen thưởng, biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân và phân công bố trí cán bộ phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Thao giảng, dự giờ là nhiệm vụ thường xuyên, cần thiết đối với giảng viên - một trong những nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các Trường Chính trị tỉnh hiện nay. Đồng thời, thao giảng, dự giờ còn được xem là hoạt động tạo nên sự đoàn kết thống nhất giữa các đồng nghiệp với nhau, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị ngày càng phát triển. Việc nâng cao chất lượng chuyên môn thông qua thao giảng, dự giờ là bài học thành công trong những năm qua ở Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh, đã góp phần quan trọng trong việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức dạy và học lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay./.

TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG SỞ CẤP XÃ Ở TỈNH HÀ TĨNH



Ths. HỒ THANH

Giảng viên khoa Nhà nước và Pháp luật

Ngày 27/12/2018 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 về đề án Văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đây là việc cụ thể mục tiêu của Nghị quyết Trung ương lần thứ chín Ban chấp hành khóa XI về xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị...”. Trong những năm gần đây tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo và nâng cao văn hóa công sở ở các ngành, các cấp như: Chỉ thị 35-CT/TU, ngày 04/11/2008, Kết luận 05-KL/TU, ngày 25/5/2011 của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định 33/2011/QĐ-UBND, 52/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh về trách nhiệm kỷ cương hành chính trong cán bộ công chức Hà Tĩnh...

Thực hiện các chủ trương trên việc thực hiện văn hóa công sở ở Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả tích cực: nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò của văn hóa công sở ngày càng được nâng cao; tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức cấp xã ngày càng tốt hơn; nhiều đơn vị cấp xã đã ban hành quy chế về văn hóa công sở, tạo nên nề nếp trong thực thi công vụ; một số đơn vị đã đầu tư cơ sở

vật chất, đồng phục, thẻ công chức, xây dựng các quy định về chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức; tính chuyên nghiệp trong hoạt động của cán bộ, công chức của hệ thống chính trị cấp xã ngày càng cao, tác phong, lề lối làm việc khoa học tạo được niềm tin trong nhân dân; góp phần củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Văn hóa là những giá trị được hình thành lâu dài và được tác động bởi nhiều yếu tố tự nhiên, lịch sử, xã hội, chính trị, đạo đức. Do đó, để xây dựng văn hóa công sở cần phải có nhiều thời gian để cải biến tư duy, cách nghĩ, cách làm và thói quen... vì vậy, bên cạnh những kết quả bước đầu việc xây dựng văn hóa công sở ở chính quyền cấp xã của Hà Tĩnh vẫn còn nhiều hạn chế như: Thực hiện giờ giấc làm việc chưa nghiêm; Còn có việc sử dụng rượu, bia trong buổi trưa các ngày làm việc hành chính; Bố trí phòng làm việc và sắp xếp tài liệu còn lộn xộn; Sử dụng điện thoại, máy tính, máy in, máy phô tô copy lãng phí; Quan liêu, gây khó dễ cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính; Một số cán bộ, công chức còn làm việc riêng, vào mạng Internet, chơi điện tử trong giờ hành chính...

Nguyên nhân của tình trạng trên là: hệ thống văn bản pháp luật, quy chế về văn hóa công sở chưa rõ ràng, chế tài xử lý chưa cụ thể, khó xử lý; hệ thống cơ sở vật chất, tài chính phục vụ cho cấp xã còn khó khăn; cơ chế về phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia phản biện, đóng góp ý kiến trong xây dựng văn hóa công sở chưa đầy đủ... Một nguyên nhân rất quan trọng dẫn đến hạn chế trong xây dựng và nâng văn hóa công sở cấp xã là vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “Cán bộ nào, phong trào ấy”, “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Để thực hiện mục tiêu: “Nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ; đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, xã hội”⁽¹⁾. Cần có hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện, trước mắt, cần thực hiện các giải pháp sau :

Trước hết, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong đảng ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã phải gương mẫu về tư tưởng chính trị; kiên định chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Điều lệ, đường lối của Đảng, Nhà nước và các quy định về văn hóa công sở.

Thứ hai, đi đầu trong đấu tranh chống lại những biểu hiện suy thoái về tư tưởng

chính trị, đạo đức lối sống, phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của nhân dân; chịu trách nhiệm khi tổ chức, cơ quan, đơn vị do mình phụ trách yếu kém trong xây dựng văn hóa công sở và quyết tâm sửa chữa, khắc phục. Nêu gương về đức khiêm tốn, giản dị, trong sáng, liêm chính, không vụ lợi; có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi để hiểu tâm tư nguyện vọng chính đáng của nhân dân, trước hết trong cơ quan, đơn vị công tác và nơi cư trú. Đồng thời thực hiện tốt việc quan tâm đời sống vật chất, tinh thần trong hoạt động công vụ, chia sẻ chân thành những khó khăn, vất vả trong cuộc sống của đồng chí, đồng nghiệp và nhân dân.

Thứ ba, nâng cao trách nhiệm trong việc xây dựng, bồi đắp và phát huy những giá trị cốt lõi của văn hóa công vụ như: “cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư”⁽²⁾ và văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc như: yêu đất nước, yêu quê hương, lòng nhân ái, vì tha... và bổ sung các giá trị văn hóa tiến bộ và chuẩn mực đạo đức mới phù hợp với hoạt động công vụ cấp cơ sở trong điều kiện mới, tạo ra nếp văn hóa tốt đẹp, các giá trị đạo đức cốt lõi cho cán bộ, công chức cấp xã. Xây dựng và thực hiện các quy chuẩn về trang phục, tác phong, giao tiếp ứng xử, bài trí công sở, chuẩn mực đạo đức chung, các quan hệ cụ thể của cán bộ, công chức cấp xã. Cán bộ, đảng viên cấp xã phải là người gương mẫu và đi đầu trong đấu tranh với biểu hiện tiêu cực trong hoạt động công vụ như: sử dụng tài sản công, thời gian làm việc vào việc riêng, sử dụng

(1) Quyết định số: 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Luật Cán bộ, công chức, 2008, Điều 15.

rượu, bia, thuốc lá nơi công sở và trong ngày làm việc, tệ sùng bái phong thủy, mê tín, dị đoan, hủ tục...

Thứ tư, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung của Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước tại cấp xã nói chung và xây dựng, bổ sung các tiêu chí, trách nhiệm về văn hóa công sở nói riêng làm cơ sở để chính quyền cấp xã làm căn cứ để xây dựng văn hóa công sở, đồng thời tạo điều kiện để nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền và đội ngũ cán bộ công chức. Đề xuất với các cơ quan chức năng và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng biên soạn tài liệu để tổ chức các khóa bồi dưỡng về văn hóa công vụ, đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Thứ năm, cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải là tấm gương tự phê bình và phê bình trong xây dựng và nâng cao văn hóa công vụ để cấp dưới làm theo, lấy cầu thị, tự giác, trung thực, chân thành, công tâm làm thước đo, tránh hữu khuynh, chủ nghĩa thành tích. Khi có khuyết điểm, sai trái trong văn hóa công vụ phải kiên quyết sửa chữa. Xây dựng tinh đồng chí, thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, bảo vệ lẽ phải, người tốt, xử lý nghiêm và có thái độ kiên quyết với những hành vi trái với văn hóa, quy chuẩn văn hóa công sở, tôn vinh những cán bộ, công chức và chính quyền cấp xã. Nêu cao ý thức trách nhiệm trong công tác như nâng cao phẩm chất, trình độ về mọi mặt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nói đi đôi với làm; nâng cao ý thức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, chống tư tưởng bè phái, cơ hội thực dụng, lợi ích nhóm.

Thứ sáu, gương mẫu trong thực hiện các quy định về quan hệ với nhân dân, nhất là: Chỉ thị và các văn bản liên quan đến Chỉ thị số: 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, trực tiếp là Pháp lệnh số: 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20/4/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn, Quy định số: 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy cơ sở, đảng ủy cơ sở, và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, Quy định số 11/QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Ban Chấp hành trung ương về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những kiến nghị của dân... Tập trung thực hiện tốt các quy định của Đảng, Nhà nước về văn hóa công sở như: Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quyết định số: 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số: 52/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quy chế văn hóa công sở của xã, phường, thị trấn.

Xây dựng văn hóa công sở, nâng cao tinh thần, hiệu quả phục vụ nhân dân của đội ngũ đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là góp phần xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đó là trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Trước hết, là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cán bộ, công chức./.

MỘT VÀI GIẢI PHÁP GÓP PHẦN THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP) HÀ TĨNH



Ths. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Giảng viên khoa LLMLN, TTHCM

Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP (One Commune One Product) là chương trình phát triển kinh tế theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, triển khai thực hiện chương trình phù hợp và thích ứng các yếu tố, quy luật kinh tế thị trường, bảo đảm các nguyên tắc: Sản phẩm hướng tới tiêu chuẩn chất lượng quốc tế; Tự lực, tự tin và sáng tạo; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trọng tâm của OCOP là phát triển sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, trong đó, chủ thể thực hiện là các thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế HTX.

Để khuyến khích phát triển sản phẩm, từ ý tưởng và nhu cầu, khả năng thực tế của mỗi cơ sở sản xuất, chương trình đề ra một “sân chơi”, đó là Chu trình OCOP được thực hiện sáu bước, theo nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân làm và dân thụ hưởng. Chu trình sáu bước OCOP gồm: *bước 1*, tuyên truyền, hướng dẫn; *bước 2*, nhận ý tưởng sản phẩm; *bước 3*, nhận kế hoạch kinh doanh; *bước 4*, triển khai kế hoạch kinh doanh; *bước 5*, thi sản phẩm cấp huyện, cấp tỉnh; *bước 6*, xúc tiến thương mại. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để hỗ trợ, không áp đặt ý chí chủ quan, mệnh lệnh hành chính trong sản xuất các sản phẩm OCOP, khuyến khích, hỗ trợ cho

các tổ chức kinh tế phát triển sản xuất sản phẩm theo chuỗi giá trị hoàn chỉnh.

Nhận thức được tầm quan trọng của chương trình OCOP - giải pháp xây dựng, phát triển nông thôn mới hiệu quả, bền vững, Hà Tĩnh đã sớm tổ chức học tập, triển khai chương trình. Thực hiện Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 22/8/2018 của Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu Quốc gia ban hành kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ra Quyết định 3292/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 về việc phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định 900/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 về ban hành kế hoạch thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hà Tĩnh năm 2019

Trong những năm qua triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Hà Tĩnh đã đạt được những thành tựu đáng kể nhất là trong phát triển sản xuất; nâng cao thu nhập cho dân của nông thôn. Đã hình thành mới hơn 14.000 mô hình hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả doanh thu trên 100 triệu đồng/năm, trong đó có gần 1.000 mô hình doanh thu

trên 1 tỷ đồng/năm. Có sự chuyển biến tích cực trong tư duy sản xuất, từ nhỏ lẻ, tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Một số sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực đã và đang hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tăng nhanh về quy mô, chất lượng và sức cạnh tranh, hướng đến phát triển bền vững, như: Chăn nuôi lợn; chăn nuôi bò, sản phẩm chè (đã xuất khẩu sản phẩm vào thị trường Châu Âu)... Các sản phẩm đặc sản truyền thống đang được mở rộng quy mô sản xuất như: Cam chanh (trong đó một số sản phẩm đã có thương hiệu như: Cam Thượng Lộc, cam Vũ Quang, Cam Khe Mây...), cam Bù Hương Sơn, bưởi Phúc Trạch, Nhung hươu Hương Sơn, mật ong, rượu Can Lộc, rượu Cẩm Yên... các làng nghề truyền thống như: Nghề mộc Thái yên, Rèn Trung lương, nước mắm Lạch Kèn - Cương Gián Nghi Xuân, nước mắm Hoa Khôi... Có thể khẳng định đây nền tảng tốt để Hà Tĩnh tiếp tục thúc đẩy phát triển, gia tăng giá trị hàng hóa, phát triển các thương hiệu đảm bảo bền vững.

Tuy vậy, việc phát triển kinh tế ở nông thôn còn nhiều hạn chế, khó khăn như: Số lượng doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực chưa nhiều; chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác còn rất thấp. Hiện nay, toàn tỉnh có 4.404 Doanh nghiệp trong đó có khoảng 13% hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn nhưng chỉ có 14 DN (trong đó có 7 công ty cổ phần, 2 công ty TNHH, 5 doanh nghiệp tư nhân) có sản xuất sản phẩm có thể mạnh trên thị trường; Có 55 HTX, THT, liên hiệp HTX có sản xuất sản phẩm có thể mạnh và truyền thống của địa phương trong tổng số 3.780 HTX, THT, liên hiệp HTX, chiếm 1,5%. Hoạt động của HTX, liên hiệp HTX chưa mang lại lợi ích đáng kể cho thành

viên, việc góp vốn chủ yếu trên giấy tờ, trình độ quản lý thấp và phần lớn chưa qua đào tạo. Nhìn chung các hình thức tổ chức sản xuất hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có ngành nghề chưa đa dạng, quy mô sản xuất nhỏ, trình độ quản lý, lao động thấp, sản phẩm truyền thống và thế mạnh của địa phương ít. Các liên hiệp HTX, HTX, THT chủ yếu sản xuất thủ công. Các sản phẩm sản xuất ra chất lượng chưa cao, số lượng ít, chưa có nhãn mác thương hiệu, chủ yếu xuất bán dưới dạng sản phẩm thô, giá trị gia tăng thấp, đời sống người dân còn khó khăn. Công tác xúc tiến thương mại chưa có chiến lược, giải pháp cụ thể nên chưa tạo được thương hiệu và đầu ra ổn định cho hàng hoá nông lâm sản của tỉnh. Thị trường nông thôn chưa được tổ chức tốt, các thành phần kinh tế và nông dân còn thiếu thông tin về thị trường, người tiêu dùng chưa thật sự tin tưởng về chất lượng sản phẩm. Mặc dù thời gian gần đây tỉnh đã có nhiều biện pháp nhằm khắc phục thực trạng trên song vẫn còn hết sức khó khăn do chưa khơi dậy được động lực, tinh thần tự lực, tự cường của cộng đồng, chưa có hệ thống giám sát, đánh giá và xúc tiến thương mại đảm bảo khoa học... Những tiềm năng lợi thế của Tỉnh như văn hóa, cảnh quan, những đặc sản... chưa phát huy cao hiệu quả; Tỉnh đã có những chương trình, dự án, chính sách để hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, song vẫn chưa đạt yêu cầu, chưa thật sự bền vững.

Để góp phần thực hiện tốt chương trình OCOP Hà Tĩnh thiết nghĩ cần thực hiện tốt đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức nhằm tạo được sự chuyển biến trong nhận thức đến các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cả cộng đồng về chương trình OCOP, về sản phẩm OCOP. Làm cho cấp ủy, chính quyền

địa phương các cấp và nhân dân hiểu rõ Chương trình OCOP là chương trình mang tính cộng đồng, vì cộng đồng - là chương trình mở không có điểm cuối; đối tượng đề tập trung chỉ đạo là phát triển sản phẩm và phát triển tổ chức kinh tế. Động lực của Chương trình là hướng đến lợi ích thiết thực của người sản xuất và người tiêu dùng.

Công tác tuyên truyền phải thông qua nhiều hình thức với những giải pháp, biện pháp cụ thể, thiết thực, đồng bộ và cần được triển khai sâu rộng. Phát huy tối đa vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng và một số hình thức khác như: Pano, áp phích, đối thoại trực tiếp, hội nghị phổ biến quán triệt, họp thôn, tổ dân phố. Xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về OCOP trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của các huyện. Đặc biệt chú trọng các hình thức tuyên truyền miệng gắn với đối tượng cụ thể, nội dung cụ thể, trong đó có đối tượng phải tư vấn, thuyết phục đến cùng. Tuyên truyền thông qua đào tạo, tập huấn, tọa đàm, hội thảo và tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại với sản phẩm trong chương trình

Thứ hai, tập trung làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Phải có quyết tâm chính trị cao của người đứng đầu cấp ủy các cấp và cả hệ thống chính trị. Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế - xã hội không chỉ vùng nông thôn mà còn cho cả khu vực đô thị thông qua việc thúc đẩy, phát triển kinh tế (tổ chức kinh tế và sản phẩm) thông qua việc phát huy nguồn lực tại địa phương (nhân lực, trí tuệ, nguyên liệu, văn hóa, cảnh quan,...). Do vậy quá trình lãnh, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình OCOP không thể nóng vội, phải bền bỉ và thực hiện liên tục theo chu trình để thúc đẩy sự sáng tạo liên tục của

người dân; phải xác định rõ trọng tâm cho từng giai đoạn và bám việc thực hiện quyết liệt, đến cùng.

Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện tổ chức, bộ máy, hệ thống tư vấn thực hiện OCOP. Muốn thực hiện thành công chương trình OCOP trước hết phải có bộ máy chuyên trách từ cấp tỉnh đến xã; hội đồng đánh giá sản phẩm cấp tỉnh, huyện. Những thành viên được lựa chọn vào trong bộ máy phải là những người am hiểu về chương trình OCOP, về thế mạnh và tiềm lực của các sản phẩm ở địa phương mình phụ trách. Tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo OCOP cấp Tỉnh, giao Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh làm cơ quan thường trực, UBND cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo Đề án OCOP gắn với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới, các huyện bố trí từ 1 đến 2 cán bộ chuyên trách hoặc phân công kiêm nhiệm về Chương trình OCOP.

Tính hệ thống và tổ chức của bộ máy và của chương trình phải được tổ chức chặt chẽ và được trao nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thực hiện. Phải khởi động, thúc đẩy được sự đề xuất, tính sáng tạo từ dưới lên (từ nhân dân, nhóm hộ sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã). Người đứng đầu trong Ban Điều hành OCOP các cấp phải có đủ thẩm quyền để điều hành và quyết định công việc. Trước mắt, khi nguồn lực và kinh nghiệm của đội ngũ thực hiện OCOP của chúng ta chưa đủ mạnh và chuyên sâu nên mời thêm một số chuyên gia về lĩnh vực này để hỗ trợ thêm. Có thể mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong thực hiện OCOP của Nhật Bản, Thái Lan, các chuyên gia đầu ngành trong nước từ các viện nghiên cứu, trường học, từ các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước.

Thứ tư, cần nghiên cứu kỹ lưỡng mô hình quốc tế như: OVOP (Nhật Bản) và OTOP (Thái Lan) cũng như chương trình

OCOP Quảng Ninh và các tỉnh khác. Quá trình nghiên cứu, học tập phải quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, không rập khuôn máy móc, có sự đánh giá và điều chỉnh từng bước trong quá trình thực hiện cho phù hợp với thực tiễn kinh tế, sản phẩm, sản xuất và truyền thống trong tỉnh và địa phương.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào thực hiện OCOP. Để phát triển các sản phẩm OCOP, nhất thiết phải được tổ chức sản xuất kinh doanh theo một hệ thống nhất định, dựa trên các loại hình tổ chức sản xuất. Sau khi lựa chọn sản phẩm phù hợp, cần khuyến khích, hỗ trợ các hộ gia đình, trang trại, THT, HTX nông nghiệp cơ giới hóa các khâu trong sản xuất, từ đầu vào đến sau thu hoạch và đầu ra cho sản phẩm. Phối hợp với các cơ quan đầu tư nghiên cứu giống, phương pháp bảo quản sau thu hoạch để tăng thời gian sử dụng và giá trị kinh tế của nông sản; chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao ý thức trách nhiệm và năng lực sản xuất cho nhân dân. Cần nghiên cứu thử nghiệm và ứng dụng, chuyển giao các công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến, bảo quản. Ứng dụng và phát triển công nghệ cao trong chuỗi sản xuất các sản phẩm OCOP, như: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; công nghệ cơ khí, tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Thứ sáu, cần xây dựng hệ thống văn bản pháp lý hoàn chỉnh cũng như những chính sách hỗ trợ chương trình OCOP. Chính quyền các cấp cần trở thành “bà đỡ” với vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để hỗ trợ qua tất cả các khâu đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng

bá sản phẩm và định hướng quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa, dịch vụ

Xây dựng được hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hỗ trợ phát triển sản phẩm trên nền tảng hỗ trợ phát triển nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, công tác hướng dẫn lập và quản lý các dự án đầu tư, các dự án sản xuất.

Thứ bảy, làm tốt công tác thi đua, xếp hạng sản phẩm và xúc tiến thương mại. Đối với các cơ quan chuyên môn cần phải xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm. Đây là công cụ quản lý quan trọng nhằm bảo đảm việc phát triển sản phẩm theo các yêu cầu của chương trình OCOP và bảo đảm chất lượng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình. Bộ tiêu chí là cơ sở để các cán bộ OCOP cấp huyện, tỉnh tư vấn và hỗ trợ các tổ chức kinh tế của cộng đồng trong xây dựng bộ máy tổ chức sản xuất - kinh doanh, phát triển sản xuất và sản phẩm.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt cuộc thi đánh giá phân hạng và công nhận sản phẩm hàng năm từ đó làm cơ sở để tạo nên sự thi đua giữa các địa phương, các tổ chức cùng nhóm sản phẩm và để thụ hưởng các chính sách hỗ trợ hiện hành.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm. Khi đã có các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP nên tổ chức Hội chợ OCOP cấp tỉnh, cấp huyện để thay thế cho Hội chợ thương mại thường niên tại tỉnh và tại các địa phương. Kết nối đưa sản phẩm OCOP vào các Trung tâm thương mại như VinMax, Copmax, để kích thích tiêu thụ sản phẩm; ban hành quy định về quản lý các điểm bán hàng OCOP đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường bán hàng OCOP qua mạng Internet./.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, VƯỜN MẪU TẠI HÀ TĨNH



Ths. PHAN THỊ ÁI VÂN

*Giảng viên khoa lý luận Mác – Lênin,
tư tưởng Hồ Chí Minh*

Xây dựng nông thôn mới là một chương trình chiến lược, đặc biệt quan trọng của Đảng và Nhà nước ta, nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Xây dựng nông thôn mới có mục tiêu toàn diện, nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn từng bước hiện đại, xây dựng nông thôn có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn công nghiệp với phát triển dịch vụ, gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch. Xây dựng xã hội nông thôn mới dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được quản lý, bảo vệ; giữ vững an ninh trật tự, tăng cường hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đồng thời xây dựng nông thôn mới là chủ trương mang tính nhân văn sâu sắc, vừa là mục tiêu, yêu cầu phát triển bền vững, vừa là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải thực hiện và tiến hành đúng quy trình, đồng bộ và hiệu quả.

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của tỉnh, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ huyện đến xã, thôn và sự tham gia tích cực của người dân, Chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hà Tĩnh đạt được những kết quả đáng kể, tạo

điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng nông thôn mới trong những năm tiếp theo. Để giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt được, việc xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu là một nội dung rất quan trọng cần được tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện. Trên cơ sở đề xuất của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Ban Chỉ đạo nông thôn mới tỉnh đã chỉ đạo thực hiện thí điểm xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại 5 thôn, và 240 Vườn mẫu đại diện cho 3 vùng sinh thái. Sau một năm thực hiện, tỉnh đã tổ chức sơ kết, kết quả bước đầu mang lại rất thuyết phục, xã đạt chuẩn nông thôn mới có chiều sâu rõ nét hơn, người dân và cộng đồng thôn xóm đồng tình, ủng hộ, chủ động tự giác thực hiện. Ban chỉ đạo NTM tỉnh đã chỉ đạo nhân ra diện rộng, ban hành chính sách thực hiện, đồng thời bổ sung tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu và xác định đây là tiêu chí số 20 trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến nay, Hà Tĩnh có 1.339/1.802 thôn có phương án, dự toán khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được duyệt (đạt 74%), trong đó 230 thôn đạt chuẩn; trên 9.000 vườn xây dựng Vườn mẫu, trong đó 2.393 Vườn đạt chuẩn.

Việc xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu theo quy hoạch, đã tạo ra diện mạo mới cho cộng đồng dân

cư khu vực nông thôn, có chiều sâu rõ nét, tính bền vững cao, đảm bảo thuyết phục hơn khi công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; khắc phục được những bất cập trong khu dân cư, cũng như những bất cập mới nảy sinh trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Với nhiều địa phương, việc cải tạo, xây dựng Vườn mẫu, đã tìm ra hướng đi mới, mà lâu nay còn bế tắc, lúng túng trong thực hiện “Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn”, đa dạng hóa nguồn thu, góp phần quan trọng đạt tiêu chí thu nhập trong xây dựng nông thôn mới. Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu, đã làm ý thức, nhận thức của người dân được nâng lên, văn hóa ứng xử của người dân cũng như ý thức chấp hành pháp luật, các quy ước, hương ước tốt hơn, an ninh trật tự được đảm bảo hơn; các giá trị văn hóa truyền thống, nhất là bản sắc văn hóa làng xã được bảo tồn và phát huy; môi trường trong cộng đồng khu dân cư được bảo vệ, cải thiện nhanh; cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp, đã dần hình thành những vùng quê “Thực sự đáng sống hơn”. Qua quá trình thực hiện, tỉnh Hà Tĩnh đã rút ra một số bài học kinh nghiệm bước đầu trong việc xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu như sau:

Thứ nhất, Phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cho người dân trực tiếp tham gia xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu. Thường xuyên tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm lẫn nhau tạo phong trào thi đua giữa các địa phương trong xã, giữa các xã, giữa các hộ gia đình với nhau, đồng thời học hỏi được cả kinh nghiệm, phương pháp cách làm một cách nhanh nhất.

Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn phải được thực hiện thường xuyên để

người dân hiểu rõ hơn về vai trò, lợi ích thiết thực của việc xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu, huy động tối đa sự tham gia đóng góp cả về trí tuệ, công sức và nguồn lực của người dân. Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn về lập phương án, dự toán và tổ chức triển khai thực hiện Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu; tập huấn sản xuất nông nghiệp hữu cơ, vệ sinh an toàn thực phẩm; đào tạo tiểu giáo viên (TOT) về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; biên soạn, cấp phát tờ rơi tuyên truyền đến tận các hộ dân; đồng thời các cơ quan thông tin truyền thông cũng tăng cường các chuyên mục, các tin bài, phóng sự về các điển hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu, về mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mô hình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thứ hai, Quá trình tổ chức thực hiện, cán bộ phải tận tâm, nhiệt huyết, cụ thể, tránh chung chung. Cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung cao sự lãnh đạo, chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị, đoàn thể nhất là ở cấp thôn trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện từng nội dung cụ thể. Cán bộ các cấp luôn đồng hành với các xã trong quá trình thực hiện, từ tổ chức tập huấn, thẩm định phương án, dự toán đến chỉ đạo hiện trường. Các địa phương thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Tổ công tác chỉ đạo, trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc từ khâu khảo sát, đánh giá thực trạng; phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, đoàn thể theo từng nội dung, tiêu chí; chọn các nhân tố đại diện, xây dựng mô hình mẫu để làm mẫu nhân rộng (như tuyến đường mẫu, đường điện mẫu, vườn mẫu...); thường xuyên kiểm tra, giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn, điểm nghẽn trong quá trình thực hiện. Chính phong trào này đã giúp

Xem tiếp trang 69

GÓP PHẦN TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (CHƯƠNG TRÌNH OCOP) TẠI HÀ TĨNH



Ths. BÙI THỊ NHUNG

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Trong công cuộc xây dựng đất nước, nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn giữ một vị trí vô cùng quan trọng, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cũng như giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc và giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương chính sách nhằm thúc đẩy lĩnh vực này phát triển. Trong thời gian qua phải kể đến Quyết định số 490/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 05 năm 2018 Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020 (tên tiếng Anh là: One commune one product, gọi tắt là chương trình OCOP).

“Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, do các thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) và kinh tế tập thể thực hiện.

Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thực hiện; định hướng quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa, dịch vụ; quản lý và giám sát tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; hỗ trợ

các khâu: Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tín dụng”⁽¹⁾.

Chương trình OCOP nhằm hướng tới mục tiêu:

- “Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh (ưu tiên phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa) để sản xuất các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Thông qua việc phát triển sản xuất tại khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý (hạn chế dân di cư ra thành phố), bảo vệ môi trường và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp của nông thôn Việt Nam”⁽²⁾.

Sau khi Quyết định 490/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020 được ban

(1), (2) Quyết định số 490/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 05 năm 2018 Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020

hành, Hà Tĩnh đã nhanh chóng triển khai và tổ chức thực hiện trên toàn bộ khu vực nông thôn và khuyến khích thực hiện Chương trình cả ở khu vực đô thị (phường, thị trấn). Để cụ thể hóa Quyết định này phù hợp với đặc điểm, điều kiện của Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời xây dựng Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” OCOP, đồng thời ban hành nhiều văn bản để tổ chức thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh.

Trước hết, là Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 1/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030”. Đề án đã đề cập đến những vấn đề cơ bản, quan trọng của việc thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” trên địa bàn.

Sau khi Đề án được thông qua, để chương trình đi vào hoạt động có hiệu quả, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về một số chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có chính sách hỗ trợ phát triển OCOP; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 8357/UBND-NC₁ về việc tổ chức thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, trong đó giao nhiệm vụ tham mưu Chương trình Mỗi xã một sản phẩm cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp; ban hành quy chế quản lý sản phẩm hàng hóa tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; xây dựng bộ Tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP; xây dựng Logo, Bộ nhận diện thương hiệu Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) Hà Tĩnh.

Đồng thời, tổ chức tuyên truyền và đào tạo tập huấn để nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình. Trong đó, giao cho Trường Chính trị Trần Phú tham gia đào tạo cho cán bộ các cấp về lý thuyết, mục tiêu, quan điểm

định hướng của Chương trình OCOP Hà Tĩnh. Các trường dạy nghề, trường đại học trong tỉnh tham gia đào tạo các ngành nghề liên quan đến Đề án, quản trị kinh doanh, tiếp thị cho các tổ chức kinh tế tham gia Đề án có nhu cầu. Trong năm 2018 đã xây dựng 52 phóng sự truyền hình, tin bài về các hoạt động thuộc Chương trình OCOP; lập và đăng quảng cáo các sản phẩm OCOP trên Fanpage OCOP Hà Tĩnh và Website của cơ sở sản xuất; xây dựng và phát trực tiếp đến người tiêu dùng trên 10.000 tờ rơi. Tổ chức 4 lớp tập huấn giới thiệu về Chương trình OCOP với 370 người tham gia, trong đó: 01 lớp cho cán bộ chủ chốt các Sở, ngành và UBND huyện, thành phố, thị xã; 02 lớp cho cán bộ chủ chốt cấp xã; 01 lớp cho chủ các cơ sở sản xuất. Bên cạnh đó, để góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình tỉnh đã tổ chức cho một số cán bộ là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện một số sở ngành liên quan và các huyện, thành phố, thị xã tham quan, học tập kinh nghiệm về Chương trình OCOP tại Thái Lan, tổ chức Đoàn công tác học tập kinh nghiệm tại tỉnh Quảng Ninh về xây dựng các cửa hàng điểm, Trung tâm giới thiệu sản phẩm OCOP và các giải pháp xúc tiến thương mại, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

Cũng trong năm 2018, Tỉnh đã tổ chức khảo sát, lựa chọn được 06 sản phẩm làm điểm (Bánh đa nem Thuận Kỳ, Nem chua Ý Bình, Nước mắm Phú Khương, Nước mắm Lạch Kèn, Cam Khe mây, Cu đơ Phong Nga) để nhân ra diện rộng, đến nay các cơ sở sản xuất đã xây dựng, mở rộng và nâng cấp; thiết kế bộ nhận diện thương hiệu; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng phóng sự về mỗi loại sản phẩm; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm; chuẩn hóa hệ thống bao bì; xây dựng và vận hành chương trình giám sát, quản lý

chất lượng và ATTP theo chuỗi... và đang tiếp tục hoàn thiện các nội dung còn lại theo phương án được duyệt.

Xây dựng 05 mô hình cửa hàng thương mại dịch vụ có liên kết với sản xuất, gắn với thực hiện Chương trình OCOP ở TP Hà Tĩnh, TX Hồng Lĩnh, Huyện Nghi Xuân, Huyện Đức Thọ, đến nay các mô hình đã đi vào hoạt động, thu hút được đông đảo người tiêu dùng trên địa bàn tham quan, mua sắm. Các sản phẩm đặc sản của Hà Tĩnh như: Cu đơ, bưởi Phúc Trạch, nhúng hươu, mật ong, lúa, lạc, gạo... bày bán tại các cửa hàng OCOP được người dân và khách du lịch ưa chuộng.

Triển khai tham gia 11 hội chợ, hội chợ - triển lãm trong nước, 04 phiên chợ hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa; tham gia 03 hội nghị kết nối cung cầu trong và ngoài tỉnh; tham gia ký kết với các đơn vị trong tỉnh và 6 tỉnh Bắc Trung bộ tại Hội nghị kết nối cung - cầu hàng hóa Hà Tĩnh; tổ chức lễ hội cam và các sản phẩm nông nghiệp được tổ chức, trong đó có 75 gian hàng trưng bày các sản phẩm nông nghiệp, có các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

Bên cạnh những kết quả đó, trong quá trình triển khai Chương trình OCOP Hà Tĩnh vẫn đang còn một số tồn tại, hạn chế, như: Quá trình triển khai thực hiện nhưng tổ chức bộ máy điều hành thực hiện Chương trình đến nay chưa được hoàn thiện và chưa đảm bảo tính chuyên trách, chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu. Việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án và ban hành kế hoạch còn chậm. Đến nay các sản phẩm điểm vẫn chưa được đánh giá, xếp hạng và chứng nhận sản phẩm OCOP..

Vì vậy, để triển khai Chương trình OCOP có hiệu quả, Hà Tĩnh cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp đã được nêu ra trong Đề án, đó là:

- Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức và hiểu biết về Chương trình OCOP trong cộng đồng và chính quyền các cấp.

- Hoàn thiện việc xây dựng tổ chức bộ máy quản lý bao gồm: Hệ thống tổ chức bộ máy chỉ đạo điều hành OCOP Hà Tĩnh: Được thiết lập trên cơ sở lồng ghép nhiệm vụ trong Ban chỉ đạo và Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp, có bộ phận chuyên trách (không làm phát sinh biên chế và bộ máy mới); Thành lập hội đồng đánh giá sản phẩm cấp tỉnh và huyện;

- Xây dựng hệ thống hỗ trợ Chương trình OCOP: Hệ thống tư vấn hỗ trợ, hệ thống đối tác OCOP, hệ thống sản xuất.

- Thực hiện các giải pháp về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường: nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ để hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP được thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án cụ thể. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, chủ thể sản xuất về vấn đề vệ sinh môi trường trong sản xuất và kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm; định kỳ kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn môi trường... Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới... và trong công tác bảo vệ môi trường.

- Làm tốt công tác chính sách: Trên cơ sở các chính sách hiện hành và yêu cầu của Chương trình, tiến hành rà soát, tích hợp, bổ sung xây dựng, ban hành chính sách riêng để thực hiện Đề án Mỗi xã một sản phẩm, với các nội dung trọng tâm như sau: Hỗ trợ quy hoạch chi tiết phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ tín dụng cho sản xuất; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; nghiên cứu khoa học; đổi mới, chuyển giao công nghệ; bảo hộ quyền

sở hữu trí tuệ, công bố chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đào tạo nguồn nhân lực và thưởng cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao.

- Phân công và phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị trong thực hiện Chương trình OCOP, trong đó Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh là cơ quan thường trực thực hiện Chương trình OCOP Hà Tĩnh, chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch Đề án OCOP theo giai đoạn và hàng năm; tổng hợp kế hoạch thực hiện Đề án OCOP của các Sở, ngành, các địa phương trong kế hoạch chung thực hiện Đề án; Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đề xuất kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện Đề án; huy động nguồn lực tài chính từ các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ hỗ trợ thực hiện Đề án OCOP; Chỉ đạo và hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch triển khai Đề án OCOP ở địa phương; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Đề án OCOP; Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các huyện, thành phố, thị xã: Xây dựng và triển khai một số dự án thành phần của Đề án OCOP; đề xuất các cơ chế, chính sách thực hiện Đề án; hàng năm và giai đoạn có báo cáo đánh giá, sơ, tổng kết tình hình thực hiện Đề án để báo cáo UBND tỉnh; Chủ trì lựa chọn và chỉ đạo phát triển một số sản phẩm làm điểm; Tham gia kiểm tra, đánh giá, xếp hạng sản phẩm và tổ chức các hội chợ cấp tỉnh; tổng hợp tình hình thực hiện Đề án, báo cáo Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 490/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 05 năm 2018 Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020

2. Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 1/11/2018, về việc phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030”.

3. Quyết định số 900/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 3 năm 2019 ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Hà Tĩnh năm 2019./.

KẾT QUẢ... *Tiếp theo trang 52*

Ba là: Làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, phát huy dân chủ, sáng tạo, xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư, khai thác triệt để các tiềm năng, lợi thế các nguồn lực của địa phương “Lấy sức dân để lo cho dân”, đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Bốn là: Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Phong trào thi đua phải xây dựng phương án chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ, hiệu quả công việc; gắn trách nhiệm người đứng đầu trong việc phát hiện, bồi dưỡng; động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua. Thường xuyên phát động thi đua, kịp thời sơ, tổng kết để rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào.

Về đích nông thôn mới trước 02 năm so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra nhưng cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Nam Hương coi đây là kết quả bước đầu, còn phải quyết tâm nỗ lực phấn đấu huy động tối đa các nguồn lực, tiếp tục xây dựng, củng cố các tiêu chí, nâng cao chất lượng các tiêu chí, để xây dựng xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu./.

HỘI THẢO KHOA HỌC “ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ - TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN, NHÀ LÝ LUẬN XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG, NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG HÀ TĨNH”



Ths. LÊ ĐÌNH HÙNG

Phó Trưởng phòng NCKH – TT - TL

Nhân kỷ niệm 115 năm Ngày sinh đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng (01/5/1904 - 01/5/2019). Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh phối hợp với Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên, nhà lý luận xuất sắc của Đảng, người con ưu tú của quê hương Hà Tĩnh”.

Đến dự Hội thảo, về phía các cơ quan Trung ương, có PGS, TS Trần Minh Thường - Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, cùng các nhà khoa học là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đang công tác tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, lãnh đạo Trường Chính trị Tỉnh Nghệ An. Về phía tỉnh Hà Tĩnh, có đồng chí Hoàng Trung Dũng - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Võ Hồng Hải - UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh, đại diện lãnh đạo các Ban Tỉnh ủy; đại diện lãnh đạo các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Đồng chí Đinh Quốc Thị - TUV, Hiệu trưởng cùng toàn thể cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Trần Phú; Đại diện lãnh đạo huyện Đức Thọ, đại

diện lãnh đạo xã Tùng Ảnh, thân nhân gia đình đồng chí Trần Phú; Các phóng viên TTXVN, Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Tĩnh.

Phát biểu đề dẫn hội thảo, PGS.TS Trần Minh Thường - Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng ôn lại tiểu sử, quá trình hoạt động cách mạng vẻ vang của Tổng Bí thư Trần Phú và nhân mạnh: Cuộc đời cách mạng của đồng chí Trần Phú tuy ngắn ngủi, nhưng đã để lại một tấm gương sáng chói về chí khí cách mạng và tinh thần kiên trung, bất khuất của người cộng sản. Đồng chí đã có những đóng góp quan trọng, nhiều mặt cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Tên tuổi của Tổng Bí thư Trần Phú đã trở thành biểu tượng cao đẹp, mãi mãi được cán bộ, đảng viên và nhân dân ta tin yêu và kính phục. Tại hội thảo, PGS.TS Trần Minh Thường mong muốn đại biểu, các nhà khoa học tập trung làm sâu sắc thêm những nội dung: Đóng góp xuất sắc về lý luận của đồng chí Trần Phú vào việc xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam, vào việc xây dựng các tổ chức cách mạng; Tổng Bí thư Trần Phú - tấm gương người cộng sản kiên cường, bất khuất, hiến dâng trọn đời cho Đảng và dân tộc; Đảng bộ

và nhân dân Hà Tĩnh phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp đổi mới, xứng đáng là quê hương Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.

Các bài viết và các tham luận tại Hội thảo đã thống nhất nêu bật những đóng góp, cống hiến to lớn cũng như tấm gương hy sinh bất khuất của đồng chí Trần Phú đối với Đảng và cách mạng Việt Nam. Bên cạnh đó, đã xuất hiện phương pháp tiếp cận mới, cách nhìn nhận mới về một số vấn đề lịch sử, cụ thể, gợi mở cần tiếp tục làm sáng tỏ khi nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Tổng Bí thư Trần Phú.

Kết luận hội thảo, đồng chí Đinh Quốc Thị - TUV, Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú khẳng định: 35 bản tham luận gửi về và 10 bản tham luận trình bày tại hội thảo đã đi sâu nghiên cứu, phân tích và làm sáng tỏ nhiều nội dung liên quan

đến cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến to lớn của đồng chí Trần Phú đối với Đảng và cách mạng Việt Nam. Cuộc đời hoạt động cách mạng đồng chí Trần Phú là bài ca tranh đấu cho độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân; là tấm gương để chúng ta mãi mãi học tập và noi theo nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng tỉnh Hà Tĩnh ngày càng giàu đẹp, xứng đáng với công lao và mong muốn của đồng chí Trần Phú và các vị cách mạng tiền bối. Đồng chí nhấn mạnh: “Tưởng nhớ Tổng Bí thư Trần Phú, chúng ta nguyện học tập ý chí kiên cường, tinh thần làm việc tận tụy; đức hy sinh, phấn đấu trọn đời vì lý tưởng của Đảng và hạnh phúc của nhân dân; nhân cách, đạo đức sáng ngời của người cộng sản kiên cường; qua đó quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu đẹp”./.

BÀI HỌC...

Tiếp theo trang 63

cán bộ được rèn luyện, sát thực tế hơn, trưởng thành và gắn bó với nhân dân hơn.

Thứ ba, Trong quá trình thực hiện phải xây dựng khung kế hoạch, có Phương án, dự toán và phải được tập huấn, hướng dẫn một cách cụ thể. Trong tập huấn hướng dẫn thì không chỉ tập huấn vấn đề mang tính chất kỹ thuật để xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu mà lồng ghép tập huấn nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới, xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; phát huy cao sự sáng tạo trong quá trình thực hiện.

Thứ tư, Ngoài phát huy cao xã hội

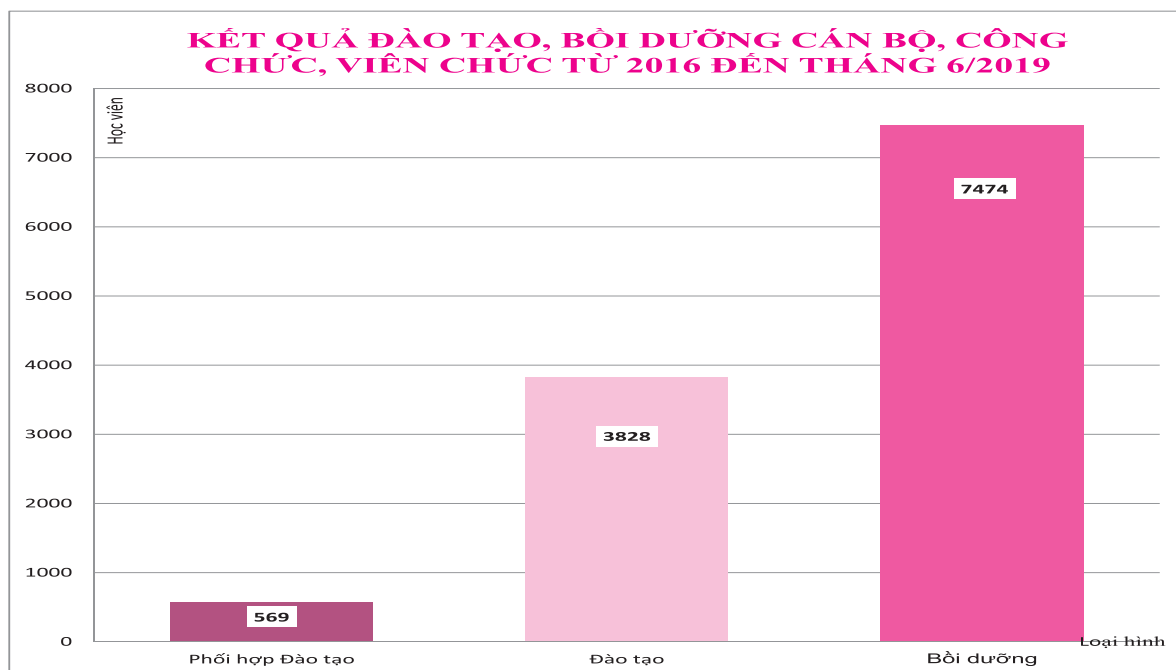
hóa, tự lực, tự cường của người dân thì cũng cần phải có chính sách hỗ trợ theo hướng thưởng theo kết quả đầu ra. Giai đoạn đầu (2014-2015), đối với xã phấn đấu đạt chuẩn trong năm và năm kế tiếp, hỗ trợ 300 triệu đồng/1 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; 20 triệu đồng/01 Vườn mẫu (mỗi xã 10 vườn), phần vốn hỗ trợ chủ yếu cho các nội dung như: quy hoạch, làm hàng rào xanh, hỗ trợ giống cây, ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ vào sản xuất (hệ thống tưới tiết kiệm, chế phẩm sinh học...)... Hiện nay, tỉnh đã ban hành chính sách thưởng theo kết quả đầu ra, mỗi Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn thưởng 300 triệu đồng, mỗi Vườn mẫu đạt chuẩn thưởng 5 triệu đồng cho diện đại trà trên toàn tỉnh./.

PHỤ LỤC KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỪ NĂM 2016 ĐẾN THÁNG 6/2019



Ths. THÁI THỊ HIỀN

Chuyên viên Phòng Đào tạo



TT	Loại hình	Số lớp	Tổng số HV	Ghi chú
I	PHỐI HỢP ĐÀO TẠO			
1	Cao cấp lý luận chính trị	05	450	
2	Trung cấp Công an xã	01	119	
II	ĐÀO TẠO			
1	Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính	53	3.828	
III	BỒI DƯỠNG			
1	Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên	29	1.228	
2	Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên chính	08	349	
3	Các loại hình Bồi dưỡng khác (Bồi dưỡng cán bộ xây dựng Nông thôn mới; Bồi dưỡng theo chức danh; Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức sau Đại hội; Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo quản lý; Bồi dưỡng cán bộ dự nguồn Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Bồi dưỡng Giảng viên; Bồi dưỡng kỹ năng Khiêu vũ, kỹ năng lễ tân ngoại giao)	65	5.897	